



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Janinakronthaler**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Điều Âm lược dịch), trang 4
- ◆ **KHÁNH TUẾ THẮNG HOAN HÒA THƯỢNG** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 8
- ◆ **BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ◆ **HÒA THƯỢNG DUY THỨC** (Thích Viên Thành), trang 12
- ◆ **HUYỀN KHÔNG ĐÔNG TỬ** (xướng họa MĐ Triều Tâm Ảnh/Chúc Hiền), trang 14
- ◆ **NHƯ LAI, BẬC NÓI LỜI CHÂN THẬT** (Quảng Tánh), trang 13
- ◆ **ĐI ĐẾN MỘT KẾT LUẬN** (Tuệ Uyển dịch), trang 16
- ◆ **THẨM ĐỊNH LẠI MỘT BÀI KỆ** (Thích Như Điển), trang 21
- ◆ **XUẤT TRẦN THƯỢNG SĨ** (thơ Hàn Long Ẩn), trang 23
- ◆ **ĐỌC THƠ NỮ QUYỀN, TỪ ĐỜI TỚI ĐẠO** (Nguyễn Giác) trang 24
- ◆ **THẦY TÔI / BUỒN TÀN THU** (thơ Hoàng Thụy Dung / ĐNT Tín Nghĩa), trang 28
- ◆ **THẦY PHƯỚC SƠN – NHÀ GIÁO DỤC** (Thích Tâm Hạnh), trang 29
- ◆ **VÔ ĐỀ, TÌNH NHỚ, QUÁN VEN SÔNG...** (thơ Phù Du), trang 31
- ◆ **CHÁNH NIỆM – Câu Chuyện Dưới Cờ** (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ◆ **CHÙA LINH QUANG VÀ CHÙA TỪ ĐÀM Ở TRUNG VIỆT**, VNPG Sử Luận, Chương 33 (Nguyễn Lang), trang 33
- ◆ **CỬỚI KHÀN** (thơ Du Tâm Lăng Tử), tr. 36
- ◆ **HAI BÀ HÀNG XÓM** (Ns. Như Thủy), tr. 37
- ◆ **GIỮA MÙA COVID-19, CẦN HƠI ẤM NGƯỜI** (thơ Tâm Thường Định), trang 38
- ◆ **EMILY DICKINSON, NHÀ THƠ ẨN DẬP TRONG CỐI THƠ VÔ NGÃ** (Huỳnh Kim Quang), trang 39
- ◆ **CUỘC THƠ, GIỮA NGÀN KHƠI XA** (thơ Tâm Nhiên), trang 42
- ◆ **ƠN QUÊ HƯƠNG, CÙNG SỐNG...** (thơ Nguyễn Thị Khánh Minh), trang 48
- ◆ **BỘ MÁY HỒ HẤP** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 49
- ◆ **TRI ÂM TRI KỶ** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 50
- ◆ **HIỂN DÂNG SỰ CAN ĐẢM...** (Hoàng Phong dịch), tr. 51
- ◆ **ĐẠO VÀNG XUẤT HIỆN** (thơ Tâm Tấn), trang 55
- ◆ **THE STORY OF MANY BHIKKHUS** (Daw Tin), trang 56
- ◆ **NẤU CHAY: CANH ĐẬU HŨ HÀNH HẸ** (Trần Thị Thúc) trang 57
- ◆ **NÓI CHUYỆN PHƯỚC SƯƠNG...** (TK Vĩnh Hữu), trang 58
- ◆ **CHUÔNG NHỊP TÀN KHUYA** (thơ Mặc Phương Tử), trang 59
- ◆ **THƯ GỬI ĐỨC PHẬT** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 60
- ◆ **CÓ LẮM NHỮNG CON ĐƯỜNG** (thơ Hiền Nguyễn), trang 63
- ◆ **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N.), tr. 64
- ◆ **KINH PHẬT, CHAN CHỮA TÌNH** (thơ Diệu Viên), trang 66
- ◆ **KẾ CAI NGỤC TRƯỜNG SINH BẤT TỬ** (Huệ Trần), trang 67
- ◆ **CỐI TA BÀ, THU...** (thơ Chu Vương Miện), trang 69
- ◆ **TỔNG KẾT CỨU TRỢ LŨ LỤT MIỀN TRUNG** (TV Từ Thiện XH), trang 70
- ◆ **LỄ GIỖ LẦN 7 CỰU TRUNG TƯỚNG TÔN THẮT ĐỈNH** (Bình Sa), trang 72
- ◆ **LÊN ĐƯỜNG HÀNH KHẮT** (thơ TK Vĩnh Hữu), trang 73
- ◆ **TÌNH THƯƠNG VÀ THÙ HẬN** (Truyện cổ Phật giáo), trang 74
- ◆ **PHẬT ĐÀI HÒA MỸ** (Quảng Hạnh), tr. 77
- ◆ **NGÕ THOÁT – chương 3** (Vĩnh Hào), trang 80

Báo Chánh Pháp số 110, tháng 01.2021, do Chùa Bát Nhã (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

KHỞ ĐẦU VÀ KẾT THÚC

Ai cũng tin rằng tương lai sẽ như vậy, như vậy, đúng như hôm qua và hôm nay đã trù liệu, hoạch định và tiến hành; bởi vì cái nhân gieo xuống với sự trợ duyên của các yếu tố phụ thuộc chung quanh, một cách khoa học và kinh nghiệm, cùng với thời gian vừa đủ để một tiến trình được khai mở, phát triển, chắc hẳn có nhiều phần mang lại kết quả tương xứng, hoặc bội phần, hoặc bội bội phần.

Tuy vậy, kinh nghiệm, với những kết quả thực tế của một số sự việc, công trình, cũng cho thấy rằng, không phải lúc nào quả phải theo nhân. Bài học vỡ lòng của nhân-quả dạy chúng ta rằng các yếu tố ngoại tại có khi cũng rất quan trọng để dẫn đến kết quả như ý hay bất xứng ý. Tất nhiên khi nông gia cấy lúa xuống ruộng, đã theo kinh nghiệm lâu năm của cha-ông và nghề nghiệp: biết chọn giống tốt, biết lúc nào gieo mạ, cấy mạ, đưa nước vào ruộng, xả nước khỏi ruộng, xịt thuốc trừ sâu, v.v... Nhưng cũng nông vụ này, năm ngoài trúng mùa, năm nay bão giông lũ lụt lại thêm các đập thủy điện xả nước, lúa sẽ bị mất trắng.

Hạt lúa là nhân, cây lúa trở bông là quả; những điều kiện hỗ trợ, tiếp sức cho hạt lúa nảy mầm, lớn lên và trở đòng đòng là duyên. Nhân chỉ có một; quả thường nhiều hơn cái nhân ấy; và duyên thì vô hạn, vô tận. Bởi vì, duyên của một cái nhân này có khi lại là nhân của một cái quả nào đó, hoặc là quả của một cái nhân khác. Chính vì tương quan chằng chéo đan xen như thế giữa các sự thể, nhà Phật gọi là trùng trùng duyên khởi, trùng trùng tương duyên – qua đó, sự sinh khởi của bất cứ sự thể, sự kiện, sự vật nào, từ hữu hình đến vô hình, đều có sự tương trợ và tác thành bởi vô số điều kiện nhân duyên khác. Một sự

thể vừa là quả, vừa là nhân, cũng vừa là duyên cho một hay nhiều sự thể khác. Một sự thể vừa là chủ thể, mà cũng vừa là đối tượng của một chủ thể khác. Mỗi chủ thể đều có tác động đồng thời chịu tác động, gián tiếp hay trực tiếp, thuận hay nghịch, từ một hay nhiều, hay vô số đối tượng và chủ thể khác không phải là nó. Vì vậy, thực ra không có sự thể nào tự sinh khởi, cũng không có sự thể nào có tự tính riêng biệt của nó (vô tự tính). Không gì hiện hữu một cách độc lập. Tất cả đều tùy thuộc vào nhau (tương thuộc), hỗ trợ nhau (tương duyên), và làm nhân cho nhau (tương sinh). Cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không (1). Nhưng cũng chính vì tất cả sự thể đều tùy thuộc hỗ tương, không sự thể nào có tự tính độc lập, nên thực sự không có gì là nhân, là duyên, là quả. Từ chỗ này, Đại sư Long Thọ nói: không gì được sinh ra hay diệt đi; không gì thường hằng hay đoạn diệt; không gì đồng nhất hay dị biệt; và không gì đến hay đi (2). Bát-nhã Tâm kinh cũng nói: *"Bối vì tướng của các pháp là không (tự tính), nên không có sinh-diệt, đơ-sạch, tăng-giảm"* là vì thế (3).

Nghiệm sâu từ đó, không phải để chối bỏ thực tại vô thường của thế giới tương đối, hay cố gắng truy tìm thực tại tuyệt đối vượt khỏi biên tế trần gian; mà chỉ để thực tập một cách nhìn vượt khỏi những nhị nguyên, đối đãi.

May ra, ở chỗ tận cùng bế tắc của đường ngôn ngữ (4), có thể thấy thắp thoáng đâu đó chỗ kỳ tuyệt của bản tâm, nơi đó, không có chỗ khởi đầu và kết thúc.

Suy cho cùng, một sát-na, một ngày, một tháng, hay một năm cũng thế. Không có sự bắt đầu hay kết thúc của không gian và thời gian. Không sinh nên không diệt. Vô thủy nên vô chung.

Nơi ruộng đồng kia, những hạt lúa nảy mầm.
Và mùa xuân lại đến.

- 1) Kinh Phật Tự Thuyết (Tiểu Bộ I), nguyên lý Duyên khởi được nêu như sau:

*"Vì cái này có nên cái kia có
Vì cái này không nên cái kia không
Vì cái này sinh nên cái kia sinh
Vì cái này diệt nên cái kia diệt."*

- 2) Bát bất (tám cái không) mà Long Thọ (Nāgārjuna) nêu lên như là tiêu đề cho toàn bộ Trung Quán Luận:

*"Bất sinh diệt bất diệt
Bất thường diệt bất đoạn
Bất nhất diệt bất dị
Bất lai diệt bất xuất
Năng thuyết thị nhân duyên
Thiện diệt chư hí luận
Ngã khế thủ lễ Phật
Chư thuyết trung đệ nhất."*

Tạm dịch:

Không sinh cũng không diệt
Không thường cũng không đoạn
Không một cũng không khác
Không đến cũng không đi
Tuyên thuyết pháp nhân duyên
Khéo diệt mọi hí luận
Con cú đầu lay Phật
Bậc đạo sư đệ nhất.

- 3) "Thị chư pháp không tướng: bất sinh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm."

- 4) "Ngôn ngữ đạo," (con đường của ngôn ngữ văn tự), chữ dùng của Đại Trí Độ Luận, trong "Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt," nghĩa là cắt đứt con đường ngôn ngữ, dập tắt chỗ vận hành của tâm.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM *lược dịch*

NHẬT BẢN: Các tác phẩm nghệ thuật Phật giáo được trưng bày tại Bảo tàng Osaka trong triển lãm kỷ niệm phong cách nghệ thuật Tempyo

Ossaka, Nhật Bản - Một cuộc triển lãm đặc biệt đang diễn ra tại Bảo tàng Mỹ thuật Thành phố Osaka ở Phường Tennoji của thành phố, trưng bày các kiệt tác nghệ thuật Tempyo và các tác phẩm nghệ thuật khác lấy cảm hứng từ sự rực rỡ của phong cách này.

Triển lãm mang tên "Ngôi ca Tempyo", do báo Asahi Shimbun và các nhà tài trợ khác tổ chức, kéo dài đến ngày 13-12-2020.

Văn hóa Tempyo, đặc trưng bởi sự cởi mở mang tính quốc tế, phát triển mạnh mẽ vào thời Nara (710-784). Tính thẩm mỹ và nguyên lý đặc biệt của nó đã ảnh hưởng đến các tác phẩm nghệ thuật của các thế hệ sau.

Triển lãm theo dõi hành trình nghệ thuật xuyên suốt 1,300 năm và trưng bày khoảng 120 hiện vật, từ vải nhuộm và các tác phẩm nghệ thuật Phật giáo đến các bức tranh hiện đại lấy cảm hứng từ nghệ thuật cổ đại. Trong số này có 5 bảo vật quốc gia và 23 tài sản văn hóa quan trọng.

Các tác phẩm Phật giáo bao gồm 2 tượng Bồ tát và Phật A Di Đà ngồi, tương truyền trước đây được đặt cạnh nhau, mô tả sự cầu nguyện từ thế kỷ thứ 8; và tượng vị Hộ Pháp Shukongojin của Kaikei, một nhà điêu khắc Phật giáo bậc thầy hoạt động trong thời kỳ

Kamakura (1185-1333).
(Tipitaka Network - December 1, 2020)



Các tác phẩm nghệ thuật Phật giáo tại triển lãm kỷ niệm phong cách nghệ thuật Tempyo—Photos: Shunsuke Nakamura

BHUTAN: Hoạt động của tổ chức chư ni Bhutan giữa đại dịch

Hội Chư Ni Bhutan (BNF) - hoạt động để giáo dục và trao quyền cho các nữ tu sĩ

Phật giáo ở vương quốc Hy Mã Lạp Sơn xa xôi này - gần đây đã đưa ra bản cập nhật về các tình hình và hoạt động của hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19 toàn cầu, ghi nhận một số kết quả và cơ hội tích cực vốn đã xuất hiện bất chấp những thách thức và khó khăn đối với hội nói riêng và Bhutan nói chung.

Hoạt động dưới sự bảo trợ của Hoàng thái hậu Ashi Tshering Yangdon Wangchuck, BNF là một tổ chức phi lợi nhuận nỗ lực cải thiện sinh kế hàng ngày của các nữ tu Phật giáo ở Vương quốc Bhutan và nâng cao khả năng tiếp cận với giáo dục cơ bản và bậc cao của họ.

Mục đích của BNF là trao quyền và giáo dục các trẻ em gái và phụ nữ Bhutan để cải thiện điều kiện sống của họ cũng như sức sống kinh tế của các ngôi làng nông thôn, từ đó giúp bảo tồn nền văn hóa Phật giáo phong phú của vương quốc trước sự phát triển nhanh chóng.

(Buddhistdoor Global - December 2, 2020)



Hoạt động của Hội Chư Ni Bhutan —Photos: BNF T





TÍCH LAN: Bộ Khảo cổ Tích Lan mua lại di tích tu viện Phật giáo cổ đại ở Jaffna

Bộ khảo cổ của Tích Lan đã xuất bản một công báo về việc mua lại khu đất ở Neduntheevu (đảo Delft) ở Jaffna, công bố rằng ở đó có phế tích của một khu phức hợp tu viện Phật giáo.

Khu đất này được tuyên bố là "khu bảo tồn khảo cổ học" theo Đạo luật Pháp lệnh Cổ vật.

Động thái mới nhất diễn ra khi bộ khảo cổ của Tích Lan tiếp tục nỗ lực lấy đất trên khắp Đông Bắc để khám phá các di sản Phật giáo Sinhala (dân tộc lớn nhất của Tích Lan).

Tuần trước, Tổng thống Gotabaya Rajapaksa của Tích Lan đã ra lệnh phân phối hơn 700 bức tượng Phật trên khắp quốc đảo này và phát biểu về tầm quan trọng của việc bảo tồn "di sản Phật giáo và quốc gia của chúng ta". Kể từ khi lên nắm quyền, ông cũng đã chỉ định một đội đặc nhiệm toàn-Sinhala về khảo cổ cho tỉnh miền Đông, nơi đang được quân đội giám sát, và đã vấp phải sự chỉ trích rộng rãi từ Tamils.

(NewsNow - December 1, 2020)

TÂY BAN NHA: Hội Nữ Phật tử Tây Ban Nha đăng cai tổ chức Hội nghị chuyên đề quốc tế lần thứ 2 của Nữ Phật tử nói tiếng Tây Ban Nha

Nữ Phật tử Tây Ban Nha (Sakyhadhita Spain) - tổ chức quốc tế lớn nhất dành cho phụ nữ Phật tử nổi tiếng Tây Ban Nha trên thế giới - sẽ tổ chức Hội nghị Quốc tế lần thứ 2 về Phụ nữ Phật tử nói tiếng Tây Ban Nha trong

tháng này, với tiêu đề "Đạo Pháp-Gaia: Phật giáo, Phụ nữ và Cuộc khủng hoảng khí hậu."

Các cuộc thảo luận có người tham gia nói tiếng Anh sẽ bằng tiếng Anh, với bản dịch tiếng Tây Ban Nha tùy chọn.

Sự kiện này sẽ được tổ chức vào ngày 12-12-2020, từ 4 đến 8 p.m diễn ra trên Zoom.

Tập trung vào cuộc khủng hoảng khí hậu, chủ đề của hội nghị nêu bật vai trò quan trọng của các Phật tử và phụ nữ trong việc giúp chúng ta hiểu và đối mặt với tình trạng khẩn cấp toàn cầu đang gia tăng này.

Hiệp hội Phụ nữ Phật giáo Quốc tế, tổ chức mẹ của hội Nữ Phật tử Tây Ban Nha, được thành lập vào năm 1987.

(Buddhistdoor Global - December 03, 2020)

MIỄN ĐIỆN: Nhà sư tại tu viện ở Yangon tạo nơi trú ẩn cho các loài rắn

Nhà sư Phật giáo Wilatha đang cố gắng đóng một vai trò nào đó trong việc cứu những con rắn có thể bị giết hoặc đưa ra thị trường chợ đen.

Nhà sư 69 tuổi này đã tạo ra nơi trú ẩn cho các loài rắn - từ rắn đến rắn vi-pe và rắn hổ mang - tại tu viện Seikta Thukha TetOo ở thành phố thương mại sầm uất Yangon.

Kể từ khi nơi trú ẩn cho rắn được hình thành cách đây 5 năm, người dân và các cơ quan chính phủ - bao gồm cả sở cứu hỏa - đã mang những con rắn bắt được đến sư Wilatha.

Dựa vào số tiền quyên góp khoảng 300 đô la mỗi

tháng cần thiết để nuôi rắn, sư Wilatha chỉ giữ chúng cho đến khi ông cảm thấy chúng đã sẵn sàng để trở về tự nhiên.

Trong buổi ra mắt gần đây tại Công viên Quốc gia Hlawga, sư cho biết ông rất vui khi thấy chúng trườn mình vào tự do nhưng lo lắng vì sợ rằng chúng bị bắt lại.

"Chúng sẽ bị bán ra thị trường chợ đen nếu bị kẻ xấu bắt được", ông nói.

(HT - December 4, 2020)



Nhà sư Wilatha



Các sư và lính cứu hỏa thả rắn về rừng tại vùng ngoại ô Yangon



Một nhà sư và con rắn Miễn Điện tại tu viện Seikta Thukha TetOo, nơi trú ẩn của rắn rắn Photos: REUTERS

UGANDA: Nhà sư người Uganda mang Phật giáo đến châu Phi

Hòa thượng Bhante Bhikhu Buddharakkhita, vị tu sĩ

Phật giáo Uganda đầu tiên, có hoài bão đào tạo 54 sa di, một sa di cho mỗi nước châu Phi.

Là người sáng lập và trụ trì Trung tâm Phật giáo và Chùa Uganda, và là tác giả cuốn "Trồng Hạt giống Giáo pháp: Sự xuất hiện của Phật giáo ở châu Phi", sư Buddhharakkhita (tên thật là Steven Jemba Kabogozza) vốn là người Công giáo. Ông cải đạo sang Phật giáo vào năm 1990 khi đang học tại Ấn Độ, và dạy thiền chánh niệm tại châu Phi từ năm 2005.

"Tôi đã giới thiệu một ngôi trường hòa bình, cung cấp giáo dục và nước sạch cho cộng đồng quanh đây. Có ít nhất 1,500 người cảm động với các dự án của chúng tôi, và tôi đang cố gắng tuyên truyền văn hóa hòa bình.

Vai trò của tôi về cơ bản nói chung là giảng dạy Phật giáo thông qua thiền định, thực hiện các hoạt động nhân đạo vốn có thể quảng bá nó, nghiên cứu cách Phật giáo có thể được giới thiệu tốt nhất trong bối cảnh văn hóa châu Phi, và xuất bản sách để truyền thống mới này có thể được biết đến ở Uganda."

(NewsNow – December 8, 2020)



Hòa thượng Bhante Bhikkhu Buddhharakkhita



Trung tâm Phật giáo và Chùa Uganda



Photos: Eugénie Baccot

THÁI LAN: Trên 20 triệu người tụng kinh Phật giáo để tưởng niệm cố Quốc vương Rama IX

Để kỷ niệm ngày sinh của cố Quốc vương Bhumibol Adulyadej Đại đế (ngày 5-12), đồng thời kỷ niệm Ngày Quốc khánh và Ngày của Cha, trên 20 triệu người Thái đã tham gia các buổi lễ tụng kinh Phật giáo được tổ chức tại hơn 42,000 ngôi chùa trên toàn quốc – ông Anucha Nakasai, Bộ trưởng Văn phòng Thủ tướng Chính phủ cho biết.

Buổi lễ do chính phủ chủ trì thông qua Văn phòng Phật giáo Quốc gia.

"Buổi lễ ở Bangkok được tổ chức tại Tịnh xá Wat Bovoranives ở quận Phra Nakhon của Bangkok, trong khi ở các tỉnh khác, lễ được tổ chức tại ngôi chùa trung tâm ở mỗi quận với sự hợp tác của Văn phòng Phật giáo tỉnh và Tổ chức Hành chánh Tỉnh," ông Anucha Nakasai nói. "Chúng tôi đã tổ chức lễ tụng kinh vào thứ Bảy hàng tuần kể từ ngày 7-11, và sẽ tiếp tục cho đến ngày 26-12 để tưởng nhớ Quốc vương Rama IX".

(NewsNow – December 8, 2020)



Người Thái tụng kinh Phật giáo để tưởng niệm cố Quốc vương Rama IX



Photos: The Nation

BẮC HÀN: 80,000 Mộc bản của toàn bộ kinh điển Phật giáo

Trong số những di sản văn hóa quý giá của đất nước Triều Tiên có "80,000 Mộc bản của toàn bộ kinh điển Phật giáo" - được làm vào nửa đầu thế kỷ 11 dưới thời Vương quốc Koryo (918-1392).

Bộ sưu tập hoàn chỉnh này, được biết đến như là một bách khoa toàn thư về kinh Phật và các sách liên quan, bao gồm

6,793 quyển với hơn 1,530 loại. Số lượng các mộc bản để in ấn của nó lên đến hơn 80,000.

Bản in đầu tiên của bộ sưu tập bằng mộc bản nói trên được thực hiện vào năm 1087, nhưng nó đã bị giặc ngoại xâm đốt cháy vào năm 1231.

Việc xuất bản của nó bắt đầu trở lại vào năm 1236 và kết thúc vào năm 1251.

Các mộc bản được làm trong những ngày đó hiện được bảo quản trong tình trạng nguyên thủy như một quốc bảo tại Bảo tàng Lịch sử Myohyangsan của Bắc Hàn.

Mỗi mộc bản dài 69.6 cm, rộng 24 cm và độ dày là 3.7 cm. Mỗi bản có 22 dòng, trên mỗi dòng có khắc 14 chữ cái. Các chữ cái và các mộc bản trông giống như những tác phẩm điêu khắc.

Các thanh gỗ được đặt kẹp ở cả hai đầu của khối sơn mài và các dải đồng được đặt ở bốn góc của nó. Và niên đại của văn bản, các tiêu đề của kinh sách và máy cắt gỗ, số lượng các tập, v.v. cũng được khắc trên các mộc bản này.

(KCNA - December 10, 2020)

NEPAL: Chư ni 'Kung Fu' leo lên dãy Hi Mã Lạp Sơn để cứu trợ người nghèo túng

Đi bộ nhiều giờ trong không khí loãng của dãy Hi Mã Lạp Sơn, hàng trăm ni cô dòng truyền thừa Drukpa - được mệnh danh là chư ni Kung Fu - đang thực hiện sự cứu trợ quan trọng và lời khuyên về sức khỏe cho những dân làng bị bỏ rơi và ốm yếu bởi COVID-19.

Bên cạnh việc vận chuyển các bao tải chủ yếu đựng từ gạo, đậu lăng đến đồ vệ sinh cá nhân và khẩu trang trên lưng trong điều kiện núi non khắc nghiệt, chư ni còn kêu gọi dân làng lưu ý đến mối đe dọa do COVID-19 gây ra.

Các ngôi làng nhận viện

trợ từ các ni cô nằm ở cả hai bên biên giới Ấn Độ-Nepal, và cho đến nay đã có khoảng 2,000 gia đình được cứu trợ.

Không thường xuyên truy cập được truyền hình hoặc internet để biết thông tin, người dân địa phương thường coi virus là "chỉ là cảm lạnh", và bỏ qua các buổi huấn luyện về giãn cách xã hội, rửa tay và cách đeo khẩu trang.

Trong những ngày gần đây, các ni cô đã làm việc suốt ngày đêm để mang thực phẩm và đồ dùng vệ sinh đến một ngôi làng ở huyện miền núi Lahaul, Ấn Độ. Tất cả cư dân của làng đều đã nhiễm virus, bao gồm thân nhân của một số các ni cô này.

(NewsNow - December 11, 2020)



Chư ni Kung Fu giúp dân làng tại Hi Mã Lạp Sơn
Photo: Kungfununs.org

HOA KỲ: Giáo hội Phật giáo New York tổ chức Lễ Mừng Năm Mới trực tuyến

Giáo hội Phật giáo New York (NYBC), một ngôi chùa thuộc trường phái Jodo Shinshu (Tịnh độ Tông) của Phật giáo Nhật Bản, sẽ tổ chức một loạt các sự kiện trực tuyến từ ngày 20-12-2020 đến ngày 1-1-2021 để chào mừng năm mới.

Các sự kiện được lên kế hoạch bao gồm trình diễn văn hóa, hội thảo, đọc sách, dịch vụ đặc biệt và biểu diễn âm nhạc của các nghệ sĩ, nhà giáo dục và các nhà lãnh đạo tôn giáo trong cộng đồng.

Các hoạt động này - tập

trung vào văn hóa Nhật Bản, cuộc sống của người Mỹ gốc Nhật và Phật giáo Nhật Bản - sẽ hỗ trợ việc gây quỹ cho ngôi chùa.

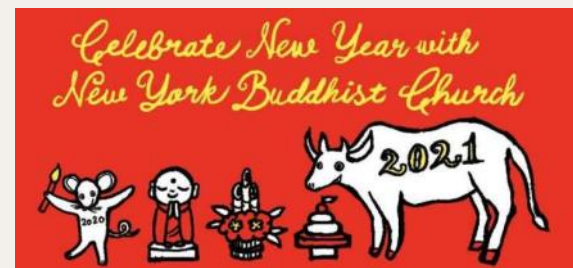
NYBC được thành lập vào năm 1938 bởi Hòa thượng Hozen Seki. Ông là người đã thành lập Học viện Phật giáo Hoa Kỳ vào năm 1948 để tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu Phật giáo Nhật Bản và các tôn giáo thế giới.

NYBC là một thành viên của Giáo hội Phật giáo Hoa Kỳ (BCA), tổ chức Phật giáo lâu đời nhất ở Hoa Kỳ. BCA hiện có hơn 60 ngôi chùa độc lập và khoảng 16,000 thành viên trên khắp nước Mỹ.

(Buddhistdoor Global - December 12, 2020)

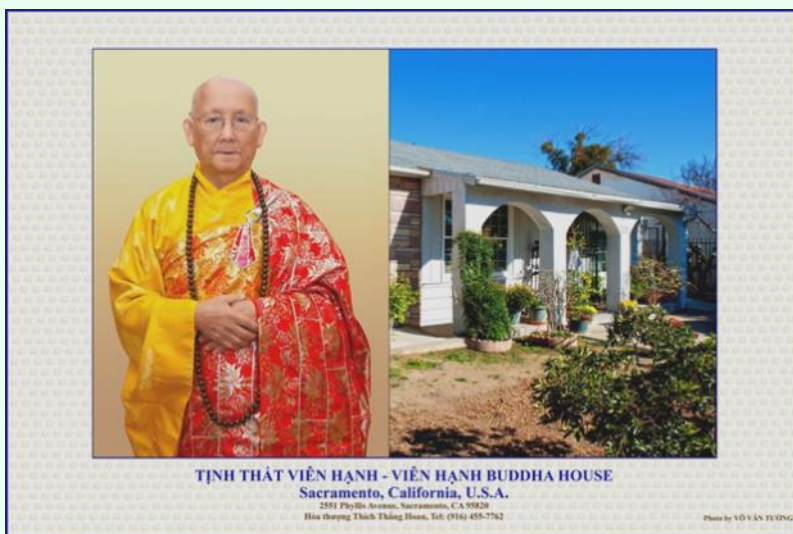


Các hoạt động tại Giáo hội Phật giáo New York (NYBC)



Poster mừng Năm Mới của NYBC

Photos: Facebook



Trưởng lão Hòa thượng Chánh Văn Phòng
và Trưởng lão Hòa thượng Chủ Tịch
Giáo Hội Phật Giáo VNTN Hoa Kỳ

Khánh Tuế Thắng Hoan Hòa Thượng

*Minh niên giáo hội đồng hoan duyệt
Chánh Văn Phòng Trưởng Lão Thắng Hoan
Ta bà cửu trụ cửu thập tứ
Đương lai tất cánh nhập Lạc bang.*

Canh tý Quý đông - Dec. 20th, 2020

慶歲勝歡和尚

明年教會同歡悅
正文房長老勝歡
娑婆久住九十年
當來畢竟入樂邦

調御子信義

庚子季冬 - Dec. 20th, 2020

thơ ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biện Minh Trung Đạo
và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

b/10- Thiện Xảo Chân Thật: *a, Trình Bày Tổng Quát:

Bài Tụng:

**“Nơi Uẩn, v.v... Ngã Kiến, Chấp Nhất,
Nhân, Thọ Giả, Tác Giả, Tự Tại Chuyển,
Tăng Thượng Nghĩa và Thường; Thanh
Tịnh Y là khỏi ô nhiễm, Quán, Tánh trí
buộc và giải thoát; chỗ chấp
đây, phân biệt, nghĩa Pháp
Tánh ở nơi kia.”**

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là trình bày chung mười thứ Thiện Xảo. Mười thứ Thiện Xảo gồm có: Uẩn Thiện Xảo, Giới Thiện Xảo, Xứ Thiện Xảo, Duyên Khởi Thiện Xảo, Xứ Phi Xứ Thiện Xảo, Căn Thiện Xảo, Thể Thiện Xảo, Để Thiện Xảo, Thừa Thiện Xảo và Pháp Hữu Vi Vô Vi Thiện Xảo. Nơi trong mười Thiện Xảo đây đều có thể sanh khởi Ngã Kiến:

1/- Như nơi trong Ngũ Uẩn, chấp trước cho là có một Căn Thân (*Thân Thể*), Phật Pháp công khai quán thấy đó tức là Sắc, Thọ, v.v... Ngũ Uẩn, như thân thể tức là Sắc Uẩn, Khổ Lạc, v.v... tức là Thọ Uẩn, Tư Tưởng tức là Tưởng Uẩn, Thiện Ác, v.v... tức là Hành Uẩn, Tâm, v.v... tức là Thức Uẩn; là khỏi Ngũ Uẩn này ngoài ra không có một thật thể nào khác, chỉ là thể chất chứa nhóm của Pháp Uẩn, không có Ngã Thể thật tại thống nhất. Tuy nhiên cái Ngã, thông thường gọi đều cho là có cá tánh độc nhất, thật tế chính là Giả Tướng hoà hợp, cũng giống như nương nơi đoàn thể đặt tên là Phật Học Xã, nghĩa là cùng nhau nương nơi pháp Ngũ Uẩn mà đặt danh xưng cho người, ngoài

trừ đặc biệt hoà hợp chứa nhóm không thật thể đây, chẳng qua giả danh gọi là anh A, anh B mà thôi. Vì bị chấp một Ngã Tướng, do đó cần phải khéo léo để thông suốt được Ngũ Uẩn, cho nên gọi là Uẩn Thiện Xảo.

2/- Chấp Nhân, nghĩa là chấp trước hữu tình, mặc dù là tướng hoà hợp, nhưng tất nhiên có sự vật thật tại làm nhân và cho nhân thể đây tức là Ngã, đó gọi là chấp Nhân Ngã. Do vì bị chấp, cho nên Thập Bát Giới mới được thuyết minh. Thập Bát Giới (*Mười tám Giới*), chữ Giới tức là chỉ cho Nhân của nghĩa chủng tử. Nhân của nghĩa chủng tử gồm có: sáu Căn, sáu Cảnh và sáu Thức, mỗi mỗi đều có chủng tử phát khởi hiện hành, cho nên gọi là Nhân và ngoài Nhân đây không có Ngã nào khác có thể cho là Nhân được. Thập Bát Giới đây nếu đã hiểu rõ thì được mang danh xưng là Giới Thiện Xảo.

3/- Chấp Thọ đây có thứ người quan niệm rằng: nếu không có Ngã thì ai thọ báo? Do đó xác định rằng tất nhiên phải có một người để thọ báo và người đó đúng là Ngã. Nhưng quán sát tinh tế chỗ thọ báo giác ngộ được là không ngoài sáu Trần. Sáu Trần gồm có: Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc, Pháp và hơn nữa sáu Trần thọ báo đích thực là không ngoài sáu Căn. Sáu Trần và sáu Căn cộng lại là mười hai Xứ. Mười Hai Xứ (*sáu Trần và sáu Căn*) chính là chỉ cho Năng Thọ và Sở Thọ, nhưng Năng Thọ đây bị chấp trước cho nên gọi là Xứ Thiện Xảo.

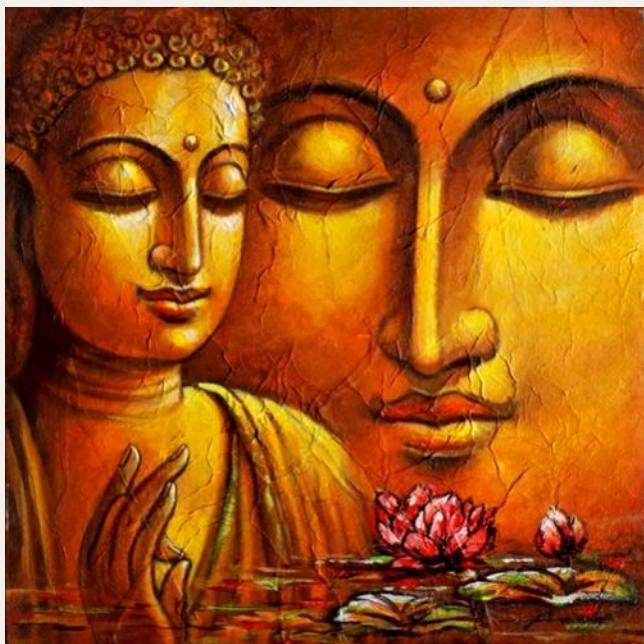
4/- Chấp Tác Giả, nghĩa là có thứ người mặc dù không chấp nhận con người thọ nhận nhân quả, nhưng lại cho vạn vật thể gian này



nhất định một tác giả sáng tạo và chấp tác giả sáng tạo đó chính là Ngã. Kẻ bị chấp trước đích thực là Thập Nhị Duyên Khởi (*Mười hai Duyên Khởi*). Nhân quả trong ba cõi đều không ngoài Thập Nhị Duyên Khởi này, nghĩa là Vô Minh duyên nơi Hành, Hành duyên nơi Thức, Thức duyên nơi Danh Sắc, Danh Sắc duyên nơi Lục Nhập, Lục Nhập duyên nơi Xúc, Xúc duyên nơi Thọ, Thọ duyên nơi Ái, Ái duyên nơi Thủ, Thủ duyên nơi Hữu, Hữu duyên nơi Sanh và Sanh duyên nơi Lão Tử. Sanh và Lão Tử sau cùng bị biến chuyển là do nghiệp vô minh phiền não phát khởi, ngoại trừ Thập Nhị Duyên Khởi đây không ai có thể thay thế làm Ngã được, cho nên trong Phật Pháp không bao giờ nói có Thiên Thần chủ tế tạo vật và còn phá chấp Đại Tự Tại Thiên, Đại Phạm Thiên, v.v... và cũng không nói con người có một Thần Ngã thường trụ bất diệt. Mặc dù nói rằng Thức thứ tám có công năng làm ông chủ khi đi thì đi sau, khi đến thì đến trước, nhưng Thức đây không thể tạo tác, vì nó không có năng lực tự chủ cho nên bị chuyển biến theo nghiệp trở thành dòng nước chảy và nghiệp quyết định đi đông thì đi đông, quyết định tây thì đi tây, không may tự quyết định. Ý Thức thứ sáu mặc dù có thể tạo nghiệp, nhưng bị theo duyên để sanh khởi và theo duyên để biến diệt và nó cũng không tự tại. Cho nên không có Ngã để làm chủ tác giả, chỉ có Vô Minh, v.v... của Thập Nhị Hữu Chi làm chủ tác giả. Do Vô Minh cho nên không rõ được vô ngã, không rõ được khổ, vì thế tạo nghiệp mà phải cảm thọ quả báo sanh tử; tất cả nghiệp báo đây chính là Thập Nhị Duyên Khởi làm chỗ chuyển biến sanh khởi. Do vì nương theo Thập Nhị Duyên Khởi thế nên bị chấp trước cho là tác giả.

5/- Chấp Tự Tại Chuyển, Tự Tại Chuyển nghĩa là chuyển biến theo tự ý. Ngoài ra các thứ pháp có số người cho là do Tự Tại Lực chuyển biến, đó chính là chỉ cho Ngã, chỉ cho Chủ Tế. Muốn phá chấp này phải thiện xảo xử phi xử, nghĩa là tất cả pháp tuyệt đối không có Tự Tại Lực; mỗi pháp đích thực có là có như thế, đích thực có là không như thế, có chỗ gọi là có đúng chỗ (*xứ*), có chỗ gọi là không đúng chỗ (*phi xử*); như đất thì có thể chuyển chỗ (*đích thực là có như thế, là có đúng chỗ*) nhưng không thể che chở (*đích thực là không như thế, không đúng chỗ*), lửa có thể nóng nhưng không thể lạnh, mỗi pháp đều có là xử phi xử, phá chấp này gọi là xử thiện xảo (*là khéo léo đúng chỗ*).

6/- Tăng Thượng Nghĩa, nghĩa là có một thứ người chấp trước cho rằng có thứ Nghĩa của thế lực đặc biệt thù thắng, gọi là Tổ Ngã (*làm bản ngã*), như Nhân Căn có thể phát ra Nhân Thức, Nhân Căn nếu như hư hoại thì không có Nhân Thức, Nhân Căn



chính là Tăng Thượng của Nhân Thức. Nương nơi đây mà chấp ngã, nghĩa là nói phạm pháp Tăng Thượng đều không thể xuất sanh ra hai mươi hai Căn được (*Hai mươi hai Căn gồm có: 6 Căn [Nhân Căn, Nhĩ Căn....Ý Căn], 3 Căn [Nam Căn, Nữ Căn, Mạng Căn], 5 Thọ Căn {khổ, vui, mừng, lo, xả}, 5 Thiên Căn [Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ], 3 Vô Lậu căn {Vị tri dương tri Căn, Dĩ tri Căn, Cự tri Căn [Trích trong Từ Điển Phật Học Huệ Quang]}*), ngoại trừ đây không có Ngã riêng làm Nghĩa Tăng Thượng, đó chính là Căn Thiện Xảo.

7/- Chấp Vật Thể Thường Trụ là Ngã. Ngoại trừ bị chấp đây, đạo lý ba cõi, đạo lý này là pháp nhân quả do chỗ chấp mà có nhân quả sanh diệt, có ba đời là quá khứ, hiện tại, vị lai. Rõ ràng ngoài tánh không của các pháp ra, tất cả pháp đều không có thường trụ, đây là Thế Thiện Xảo.

8/- Nương nơi tạp nhiễm thanh tịnh đây, nghĩa là nương tựa nơi chỗ chấp trước tạp nhiễm thanh tịnh làm Ngã. Ngoại trừ chỗ chấp trước này, đạo lý Tứ Đế là đạo lý nhân quả của pháp tạp nhiễm và đạo lý này chính là Khổ Tập; đạo lý nhân quả của pháp thanh tịnh và đạo lý này chính là Diệt Đạo. Do nương tựa nơi Tứ Đế mà có tạp nhiễm và thanh tịnh. Ngoại trừ Tứ Đế này, không có pháp tạp nhiễm và thanh tịnh nào khác. Ngã chấp nếu như phá được đó chính là Đế Thiện Xảo.

9/- Chấp Quán Hạnh làm Ngã, nghĩa là chấp ba Thừa Thánh Quả làm Ngã. Ngoại trừ chấp ngã đây, ba Thừa không phải là Thừa, như kẻ thường tu quán hạnh thì có thể chứng quả Thánh và nương nơi nghĩa này mà kiến

lập nghĩa của ba Thừa là Thịnh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát; ba Thừa Thánh Quả này đều nhờ tu hành mà được chứng đắc, đứng ra ba Thừa Thánh Quả không có Ngã Thể thật tại. Ba Thừa nếu như có thể phá chấp đó chính là Thừa Thiện Xảo.

10/- Chấp trói buộc giải thoát đây làm Ngã, nghĩa là có thứ người cho là sanh tử có trói buộc, niết bàn có giải thoát, nếu như không có Ngã Chủ Thể thì nhất định không có sanh tử và niết bàn. Nếu muốn phá trừ chấp trước này, phải hiểu rõ tất cả pháp hữu vi vô vi, nghĩa là tất cả pháp hữu vi do nhiễm ô cho nên có bị trói buộc và tất cả pháp vô vi thanh tịnh nhờ chứng đắc cho nên có được giải thoát. Nhờ phá trừ được sự chấp trước pháp trói buộc và pháp giải thoát cả hai đều không có ngã, cho nên gọi là Pháp Hữu Vi Vô Vi Thiện Xảo.

Nương nơi mười Thiện Xảo để phá trừ mười Ngã Kiến. Lại nữa ở trong mười thứ pháp Thiện Xảo này, mỗi một pháp đều bao gồm ba Tánh: như ở trong Sắc Pháp của Ngũ Uẩn, nương nơi Sắc Pháp mà chấp cho rằng có thật thể, đó chính là Biến Kế Sở Chấp Tánh; hiểu rõ Sắc Pháp là do các duyên sanh ra và do Duy Thức biến hiện, đó chính là hiểu rõ Y Tha Khởi Tánh; hiểu rõ Sắc tức là không, đó chính là hiểu rõ Viên Thành Thật Tánh. Nơi Sắc Uẩn đã là như thế, cho đến Thọ Tưởng Hành Thức và Giới Xứ, v.v... cũng là như thế, cho nên ba Tự Tánh đây đều ở khắp trong các pháp Ngũ Uẩn. Mười cảnh thiện xảo trên đã được trình bày tổng quát.

***b, Biện Minh Riêng Biệt:**

1>Uẩn Thiện Xảo:

Bài Tụng:

“Không phải một và tóm lược tổng quát, nghĩa Phân Đoạn gọi là Uẩn.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích Uẩn Thiện Xảo. Uẩn là nghĩa hoà hợp chứa nhóm, cũng gọi là tụ hợp. Sắc không phải một Sắc, Thọ không phải một Thọ, chính là nhiều thứ tập hợp, nên gọi là không phải một. Đem nhiều thứ pháp đây hợp nhau lại làm một pháp tụ gọi là tóm lược tổng quát. Không phải một đây như trên đã tóm lược nghĩa là có thể phân đoạn, nên gọi là Uẩn. Phân Đoạn, nghĩa là phân chia mạch lạc, như con người là một hệ hình thể nhưng trong đó có Sắc, Thọ, v.v... hoà hợp chứa nhóm. Ở trong Sắc tự nó trở thành phân đoạn gọi là Sắc Uẩn. Sắc Uẩn đã là như thế, Thọ Uẩn cũng là như thế, Tưởng Uẩn cũng là như thế, cho đến Thức Uẩn cũng là như thế. Chữ Uẩn người xưa dịch là Ẩm, chính là nghĩa che phủ, ngày nay căn cứ nơi nghĩa chính của nó dịch là Uẩn.

2>Giới Thiện Xảo:

Bài Tụng:

“Năng, Sở Thủ, Bị Thủ; nghĩa chúng từ gọi là Giới.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích mười tám Giới. Năng Thủ tức là sáu Căn, Sở Thủ tức là sáu Trần, Bị Thủ tức là sáu Thức. Mười tám pháp đây đều gọi là Giới. Nghĩa của Giới tức là Chủng Tử, hiểu rõ nghĩa của mười tám Giới đều có khả năng sanh ra chủng tử Nhân, nên gọi là mười tám Giới.

3>Xứ Thiện Xảo:

Bài Tụng:

“Năng thọ chỗ Liễu Cảnh; Dụng, nghĩa là Môn gọi là Xứ.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây giải thích mười hai Xứ. Nói đến Xứ là nói đến nghĩa Hữu Dụng, là nói đến Nghĩa Môn; Hữu Dụng, nghĩa là có khả năng thọ dụng; Nghĩa Môn, nghĩa là chỗ chuyên môn thọ dụng; chỗ có khả năng thọ dụng chuyên môn chính là chỉ cho sáu Căn; chỗ chuyên môn để thọ dụng chính là sáu Trần.

4>Duyên Khởi Thiện Xảo:

Bài Tụng:

“Nghĩa Duyên Khởi nơi Nhân, nơi Quả, nơi Dụng; không tăng giảm.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây giải thích Duyên Khởi Thiện Xảo. Đối với Nhân, với Quả, với Dụng không thấy có tăng ích và tổn giảm, tức là hiểu rõ thật tướng của nhân, của quả, của dụng nơi Thập Nhị Duyên Khởi. Không thấy phát khởi tổn giảm chính là thừa nhận có nhân quả. Không thấy phát khởi tăng ích chính là không chấp nhận có Thiên Thần, có Thần Ngã, v.v... và không chấp nhận có nhân bình đẳng. Nếu như hiểu rõ nghĩa này tức là đã lìa khỏi vọng chấp tăng ích và tổn giảm, đây là Duyên Khởi Thiện Xảo.

(còn tiếp)



HÒA THƯỢNG DUY THỨC

*(Hương về cuộc đời Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan,
nhân dịp thành kính khánh tuế thượng thọ Ngài tròn 94 tuổi)*

THÍCH VIÊN THÀNH

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Làm chú tiểu
mười năm nơi Hội
Thắng (1)

Gió lồng diều
sống tĩnh lặng bình an
(2)

Gặp minh sư hun
đúc nền Thắng Hoan

Duy thức học
truyền lưu đầy triển
vọng (3)

Được sanh ra
trong một gia đình
tròn đầy niềm tin sâu sắc về Phật giáo, tại
một vùng quê hiền hòa của miền Tây sông
nước với nhiều "địa linh nhân kiệt" (4) Được
nuôi dưỡng và nung đúc bởi người Cha đầy
tinh thần văn nghệ sĩ và người Mẹ hiền thâm
tín chữ Phật. Từ môi trường này, đã tạo điều
kiện và cơ hội, để mới 8 tuổi đầu đã hướng
Ngài đến với Chùa Hội Thắng, chốn già lam
thanh tịnh nơi miền sông nước Cửu Long tỉnh
Vĩnh Bình (nay là Vĩnh Long) sau đó nương
Hòa Thượng Thích Thiện Hoa làm y chỉ sư (5)
và được theo học các Trường Phật Học danh
tiếng, từ miền Nam đến miền Trung và Sài
Gòn. Nhờ học được ở nhiều Trường Phật Học
uy tín và nơi những cao tăng thạc đức làm
giáo thọ, rồi mang Phật Pháp áp dụng và
chiêm nghiệm qua cuộc sống hằng ngày,
nhận thấy rất là chính xác, nên Ngài đã hiểu
rõ: "Tam giới duy tâm, vạn pháp duy
thức" (Ba cõi Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới
chỉ là tâm, tất cả sự vật vô hình, hữu hình
trong pháp giới, trong vũ trụ đều chỉ là thức).
"Tất cả đều do Tâm tạo", cho nên Ngài lấy
"Tâm" làm đạo tràng, không lo toan tính toán
nhiều, chỉ tìm một nơi lan nhã với một am
cốc nhỏ, hướng vào "Tâm" mà tu hành và
biết rằng "... Duy Thức Học nhằm mục đích
hướng dẫn con người cải tạo bản thân và
biến đổi hoàn cảnh theo nhu cầu của Duy
Thức để họ sống được hạnh phúc an vui chân



thật..." Cho nên Ngài
rất tâm đắc, từ đó đã
chuyên sâu nghiên cứu
và giảng dạy về duy
thức ở các Trường Bồ
Đề, (chuyên về duy
thức nên thường được
gọi là Hòa Thượng Duy
Thức) để đáp ứng được
nhu cầu tìm hiểu về
Phật Giáo hầu áp dụng
vào đời sống được
nhiều lợi ích của lớp

trẻ trí thức Việt Nam và cả thế giới.

Sau Cách Mạng 1 tháng 11 năm 1963
thành công, vào năm 1964, nhận định rằng
trong chiến tranh sẽ tạo nên lầm cảnh tan
thương, hủy hoại đất nước, với 80% dân số
Việt Nam là Phật giáo đồ, nhưng đa số quần
nhân Phật tử này từ lâu nay bị thiệt thòi hơn
so với Thiên Chúa và Tin Lành giáo, tức chưa
có được vị Tu sĩ nào lãnh đạo trực tiếp, nên
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất
(GHPGVNTN) được hình thành và đã đấu
tranh thành lập được Nha Tuyên Úy. Ngài
Thắng Hoan đồng cảm với Giáo Hội muốn hỗ
trợ tinh thần cho những quân nhân Phật tử,
khi cần thiết thì làm lễ cầu siêu cho những
chiến sĩ đã hy sinh, cũng như xoa dịu nỗi khổ
niềm đau trong nhân thế và muốn mang sự
lợi ích của Phật Giáo truyền vào quân đội, từ
đó Ngài tham gia vào ngành "Tuyên úy Phật
Giáo" một thời gian.

Sau năm 1975 thế sự nhiễu nhương,
Ngài lui về những lan nhã ẩn dật, đầu tư vào
việc nghiên cứu thêm và giảng dạy duy thức
cho các cấp học của Tăng Ni ở các chùa tại
Sài Gòn. Dù muốn đóng góp sức mình vào
việc xây dựng quê hương đất nước và phát
triển Phật Pháp, nhưng "lực bất tòng tâm",
không thể thực hiện những hoài bão ấy được,
cuối cùng vào ngày 3/9/Nhâm Tuất (1982)
Ngài lên tàu tìm đường đến với bến bờ tự do,

lúc đầu ở trại tập trung đảo Galang 1 và Galang 2, Indonesia. Mặc dầu là thân vượt biên nhưng Ngài cũng giảng dạy duy thức theo nhiều khóa, mỗi khóa với số lượng học viên cũng trên dưới 200 người, rồi hành đạo giúp đỡ nhiều người cùng hội, cùng thuyền, cùng hoàn cảnh giải quyết được nhiều điều về tinh thần và cuộc sống. Sau đó vào năm 1983 Ngài được xét và về định cư tại Mỹ.

Gần 40 năm sống tại hải ngoại, Ngài cũng tiếp tục hy hiến đời mình phụng sự cho đạo pháp được trường tồn, mang sự hiểu biết về duy thức của mình, truyền dạy khắp các tiểu bang tại Mỹ, Âu châu và góp phần rất lớn cùng Chư Tôn Đức dựng xây và bảo vệ ngôi nhà GHPGVNTN Hoa Kỳ, cũng như các châu, sau này là GHPGVNTN Liên Châu, được vững vàng, qua Giáo Chỉ số 9 và những biến cố do các thế lực không tốt gây nên.

Trải nghiệm qua cuộc sống, thấm thía cho sự vô thường, vô ngã, với đầy khổ đau của cuộc đời, thâm hiểu duy thức học và sự nhiệm mầu của Phật Pháp, qua thấu suốt pháp duyên khởi, TLHT Thích Thăng Hoan, đã chọn cho mình một lối sống đơn giản, bình dị, ít mong cầu, sống ẩn mình trong một "am thất nhỏ", tại thành phố Baker, thuộc thủ phủ Baton Rouge, tiểu bang Louisiana, trong một khuôn viên vắng vẻ thanh lịch có tên là Tiểu Hồ (Little lake), sau này vì nhu cầu Phật sự chung, để dễ dàng cho khâu đi lại và hội họp cùng Chư Tôn Đức trong Giáo Hội, Ngài dời về California, trụ tại thủ phủ Sacramento, an bản thanh đạm của một tu sĩ vào tuổi về già, nhờ vậy nên Ngài sống rất an lạc, thanh thản với đầy sự mãn tiệp, để vẫn đang mình mẫn điều hành các GHPGVNTN Hải Ngoại, đặc biệt tại Hoa Kỳ và Liên Châu, với nhiệm vụ Chủ Tịch Hội Đồng Giáo Phẩm Hoa Kỳ và Chứng Minh cho các Giáo Hội Âu, Mỹ, Úc Châu, nhất là vẫn đang tiếp tục giảng dạy "duy thức học" cho Tăng Ni Phật Tử khắp nơi, xứng đáng với danh "Hòa Thượng Duy Thức".

Nhân khánh tuế Ngài Thượng Thọ 94, hậu học qua biết và tìm hiểu hành trạng cũng như nghe kể lại của một vài người cùng đi vượt biên với Ngài, xin được viết ra đây để mọi người cùng chia sẻ.

*Chùa Pháp Hoa – Nam Úc, ngày 4/12/2020
Hậu học Thích Viên Thành, kể thủ*

Ghi chú:

(1) *Chùa Hội Thăng, làng Châu Điền, quận Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Bình, nay là Vĩnh Long*

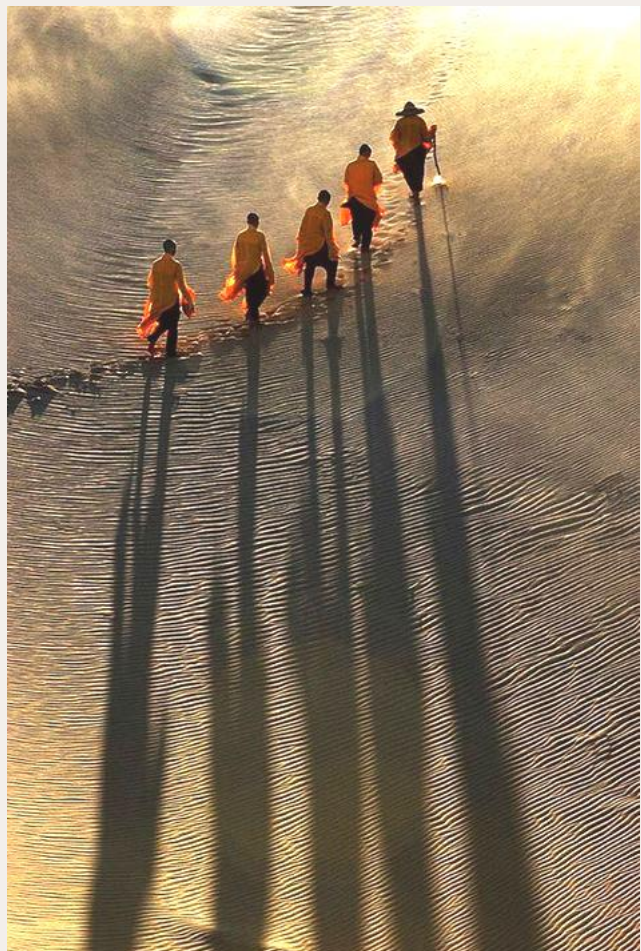
(2) *Thú vui duy nhất của Ngài khi nhàn rỗi ở Chùa Hội Phước là ra đồng rộng thả diều theo gió, một thú vui vừa không tốn kém vừa sống động của trẻ thơ ở làng quê. Từ đó cuộc đời của Ngài nhờ học Phật mà*

gặp may mắn như điều gặp gió.

(3) *"Duy thức học là môn học về tâm bắt đầu từ nơi thức, nguyên do tâm chính là bản thể của thức và thức thì được phát sinh từ nơi tâm thể. Tâm thể nếu như không có thì nhất định không có thức và thức thì thuộc về sự tác dụng của tâm thể nên gọi là tâm thức. Nhưng tâm thức ở đây là chỉ cho tạng thức (thức Alaya) là một loại tâm thức có khả năng tàng trữ, xây dựng và bảo trì vạn pháp".*

(4) *Vĩnh Long có dòng sông Hậu mang phù sa về tạo nên linh khí, với chùa Phước Hậu và Chùa Phật Quang, nơi đã quy tụ và đào tạo ra nhiều danh Tăng thạc đức phụng sự cho Đạo và phục vụ đời như Tổ Khánh Anh, HT Thích Thiện Hoa, HT Thích Thanh Từ...*

(5) *HT Thích Thiện Hoa: một danh Tăng thời hiện đại, nhiều năm làm Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN, văn phòng đặt tại Chùa Ấn Quang, Hòa Thượng đích thực là một vĩ nhân phi phàm, can đảm bình tĩnh vượt qua những gian lao thử thách của thời đại, của thói đời, khôn khéo léo lái con thuyền Phật Giáo vượt qua được phong ba của một thời nhiều nướng của dân tộc. Hòa Thượng đã tô điểm những nét son sáng ngời trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam cận đại, Ngài để lại cho Phật Giáo Việt Nam một gia tài Giáo Lý, với những bộ sách đầy giá trị và hữu ích cho hàng hậu học như: bộ Phật Học Phổ Thông (12 quyển) – Bản Đồ Tu Phật (10 quyển) – Bài Học Ngàn Vàng (8 quyển)...*



Xương:

HUYỀN KHÔNG ĐÔNG TỬ

*Gội làn mưa pháp buổi sơ Đông
Vách đá chen mây sắc nồn hồng
Tâm thức lắng trong nguồn tự tại
Nghệ duyên thấu suốt lẽ Huyền Không
Đường mê, chân bám, rêu che lối
Suối Giải, tay khua, nước rẽ dòng
Thánh thót mùi phương vô lượng tử
Đạo tràng phơi phới bước hư không!*

Ý ĐÔNG

*Bút phóng bên trời chợt hóa mây
Ý tung vân vũ, gió ngàn bay
Vàng về lá nắng, mưa như sắt
Lạnh phủ cảnh đêm, nguyệt trở gầy
Lối cỏ, hương thiên, lan mấy nẻo
Hiên không, bóng núi, lừng ngàn Tây
Trần ai thánh thót, tình sương nước
Tiếng hạc sa đông, giếng cổ đầy!*

**MINH ĐỨC
TRIỀU TÂM ẢNH**

Hoạ:

PHÁP NHŨ CHIỀU ĐÔNG

*Tuôn dòng pháp nhũ lúc chiều Đông
Núi biếc vườn hoa sắc ửng hồng
Gom ý quay về nơi thực tại
Bỏ tâm rong ruổi chốn ngoan không
Soi đèn Bát Nhã soi mê lối
Rưới nước Từ Bi rưới tỉnh dòng
Pháp nhũ mang về thơm suối ngọt
Tặng nhân tinh tại giữ lòng trong...!*

NGẮM THƯ PHÁP

*Thư pháp bên song lộng gió mây
Từng con chữ nhỏ hoá rồng bay
Lời ghi cội NGHĨA thơm hương ngát
Ý khắc lòng NHÂN chuyển nghiệp gầy
Lối đạo lan truyền vui khắp nẻo
Đường hoa bừng nở thắm ngàn Tây
Muôn duyên gội sạch trần ai khổ
Nét bút thiên thi NHÂN NGHĨA đầy...!*

**TRÚC NGUYÊN
- THÍCH CHÚC HIỀN (kính hoạ)**



NHƯ LAI, BẬC NÓI LỜI CHÂN THẬT

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Đức Phật, Như Lai là bậc Giác ngộ, đấng Toàn giác, “tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.” Toàn giác còn có nghĩa là Như Lai biết hết mọi chuyện từ quá khứ, hiện tại, cho đến vị lai.

Tuy nhiên, khi còn tại thế, đối với những câu hỏi liên quan đến các phạm trù siêu hình và quyền năng, Đức Phật đều im lặng. Chính sự im lặng này của Đức Phật mà đương thời dấy lên nhiều nghi vấn “Sa-môn Cù-đàm biết suốt việc trong đời quá khứ, nhưng không biết việc trong đời vị lai.”

Thực ra những câu hỏi có tính siêu hình thì Như Lai không quan tâm, vì cho rằng đó là hý luận. Theo Ngài, việc cần thiết nhất cho chúng sinh là nhận thức sự khổ và tìm phương pháp diệt khổ. Ngài thường lấy ví dụ như người bị trúng tên thì việc cần làm là rút mũi tên ấy ra rồi cấp tốc chữa trị. Trong khi chờ chết mà truy tìm nguồn gốc của mũi tên, do ai bắn, được làm từ chất liệu gì... thì không thực tiễn và chẳng thông minh. Nên những cật vấn của ngoại đạo về việc Như Lai có biết về quá khứ, vị lai hay không, Ngài thường im lặng.

"Một thời, Phật ở tại nước Ca-duy-la-vê, trong khu rừng của Ưu-bà-tắc Miến-kỳ, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo 1.250 người..."

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Hoặc có Phạm chí ngoại đạo nói như vậy: Sa-môn Cù-đàm biết suốt việc trong đời quá khứ, nhưng không biết việc trong đời vị lai. Tỳ-kheo kia, cùng Phạm chí dị học kia, trí tuệ khác nhau, trí quán cũng khác, nên lời nói dối. Như Lai đối với việc quá khứ kia, không gì không thấy biết, rõ như ở trước mắt. Đối với đời vị lai, Như Lai có trí tuệ phát sanh từ đạo. Việc trong đời quá khứ vốn hư dối không thật, không đáng vui thích, không lợi ích gì, Như Lai không ghi nhận. Hoặc việc quá khứ có thật, nhưng không đáng ưa thích, không ích

lợi gì, Phật cũng không ghi nhận. Nếu việc quá khứ có thật, đáng ưa, nhưng không lợi ích, Phật cũng không ghi nhận.

Nếu việc quá khứ có thật, đáng ưa, có lợi ích, Như Lai biết suốt, sau đó mới ghi nhận. Vị lai, hiện tại, cũng vậy.

Như Lai đối với quá khứ, vị lai, hiện tại, nói đúng thời, nói sự thật, nói có nghĩa, có lợi, nói đúng pháp, đúng luật, không có lời hư dối. Phật từ đêm đầu tiên thành Vô thượng Chánh giác cho đến đêm cuối cùng, trong khoảng giữa, có nói điều gì, thấy đều như thật; do đó gọi là Như Lai.

Lại nữa, những điều Như Lai nói đúng như sự; sự đúng như lời; do đó gọi là Như Lai."

(Kinh Trường A-hàm, kinh Thanh tịnh, số 17 [trích])

Ở pháp thoại này, khi được hỏi về vấn đề siêu hình thì Như Lai không im lặng nữa mà nói rõ: “Nếu việc quá khứ có thật, đáng ưa, có lợi ích, Như Lai biết suốt, sau đó mới ghi nhận. Vị lai, hiện tại, cũng vậy”. Rõ ràng Ngài biết hết quá khứ, hiện tại, vị lai nhưng chỉ ghi nhận và nói ra những việc “có thật, đáng ưa, có lợi ích” mà thôi. Điều này cũng giống như người thông minh biết sàng lọc thông tin trong thời hiện đại. Chỉ chọn những thông tin gì “có thật, đáng ưa và có lợi ích” mới tiếp nhận, còn lại tin rác đều buông hết, không quan tâm.

Vì có chọn lọc, chỉ ghi nhận và nói ra những việc “có thật, đáng ưa và có lợi ích” nên Như Lai “từ đêm đầu tiên thành Vô thượng Chánh giác cho đến đêm cuối cùng, trong khoảng giữa, có nói điều gì, thấy đều như thật; do đó gọi là Như Lai”. Nên Như Lai là bậc nói lời chân thật, nói lên sự thật, lợi ích hữu tình. Đó cũng là lý do hơn 2.500 năm sau, những lời dạy của Ngài vẫn là chân lý, và hàng đệ tử không cần chỉnh sửa hay uốn nắn giáo pháp cho phù hợp với thời đại và khoa học.



ĐI ĐẾN MỘT KẾT LUẬN

Nguyên bản: Coming to a Conclusion

Tác giả: ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA

Chuyển ngữ: *Tuệ Uyển*

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Thực tại được biết chắc sau này của những gì trước đây được tưởng tượng bởi vô minh

(Tràng Hoa Quý Báu – LONG THỌ ĐẠI SĨ)

Vào giữa thế kỷ thứ mười bảy, Đức Đạt La Lạt Ma đã nhấn mạnh tầm quan trọng như thế nào để việc phân tích không trở thành một bài học thuộc lòng như vẹt mà phải là sống động. Khi chúng ta tìm kiếm cho một "cái tôi" tồn tại cụ thể như vậy mà không thể tìm kiếm được nó hoặc là cùng giống hay khác biệt với tâm thức và thân thể, điều thiết yếu là phải tìm kiếm cùng khắp; bằng cách đi chúng ta sẽ không cảm thấy tác động của việc không tìm thấy nó. Đức Đạt La Lạt Ma đã viết: "Cái kiểu thức của sự không khám phá ra chỉ là sự lặp lại nghèo nàn của mệnh đề 'không tìm thấy'." Thí dụ, khi một con bò bị mất, người ta không chỉ chấp nhận như thật sự bởi một lời tuyên bố, "Nó không ở trong một vùng như thế như thế." Đúng hơn bằng sự tìm kiếm nó khắp mọi nơi trên vùng đất cao, trong vùng trung du, và ở vùng đất thấp, rồi thì chúng ta mới đi đến kết luận chắc chắn rằng nó không thể tìm thấy nó được. Ở đây cũng thế, qua sự thiền quán cho đến khi mà đi đến một kết luận, chúng ta đạt được một niềm tin.

Một khi chúng ta dẫn thân trong sự phân tích qua cách này, chúng ta sẽ bắt đầu nghi ngờ về cái cảm giác mạnh mẽ của của một "cái tôi" tự cấu thành mà trước đây dường như hiện hữu vô cùng rõ ràng. Chúng ta dần dần bắt đầu nghĩ, "A ha! Trước đây điều này

dường như vô cùng chân thật, nhưng có lẽ nó không thật sự như thế." Rồi thì, khi chúng ta phân tích nhiều hơn nữa, chúng ta sẽ trở nên chắc chắn hơn (không chỉ một cách giả tạo mà từ trong sâu thẳm) rằng một "cái tôi" như vậy hoàn toàn không tồn tại.



Chúng ta sẽ vượt khỏi cái giới hạn của ngôn ngữ và đạt đến sự chắc chắn về điều ấy, mặc dù nó xuất hiện thật cụ thể, nhưng nó không tồn tại trong cách ấy. Đây là ẩn tượng trải rộng của sự phân tích: một quyết định từ trong tâm thức của chính chúng ta rằng "cái tôi" loại này thật sự không tồn tại.

Thông thường khi tôi sắp thuyết pháp cho một đám đông, tôi chú ý rằng đối với tâm thức của tôi, mỗi người trong thính chúng dường như hiện hữu riêng biệt tương ứng trên từng vị trí của chính họ qua năng lực của chính họ, hơn là tồn tại chỉ qua năng lực của tư tưởng, chỉ tồn tại một cách

quy ước của thế gian. Tất cả họ dường như tồn tại trong một điều kiện rắn chắc cường điệu; đây là họ có vẻ như thế nào, họ xuất hiện như thế nào, họ lóe ra trong tâm thức tôi như thế nào. Nhưng nếu họ thật sự hiện hữu trong cách này, họ sẽ có thể tìm thấy được qua loại thẩm tra mà tôi vừa diễn tả, trái lại không thể tìm thấy họ được. Có một sự mâu thuẫn giữa việc họ xuất hiện như thế nào và họ thật sự tồn tại như thế nào. Do vậy, tôi đánh thức tâm thức tôi bất cứ điều gì tôi biết về vô ngã, phản chiếu, thí dụ, qua lời tuyên bố của Long Thọ Đại Sĩ trong Căn Bản Trung Quán Luận - "Tuệ Trí", ở đây ngài đã thẩm tra Đức Phật có tồn tại một cách cố hữu hay không:

Đức Phật không phải là phức hợp của tâm-thân ngài.

Ngài không khác hơn phức hợp thân-tâm ngài

Phức hợp tâm-thân không ở trong ngài; ngài không ở trong ấy.

Ngài không sở hữu nó. Đức Phật là gì ở đây?

Long Thọ nêu Đức Phật như một thí dụ của biểu hiện vô ngã, của sự vắng mặt một con người tồn tại cố hữu (có tự tính). Trong cùng cách, chúng ta cần phân chiếu trên sự vô ngã của chính chúng ta. Khi chúng ta áp dụng sự phân chiếu này đến chính tôi, tôi nghĩ:

Thầy tu Tenzin Gyatso không không phải phức hợp thân-tâm của ông ta.

Ông không gì khác hơn là phức hợp thân-tâm của ông ta.

Phức hợp thân-tâm không phải ở trong ông; ông ta cũng không ở trong nó.

Ông không sở hữu nó. Tenzin Gyatso là gì ở đây?

Tu sĩ Tenzin Gyatso không là gì trong phức hợp thân-tâm, từ đỉnh đầu cho đến gót chân. Khi tôi tìm ông đạo Tenzin Gyatso, không thể tìm ra điều gì – không phải là cái thấy, không phải là cái nghe, không phải là cái ngửi, không phải cái nếm, không phải cái xúc chạm, và không phải cái suy tư; không phải ý thức lúc thức, không phải ý thức trong mộng, không phải ý thức ngủ sâu, và cuối cùng ngay cả không phải linh quang lúc lâm chung. Có bất cứ điều gì ở đây là Tenzin Gyatso không? Không điều gì có thể tìm thấy là Tenzin Gyatso.

Cũng thế, không có điều gì bên ngoài phức hợp thân-tâm là Tenzin Gyatso. Thêm nữa, Tenzin Gyatso không tùy thuộc trên phức hợp thân-tâm như một thực thể riêng biệt, như một rừng cây trên tuyết; cũng thế, cả hai thứ ấy sẽ đòi hỏi Tenzin Gyatso và phức hợp thân-tâm hoàn toàn khác biệt, và điều ấy là không thể được. Cũng thế Tenzin Gyatso không sở hữu phức hợp thân-tâm, giống như con người sở hữu con bò, mà điều ấy đòi hỏi những thực thể khác biệt hoàn toàn, hay như một thân cây sở hữu cái lõi của nó, mà chúng sẽ là hoàn toàn giống nhau.

Thế thì Tenzin Gyatso là gì ở đây? Chắc chắn, không có điều gì có thể tìm thấy – không có một bộ phận nào của phức hợp

thân-tâm, không lệ thuộc trên phức hợp thân-tâm như một thực thể riêng lẻ, không trong sự sở hữu của phức hợp thân-tâm, và không ngay cả sự tương tục của phức hợp thân-tâm. Rõ ràng rằng tự ngã chỉ đơn thuần được thiết lập trong sự lệ thuộc trên phức hợp của thân-tâm.

Sự phân tích này giữ quan điểm trong một sự đối lập với cung cách mà chúng ta thường suy nghĩ. Khi tôi nghĩ, "tôi là một tu sĩ," có một sự xuất hiện trong tâm thức tôi về một thầy tu với sở hữu thân thể và tâm thức. Tất cả con người chúng ta, điều ấy là chắc chắn, nhưng khi chúng ta xác định chính chúng ta như một con người và khi chúng ta nhận dạng một người nào khác như một kẻ khác biệt ở đây, hai điều này xuất hiện hầu như một cách cụ thể.

Tuy nhiên, khi chúng ta áp dụng sự phân tích để quyết định con người thật sự là gì – khi chúng ta phân tích con người này là một loại tâm thức và thân thể nào đây – chúng ta không bắt được bất cứ điều gì là cá nhân ấy. Cũng thế, không thể có điều gì đây hoàn toàn riêng biệt với thân thể

và tâm thức là cá thể ấy. Đây là trường hợp, đây là hệ thống Phật Giáo thậm thâm dạy chúng ta rằng một cá thể chỉ được thiết lập trong sự lệ thuộc trên thân thể và tâm thức.

Khi tôi sử dụng sự phân tích, tôi hiểu rằng những gì lúc khởi đầu dường như rõ ràng sở mô được thì hoàn toàn không hiện hữu trong cách này. Con người xuất hiện để hiện hữu vô cùng quả quyết lại rõ ràng không thể tìm thấy. Điều này dường như hiện hữu trong tự chính nó được thấy phụ thuộc trên tư tưởng.

Phản chiếu trên điều này, khi tôi nhìn vào thính chúng, tôi thấy rằng tất cả hàng chục nghìn người đang nghĩ "tôi", "tôi", "tôi" trong một cách mà thực tế là sai lạc, đưa đẩy chính họ vào trong rắc rối. Nhìn họ trong cách này giúp cho tôi – và sẽ giúp quý vị – kêu gọi từ lòng yêu thương quan tâm cho chúng sinh bị vướng trong bầy sập của nhận thức sai lầm. Đây là việc tôi thường bắt đầu những buổi thuyết giảng của tôi như thế nào.

Bằng việc thiền quán và trau dồi dần dần bốn bước này, chúng ta sẽ phát triển một năng lực để thẩm tra bất cứ điều gì và mọi thứ trong cách này – thấy sự xung đột của hiện tượng và thực tại, và sự lừa dối từ





những chiều sâu mà con người và sự vật không hiện hữu trong cách mà chúng xuất hiện. Điều được hiểu bằng tâm thức hoàn toàn quả quyết như thế là việc vắng bóng sự tồn tại cố hữu của "cái tôi," mặc dù chúng ta thường tin tưởng nó một cách rất mạnh mẽ. Chúng ta hoàn toàn thiếu hiểu sự tồn tại cố hữu hoàn toàn không có. Tâm thức chúng ta trở nên hòa nhập trong tính không ấy.

Thiền Quán Phản Chiếu

- 1) Ôn tập lại bốn bước đối với nhận thức:
- 2) Số không trên mục tiêu, sự xuất hiện của "cái tôi" giống như nó được thành lập trong tự nó và từ chính nó.
- 3) Quả quyết rằng nếu "cái tôi" tồn tại trong cung cách dưỡng như thế, nó phải hoặc là một với tâm thức và thân thể hay tách biệt khỏi tâm thức và thân thể.
 - a. Quán chiếu một cách hoàn toàn những rắc rối với "cái tôi" và phức hợp tâm-thân giống như vậy.
 - b. "Cái tôi" và thân-tâm sẽ phải là một hoàn toàn và trong mọi cách.
 - c. Thừa nhận rằng một "cái tôi" sẽ là vô nghĩa.
 - d. Sẽ không thể nghĩ về "thân thể tôi", hay "cái đầu tôi" hay "tâm thức tôi"
 - e. Khi tâm thức và thân thể không tồn tại nữa, tự ngã cũng sẽ không tồn tại.
 - f. Vì thân thể và tâm thức là số nhiều, tự ngã một người cũng phải là số nhiều.

- g. Vì "cái tôi" chỉ là một, thân thể và tâm thức cũng phải là một.
- h. Giống như tâm thức và thân thể được sản sinh và tan rã, "cái tôi" được sản sinh một cách cố hữu và tan rã một cách cố hữu. Trong trường hợp này, không có những tác động toại ý của các hành động đạo đức cũng không có những ảnh hưởng đớn đau của các hành vi phi đạo đức sẽ sinh ra kết quả cho chúng ta, hay chúng ta sẽ trải nghiệm những ảnh hưởng của các hành vi mà chính chúng ta không phạm phải.
 - 4) Quán chiếu một cách hoàn toàn những rắc rối của "cái tôi" và phức hợp thân-tâm hiện hữu khác biệt một cách cố hữu.
 - a. "Cái tôi" và thân-tâm sẽ phải là hoàn toàn tách biệt.
 - b. Trong trường hợp ấy, "cái tôi" sẽ có thể được tìm thấy sau khi dẹp hết tâm thức và thân thể.
 - c. "Cái tôi" sẽ không có những đặc trưng của sản sinh, vĩnh cửu, và hư hoại, là điều vô lý.
 - d. "Cái tôi" một cách ngớ ngẩn sẽ phải chỉ là một điều bịa đặt của sự tưởng tượng hay thường còn.
 - e. Một cách phi lý, "cái tôi" sẽ không có bất cứ những đặc trưng vật chất và tinh thần.

Trích từ quyển "How to See You
As You Really Are."

THẨM ĐỊNH LẠI MỘT BÀI KỆ

Thích Như Điển

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Có nhiều bài kệ rất hay khi xướng lên hay khi tán tụng; hoặc giả khi mạn đàm Phật Pháp; nhưng cũng có lắm bài kệ cho đến nay có nhiều Thầy, Cô giảng dạy, nhưng khi đi tìm nguồn gốc thì hầu như chưa có câu trả lời đúng nghĩa. Hôm nay tôi sẽ trình bày với Quý Vị một bài kệ có 4 câu và mỗi câu 7 chữ như sau:

Chữ Hán Việt
Phật tại thế thời ngã trầm luân,
Kim đắc nhân thân Phật diệt độ,
Áo não tự thân đa nghiệp chướng,
Bất kiến Như Lai kim sắc thân.

Nghĩa của bốn câu này:
Khi Phật ở đời con trầm luân,
Nay được thân người Phật diệt độ,
Buồn cho thân mình nhiều nghiệp chướng,
Chẳng thấy thân vàng của Như Lai.

佛在世時我沉淪，
今得人身佛滅度。
懊惱自身多業障，
不見如來金色身。
Ngoài ra trên internet cũng có bài Chữ Hán được viết như sau:

佛在世時我沉淪，
佛滅度後我出生。
懺悔此身多業障，
不見如來金色身。
Phật tại thế thời ngã trầm luân,
Phật diệt độ hậu ngã xuất sanh.
Sám hối tử thân đa nghiệp chướng,
Bất kiến như lai kim sắc thân.



Đa phần rất nhiều Giảng sư và Phật Tử đều nghĩ rằng bài này là do Ngài Huyền Trang (602-664) trước tác khi chiêm bái thánh tích Bồ Đề Đạo Tràng tại Ấn Độ, nhưng chính cá nhân tôi khi phiên dịch quyển Đại Đường Tây Vực Ký, do chính Ngài biên soạn từ chữ Hán sang tiếng Việt vào năm 2003 tại Úc Châu, dựa theo quyển Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (Taisho Shinshu Daizokyo) quyển thứ 51, thuộc sử truyện bộ thứ 3 từ trang 867 đến trang 948 gồm 12 quyển. Thứ tự kinh văn số 2087 và tiếng Việt in ấn thành 456 trang, được ấn tổng nhiều lần và lần tái bản của năm 2021 qua trang Amazon, đã được

hiệu đính lại rất nhiều chi tiết mà trước đây chưa được hiệu đính lại, thì kết quả là qua hai chương của quyển thứ tám và quyển thứ chín, khi Ngài Huyền Trang đi đến xứ Ma Kiệt Đà và Bồ Đề Đạo Tràng để chiêm bái các Thánh Tích, thì đã không tìm thấy được bài kệ này do Ngài ghi lại.

Bản thân tôi cũng nghĩ rằng, ngoài Ngài Huyền Trang ra thì ít ai có thể thâm cảm sâu xa, khi đến được tận nơi để đánh lễ những Thánh tích của Đức Phật tại Ấn Độ, nên mới cảm tác được bài kệ này, mà mỗi khi đọc qua chúng ta đều xúc động như vậy và từ đó tôi cũng đoán chắc rằng bài kệ 4 câu này là của Ngài Huyền Trang. Đến một lúc nào đó, ai cũng nghĩ rằng chuyện ấy không có gì để bàn cãi; nhưng khi những tác phẩm của tôi được đưa lên Amazon để lưu trữ tại đó, thì Anh Nguyễn Minh Nguyễn Minh Tiến, Webmaster của trang nhà rongmotamhon.net cho tôi biết rằng, Anh cũng đã đi tìm khắp nơi trong Đại Tạng Kinh và những bài sám nguyện v.v... nhưng vẫn chưa có kết luận là bài này do Ngài Huyền Trang sáng tác.

Kể từ năm 2003 đến nay (2020), khi ở

ngôi Phương Trượng tôi có nhiều thời gian hơn để viết sách, dịch Kinh cũng như phát nguyện đọc Đại Tạng Kinh. Đây là một nhân duyên rất thù thắng đối với tôi, còn việc hành chánh của chùa Viên Giác tại Hannover thì do các Thầy Trụ Trì trực tiếp chăm sóc. Thịnh thoàng cuối tuần tôi kết hợp đi thuyết giảng đâu đó vài nơi và thời gian còn lại, tôi xử dụng cho những việc trên. Riêng Đại Tạng Kinh phải nói là một pho sách đồ sộ, ít có Tôn Giáo nào có được. Muốn đọc hết phải tốn cả một đời người. Kể từ năm 2003, tôi đã bắt đầu đọc Đại Tạng Kinh tiếng Việt do Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh chủ biên, và tạng kinh này được gọi là *Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh*. Hầu hết những Kinh, Luật, Luận trong tạng này đều được dịch ra Việt ngữ từ *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh* (Taisho Shinshu Daizokyo). Những tập Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tạp A Hàm, Tăng Nhất A Hàm hầu như không có lỗi in ấn nào cần phải đề cập đến nữa, vì chư Tôn Hòa Thượng Thích Thiện Siêu, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ v.v... đã giáo chánh lại rất kỹ, lại còn chú thích thêm những từ ngữ khó cho người cần tra cứu để có được sự giải thích rõ ràng. Nhưng khi đọc đến những bộ Bản Sanh thì tôi phát hiện ra còn nhiều lỗi chính tả quá, nên đã tự động sửa vào những bản đã in này, vì sợ rằng không có cơ hội đọc lại lần thứ hai nữa. Ít nhất là từ tập số 9 đến tập số 17. Một thời gian sau có Phật Tử Minh Đăng Trần Tế Thế, người lo Website của Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh liên lạc qua email với tôi, nhờ tôi tra lại dùm những chỗ nghi ngờ khi được dịch ra Việt ngữ, và đây cũng là cơ hội để tôi phát tâm đọc lại hết 15 tập sau cùng, kể từ tập 188 đến tập 202. Những tập này chưa xuất bản và sẽ được xuất bản trong nay mai. Tất cả 202 tập này được dịch từ 54 tập của *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh*. Như vậy trung bình cứ 1 tập của *Đại Chánh Tạng*, dịch thành 4 tập của *Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh*. Nhưng vẫn chưa hết, nghĩa là mới được dịch hơn phân nửa phần của *Đại Chánh Tạng*, nhưng đâu sao đi nữa thì đây cũng là một cố gắng hết mình của cố Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh vậy.

Khi đọc đến tập 193 của *Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh*, phần Kinh văn số 2110 thuộc Luận Biện Chánh, quyển thứ 5, Sử Truyện Bộ trang 207. Phần này tương ứng với tập thứ 52 của Đại Chánh Tạng trang

522b do Ngài Pháp Lâm đời Đường biên soạn thì tôi đã phát hiện ra việc này như sau:

"Lão Tử đến nước Kế Tân, thấy Phật Đồ tự thương xót mình không sanh kịp, mới nói bài kệ tụng cúng dường, đối trước tôn tượng tỏ bày tình ý rằng:

*Ta sinh sao quá muộn
Phật ra đời sao quá sớm
Chẳng thấy được Thích Ca Văn
Trong tâm thường áo não."*

Nguyên Hán Văn như sau:

老子至罽賓國，見浮圖，自傷不及，乃說偈供

養，對像陳情云：

我生何以晚（新本改云：佛生何以晚），

佛出一何早（新本改云：泥洹一何早），

不見釋迦文，

心中常懊惱（言不親觀佛）。

Âm Hán Việt: Lão Tử chí Kế Tân quốc kiến phật đồ tự thương bất cập. Nãi thuyết kệ tụng cúng dường đối tượng trần tình vân:

Ngã sanh hà dĩ vãn (tân bản cải vân: Phật sanh hà dĩ vãn),

Phật xuất nhứt hà tảo (tân bản cải vân: Niết Bàn nhứt hà tảo),

Bất kiến Thích Ca Văn, Tâm trung thường áo não (ngôn bất thân đồ Phật).

Trong phần *Luận Biện Chánh* này của Ngài Pháp Lâm giải thích rằng: Lão

Tử phải sanh sau Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cả hằng 200 năm; nhưng môn đệ của Lão Tử sau này cải biên lại là Lão Tử sinh ra trước Phật; nên mới có hai phần cải biên bản mới trong sách của Lão Tử là: Phật sinh sao quá muộn và Phật Niết Bàn sao quá sớm.

Bây giờ chúng ta phải tra cứu để đi đến một kết luận tạm thời như sau: Đức Phật Giáng Sinh tại Vườn Lâm Tỳ Ni ở Ấn Độ vào ngày 15 tháng 4 năm 624 trước Tây Lịch, Thành đạo vào ngày 8 tháng 12 năm 589 trước TL và nhập Niết Bàn năm 544 trước TL. Vì vậy năm nay (2020) Phật Giáo đồ khắp nơi trên thế giới kỷ niệm ngày Phật Đản sanh lần thứ 2644 và Phật Lịch 2564 năm. (Đây là ngày sinh, ngày thành đạo và ngày nhập Đại Bát Niết Bàn theo truyền thống Nam Tông). Trong khi đó ngày tháng năm sinh của Lão Tử cho đến nay vẫn chưa rõ ràng. Tuy nhiên người ta ước đoán là Lao Tzu, Lao Tse sinh năm 571 và mất năm 471 trước Tây Lịch, thọ 100 tuổi. Nếu so với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì Lão Tử sinh sau đến 27 năm (nếu tính theo ngày nhập diệt của Đức Phật) và nếu tính theo ngày Đản Sanh của Đức Phật thì



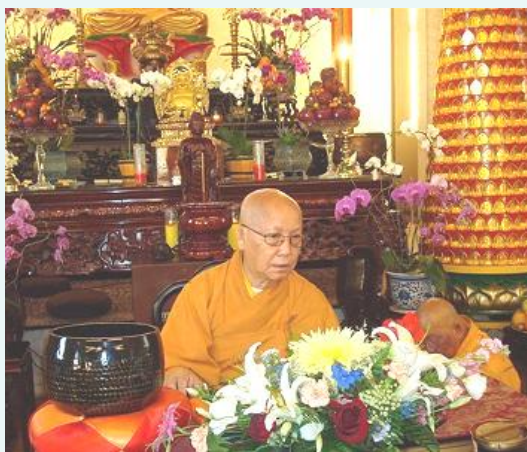
Lão Tử sinh sau Phật 53 năm (624-571=53 năm). Đó là chưa kể còn nhiều truyền thuyết khác nhau nữa, nhưng chúng ta tạm tạm định là như vậy.

Đoạn trên chúng ta thấy có đề cập đến Lão Tử đã đến nước Kế Tân và thấy hình tượng Phật mà tự xót thương cho mình là không sánh kịp, mới nói bài kệ trên để cúng dường, khi đối trước tôn tượng để tỏ bày tình ý. Nước Kế Tân tức Kashmir bây giờ, nước này nằm ở trên nước Pakistan; trong tự điển Phật Học còn nói là Kabul, nhưng Kabul hiện là thủ đô của Afghanistan. Như vậy Lão Tử phải sinh sau Đức Phật và có dịp Lão Tử đã đi từ Hoa Hạ (Trung Hoa) sang các nước Hồ (các xứ phía Tây Trung Quốc) thì thấy hình ảnh của tượng Phật; nên mới thốt ra 4 câu kệ trên và bài kệ này có đăng trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh như tôi đã trích dẫn bên trên.

Rồi ngày tháng trôi qua, ai đó đã lấy bài kệ 5 chữ 4 câu của Lão Tử cũng ý này làm thành bài kệ 4 câu 7 chữ cũng nội dung như vậy và được bảo là của Ngài Huyền Trang, mà trên thực tế thì Ngài Huyền Trang đã không làm bài kệ này, qua dẫn chứng của Đại Đường Tây Vực Ký và lịch sử. Lịch sử thì bao giờ cũng là lịch sử; nhưng lịch sử hơn 2.000 năm đã trôi qua và nhiều triệu đại kể tiếp nhau liên tục với thời gian cùng năm tháng, nhưng lúc nhớ lúc quên hoặc giả sách vở bị thiêu đốt bởi chiến tranh nên khiến cho người đời sau khó tìm lại bản gốc được. Lỗi này không phải của ai cả, mà chúng ta phải có bổn phận truy nguyên về nguồn gốc để thẩm định lại sự ra đời của một sự kiện là đủ rồi.

Dĩ nhiên đây không phải là sự phát hiện sau cùng và nếu sau này có người nào đó tìm ra được đích danh tác giả của bài kệ 4 câu 7 chữ như trên là một điều phước báu không nhỏ; nhưng trong tạm thời chúng ta có thể kết luận là bài kệ đó, nội dung là của Lão Tử chứ không phải của Ngài Huyền Trang. Mong rằng sẽ còn nhiều phát hiện khác nữa để người đến sau được học hỏi hiểu biết nhiều hơn.

Viết xong vào ngày 6 tháng 12 năm 2020, tại thư phòng Tổ Đình Viên Giác, Hannover Đức Quốc.



XUẤT TRẦN THƯỢNG SĨ

Cung kính dâng lên Trưởng lão Hòa thượng Thích Thắng Hoan nhân dịp Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất Hoa Kỳ tổ chức lễ Mừng Khánh Tuê 94 năm của Ngài

*Thân lữ thứ nơi quê người hành đạo
Tháng năm dài với bão táp mưa sa
Chong đèn đêm giảng giáo lý Phật đà
Nghiêng nét mực viết ngàn trang sử ngọc.*

*Đời đạo sĩ như dòng sông chảy ngược
Thắp trong tim một ngọn lửa xuất trần
Yêu quê hương thương tất cả chúng sanh
Nên mãi mãi đi hoài không ngưng nghỉ.*

*Tuổi đã chạm một vòng tròn thế kỷ
Mà nụ cười hào sáng đội không trung
Mà tiếng thơ vi vút giữa ngàn trùng
Người uy dũng trước vô thường hoai diệt.*

*Bao lâu nữa thì đến ngày ly biệt?
Có làm sao khi giới hạnh tròn đầy!
Cả gia tài người gởi chín tầng mây
Chờ mưa xuống cho hoa đời bùng nở.*

thơ HÀN LONG AN

12/12/2020
Chùa Thiên Trúc, San Jose
California, Hoa Kỳ

Độc thơ Nữ quyền, từ Đời tới Đạo

NGUYỄN GIÁC

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Nhân loại đã biết cách bay lên mặt trăng, tuy nhiên nhiều nơi trên địa cầu vẫn còn bị ràng buộc với những thói quen xưa cũ, trong đó một thành kiến khó rời bỏ là xem nhẹ phụ nữ. Hầu hết các tôn giáo cũng xem nhẹ phụ nữ. Riêng trong Phật Giáo, phụ nữ từ xưa vẫn có một vị trí đáng kính và bình đẳng trên đường học đạo, để tận cùng là thành tựu Niết Bàn. Khi vua Pasenadi nước Kosala không vui vì hoàng hậu Mallikà sinh một bé gái, Đức Phật trong Kinh SN 3.16 dạy vua rằng: *"Này Nhân chủ, ở đời / Có một số thiếu nữ / Có thể tốt đẹp hơn / So sánh với con trai / Có trí tuệ, giới đức..."* Hơn hai mươi thế kỷ sau, ý thức nữ quyền mới trở thành phong trào. Theo định nghĩa cô đọng và đơn giản, nữ quyền là niềm tin vào sự bình đẳng của nữ giới với nam giới về chính trị, kinh tế và văn hóa. Do vậy thường khi, nữ quyền gắn liền với dân quyền, vì bình quyền nam nữ dẫn tới ý thức bình quyền cho từng người dân, đặc biệt là nơi các dân tộc đang bị các nước thực dân thống trị, hay nơi các sắc tộc thiểu số bị kỳ thị. Rồi với từng người một, các bất an đó sẽ dẫn tới sự tỉnh thức rằng cõi này là Khổ. Bài này sẽ trích đọc theo lộ trình từ đời tới đạo, qua thơ của Lê Ngô Cát, Maya Angelou, Kishwar Naheed, Fadwa Tuqan, và Ni Trường Trí Hải. Trong khi thơ của các vị kia đều vướng trong danh tướng của ba cõi, thơ của

Ni Trường cốt tủy là những lời dạy Thiền Tông siêu tuyệt hy hữu.

Năm 2020 cũng là một năm đặc biệt cho phụ nữ Hoa Kỳ: vừa tròn 100 năm Quốc Hội Mỹ thông qua Tu Chánh Án 19 để cho phép phụ nữ quyền bầu phiếu. Trong khi đó thống kê của Pew Research Center phổ biến vào tháng 7/2020 cho biết rằng 61% phụ nữ Mỹ tự nhận là nhà hoạt động cho nữ quyền.

Nhìn lại, Việt Nam hiển nhiên là một dân tộc có truyền thống tôn trọng và vinh danh nữ quyền tới cao độ, khi truyền cổ về nguồn gốc dân tộc Việt Nam công nhận quyền bình đẳng của bà Âu Cơ đối với chồng là vua Kinh Dương Vương khi họ bất đồng và chia đôi số con: bà Âu Cơ dẫn 50 con lên núi; và Kinh Dương Vương dẫn 50 con về bờ biển phía nam, phong con trưởng là Hùng Vương nối ngôi.

Một bài thơ ngợi ca nữ quyền trong văn học sử Việt Nam là bài lục bát dài 22 câu kể về sự kiện Hai Bà Trưng dấy binh, dựng nên độc lập. Bài thơ này trong thi tập Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca, một tác phẩm văn vần bằng chữ Nôm sáng tác vào khoảng triều Tự Đức thời nhà Nguyễn, soạn theo lệnh của vua Tự Đức. Trong ấn bản in năm 1870, ghi rằng tác giả nguyên thủy là Lê Ngô Cát làm 1887 câu lục bát (3774 dòng), được án sát tỉnh Bình Định Phạm Đình Toái sửa lại thành 1027 câu.

Bài thơ Lê Ngô Cát về Hai Bà Trưng dài 22 dòng, nơi đây trích nửa bài như sau:

Bà Trưng quê ở châu Phong
Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên.
Chị em nặng một lời nguyện,
Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân,
Ngàn Tây nổi áng phong trần,
Âm âm binh mã xuống gần Long Biên.
Hong quân nhẹ bước chinh yên,
Đuổi ngay Tô Định dẹp tan biên thành.
Đô kỳ đóng cõi Mê Linh,
Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta.



*Ba thu gánh vác sơn hà,
Một là báo phục, hai là bá vương...*

Nữ giới như thế rất là hy hữu, nam giới không so bì nổi. Nghĩa là, vào 20 thế kỷ trước, xã hội Việt Nam không hề có chuyện kỳ thị phụ nữ và từ bà Âu Cơ tới Hai Bà Trưng, rồi tới Bà Triệu, phụ nữ phần lớn không bị xem nhẹ trong mắt ông bà mình.



Maya Angelou và con tem quốc gia

Maya Angelou: biểu tượng văn hóa da đen

Nổi bật trong văn học nữ quyền và dân quyền Hoa Kỳ là Maya Angelou (1928-2014). Bà là nhà thơ, nhà văn, người viết hồi ký, và là nhà hoạt động. Bà ấn hành 7 cuốn tự truyện, 3 tuyển tập các bài tiểu luận, nhiều tập thơ, soạn nhiều vở kịch và cốt truyện cho phim ảnh và truyền hình, được nhiều giải thưởng và hơn 50 văn bằng danh dự từ các đại học khắp Hoa Kỳ. Maya Angelou là biểu tượng của nền văn hóa da đen.

Angelou bị câm trong 5 năm. Năm 1937, Angelou bị một bạn trai của mẹ, tên là Freeman, hiếp dâm. Từ đó, Angelou ngừng nói, câm cho tới năm 1942. Freeman bị xử về tội lạm dụng tình dục, nhưng sau đó người ta thấy y bị đánh chết, có lẽ do các ông cậu của Angelou. Angelou nói thông thạo ít nhất 6 ngoại ngữ, trong đó có Pháp, Tây Ban Nha, Ý Đại Lợi, Ả Rập và Fantì (ngôn ngữ Tây Phi). Từ 1960 tới 1966, Angelou sống tại Phi Châu, trước tiên ở Ai Cập, làm biên tập viên cho báo The Arab Observer, và sau đó tại Ghana, nơi này bà dạy âm nhạc và múa tại đại học University of Ghana. Bên cạnh dạy học, bà sáng tác văn học, thường đăng trên các báo The African Review và The Ghanaian Times. Ảnh hưởng của bà tại Ghana lớn tới nỗi quốc gia này in hình bà lên một con tem. Nhà cách mạng Nelson Mandela đã đọc bài thơ "Still I Rise" của Maya Angelou sau khi thắng cử năm 1994 và trở thành Tổng Thống dân cử tại Nam Phi đầu tiên, và là người da đen đầu

tiên giữ chức vụ cao nhất tại Nam Phi, trong cuộc bầu cử tự do đầu tiên ở đó. Bài thơ nhan đề "Still I Rise" (Dù Vậy Tôi Vươn Lên) của bà sẽ được dịch như sau.

Dù Vậy Tôi Vươn Lên

--- Thơ MAYA ANGELOU

*Quý vị có thể xem nhẹ tôi trong lịch sử
Với những lời nói dối của quý vị đầy cay đắng,
vạn vèo*

*Quý vị có thể đã đạp tôi vào trong bụi
Nhưng dù vậy, như bụi, tôi sẽ vươn lên.*

*Quý vị bức dọc vì tôi ngang ngạnh?
Tại sao quý vị gây sự với bóng tối?
Vì tôi bước đi hết như tôi đã có những giếng dầu
Bơm vào trong phòng khách của tôi.*

*Cũng như mặt trăng và như mặt trời
Với sự tất yếu của thủy triều
Cũng như hy vọng vươn lên cao
Dù vậy tôi sẽ vươn lên.*

*Quý vị đã muốn thấy tôi tan vỡ?
Đầu cúi xuống và mắt ngó xuống?
Vai thả xuôi hết như dòng nước mắt
Suy kiệt vì tiếng khóc ngập hồn tôi?*

*Có phải niềm tự hào của tôi làm phiền quý vị?
Quý vị không thấy đó rất mực khó chịu
Vì tôi cười y như tôi đã có các mỏ vàng
Đang đào trong sân sau nhà tôi.*

*Quý vị có thể dùng lời nói bắn vào tôi
Quý vị có thể trừng mắt để chém vào tôi
Quý vị có thể lấy hận thù để giết tôi
Nhưng dù vậy, như không khí, tôi sẽ vươn lên.*

*Có phải vẻ gợi tình của tôi làm quý vị bức dọc?
Có phải nó hiển lộ như một ngạc nhiên
Rằng tôi khiêu vũ như tôi đã có những viên kim cương
Nơi các đui tôi hướng tới?*

*Từ những túp lều của niềm xấu hổ lịch sử
Tôi vươn lên
Lên từ một quá khứ bắt rễ trong đau khổ
Tôi vươn lên
Tôi là một đại dương đen, phóng lên và lan rộng
Trào lên và tràn lên, tôi mang trong sóng thủy triều*

*Bỏ lại những đêm kinh hoàng và sợ hãi
Tôi vươn lên
Vào ánh bình minh nơi sáng rõ tuyệt vời
Tôi vươn lên
Mang theo quà tặng tổ tiên của tôi đã cho
Tôi là giấc mơ và hy vọng của người nô lệ.
Tôi vươn lên
Tôi vươn lên
Tôi vươn lên.*

Kishwar Naheed: nữ quyền từ Pakistan

Kishwar Naheed là một trong những nhà thơ nữ quyền nổi tiếng của Pakistan. Ra đời tại thị trấn Bulandshahr, tỉnh Uttar Pradesh, Ấn Độ vào năm 1940, gia đình nhà thơ dọn tới Lahore ở Pakistan trong thời kỳ Ấn Độ tách một vùng đất ra làm Pakistan vào năm 1947. Kishwar đã nỗ lực để có một nền học vấn vào thời kỳ phụ nữ không được cho tới trường; bà học ở nhà và lấy bằng trung học qua các lớp hàm thụ, và rồi hoàn tất học vị Thạc sĩ Kinh tế tại đại học Punjab University.

Tập thơ đầu tiên của bà, *Lab-i goya*, ấn hành năm 1968, thắng giải văn học Adamjee Prize of Literature. Bà cũng viết cho thiếu nhi, và cho nhật báo Jang. Kishwar Naheed giữ chức Tổng Giám Đốc Hội Đồng Nghệ Thuật Quốc Gia Pakistan cho tới khi về hưu. Bà sáng lập tổ chức Hawwa có mục tiêu giúp các phụ nữ không có nguồn thu nhập độc lập trở thành độc lập tài chính bằng cách làm gia công tại nhà và bán hàng thủ công nghệ. Sau đây là bản dịch bài thơ "We Sinful Women" (Chúng Tôi Đàn Bà Tội Lỗi).



Kishwar Naheed

Chúng Tôi Đàn Bà Tội Lỗi

--- Thơ KISHWAR NAHEED

*Chính chúng tôi đàn bà tội lỗi
không được tôn kính bởi sự vinh quang của
những người mặc áo choàng dài*

*những người không bán thân mình
những người không chịu cúi đầu
những người không chấp hai tay lại vào nhau*

*Chính chúng tôi đàn bà tội lỗi
trong khi những người bán các vụ mùa trên cơ
thể chúng tôi
trở thành vui mừng
trở thành nổi tiếng
trở thành các hoàng tử công chính của thế giới
vật chất.*

*Chính chúng tôi đàn bà tội lỗi
những người bước ra phất cao lá cờ sự thật
chống lại các lời nói dối dựng rào cản trên xa lộ
những người thấy các chuyện truy bức chống*

*chất trên mỗi ngưỡng cửa
những người thấy rằng các chiếc lưới có thể lên
tiếng đã bị cắt đứt.*

*Chính chúng tôi đàn bà tội lỗi.
Bây giờ, ngay cả nếu đêm rượt đuổi
những cặp mắt này sẽ không bị đập tắt.
Vì bức tường nơi đã bị đập bỏ
không nài ni để dựng lên trở lại.*

*Chính chúng tôi đàn bà tội lỗi
không được tôn kính bởi sự vinh quang của
những người mặc áo choàng dài*

*những người không bán thân mình
những người không chịu cúi đầu
những người không chấp hai tay lại vào nhau*

Fadwa Tuqan: Nhà thơ của dân tộc Palestine

Thơ của Fadwa Tuqan (1917-2003) phần lớn nói về cuộc kháng chiến của dân tộc Palestine khi vùng đất của họ bị Israel chiếm đóng. Thơ bà nói lên thân phận phụ nữ trong thế giới Ả rập, và về nỗi đau khổ của dân Palestine khi mất nước. Sinh tại thị trấn Nablus trong một gia đình thượng lưu Palestine, đi học tới năm 13 tuổi thì buộc phải nghỉ vì bệnh. Một trong những anh ruột của bà là Ibrahim Tuqan, còn được mệnh danh là Poet of Palestine (Nhà thơ của Palestine) nhận trách nhiệm giáo dục bà, tìm sách cho bà đọc, dạy Anh văn và thi ca cho bà. Nhiều năm sau, Fadwa Tuqan được vào học Anh văn và văn học ở Oxford University. Bà in nhiều tập thơ, và chết tại Nablus vào ngày 12/12/2003 trong cao điểm của Al-Aqsa Intifada, cuộc nổi dậy lần thứ nhì của Palestine chống quân Israel đang chiếm đóng.

Dưới đây sẽ dịch bài thơ "Hiện Hữu" (Existence), trong này nhà thơ nữ Fadwa Tuqan viết như dòng tâm sự với người tình, nhưng tình nhân này là một hóa thân của đất nước Palestine mà bà nhìn thấy đã bị Israel cướp mất. Toàn bài thơ viết theo thì quá khứ, chỉ trừ đoạn cuối viết theo thì hiện tại, cho thấy những đau buồn tan vỡ với chàng (biểu tượng cho đất nước đã mất) trong khi hiện tại là một hy vọng về tương lai sẽ hợp nhất với chàng (khi đất nước hồi sinh).



Fadwa Tuqan

Hiện Hữu

--- Thơ FADWA TUQAN

*Trong đời cô quạnh, tôi là một câu hỏi đã mất;
Trong bóng tối bao trùm,
câu trả lời của tôi bị che giấu.*

*Chàng là một vì sao sáng, mới lên
chiếu sáng từ bóng tối của những điều chưa biết
được hiển lộ từ định mệnh.*

*Các vì sao khác quay chung quanh chàng
--- một lần, hai lần ---
cho tới khi tới gặp tôi
chàng chiếu sáng độc đáo.*

*Rồi bóng tối u sầu tràn tới
Và trong các rung chuyển tương đồng
của hai bàn tay chúng ta
Tôi đã tìm gặp lại câu trả lời đã mất của tôi.*

*Ô, chàng! Ô, chàng thân thiết, nhưng xa cách
biệt!
Chàng không nhớ về sự hợp nhất
của tinh thần chàng bốc cháy trong lửa?
của vũ trụ của tôi với của chàng?
của hai nhà thơ?
Bất kể chúng ta xa nhau cách biệt
Sự hiện hữu nối kết chúng ta lại – Sự hiện hữu!*

Ni Trưởng Trí Hải: Thơ Ngọa Bệnh Ca

Ni Trưởng Thích nữ Trí Hải (1938-2003) có thể danh là Công Tôn Phùng Khánh, sinh ở Vĩ Dạ, Thừa Thiên Huế. Khi Ni Trưởng còn trong thai mẹ 3 tháng, được mẹ thỉnh pháp cho Ni Trưởng quy y từ trong thai mẹ, với pháp danh là Tâm Hỷ. Sau khi tốt nghiệp Tú tài 2, Ni Trưởng có ý xuất gia, nhưng chưa được phép, nên học tiếp, tốt nghiệp Cử nhân Anh văn tại trường Sư phạm Huế rồi đi dạy một thời gian tại trường Phan Chu Trinh – Đà Nẵng. Năm 1960, Ni Trưởng du học, tốt nghiệp Cao học ngành Thư viện (M.A) tại Đại học Princeton (Hoa Kỳ).

Ni sư là một trong các giảng viên đầu tiên giảng dạy tại Thiền viện Vạn Hạnh và Trưởng Cao cấp Phật học Việt Nam, từng làm Phó viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đồng thời là nhà nghiên cứu, tác giả, dịch giả nhiều đề tài Phật giáo. Ni Trưởng giỏi 3 ngoại ngữ: Anh, Pháp và Trung Quốc. Đầu tháng 12 năm 2003, Ni Trưởng được suy cử vào chức Phó viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam và Trưởng ban vận động tài chính. Ni Trưởng tử nạn giao thông tại Suối Cát (Đồng Nai) trong chuyến đi công tác xã hội ở Bình Thuận về, vào ngày 7 tháng 12/2003, thọ 66 tuổi với 33 năm tuổi hạ.

Tập Thơ *Ngọa Bệnh Ca* của Ni Trưởng gồm khoảng 200 bài thơ, ghi lại những ngày nằm bệnh từ 15/03/2003 đến 15/4/2003. Văn phong đơn giản, giàu cảm xúc, Thiền ý thâm sâu, hiển lộ phong thái của một vị Thiền Ni vững vàng an trụ trong Giới Định Huệ. Rất mực hy hữu. Nơi



đây, xin trích 2 bài thơ trong Tập Thơ *Ngọa Bệnh Ca* (trong đó, có một bài có tựa đề tiếng Anh "Cut Through" – nghĩa là "Đoạn Tận Nhanh Chóng"). (1)

Người Gỗ

--- Thơ Ni Trưởng Trí Hải
*Một cây chết diệu kỳ
Biết ăn và biết ngủ
Thỉnh thoảng lại*

*biết đi
Nhưng không tư tưởng gì.*

*Như người gỗ ngắm hoa
Như hồ gương chiếu nguyệt
Đá núi cũng xếp hàng
Ngắm kỳ quan điểm tuyệt.*

*Lúc nào thường thức trọn
Vũ trụ nhiệm màu này
Chính lúc tâm bất động
Như cây chết biết đi.*

Cut Through

--- Thơ Ni Trưởng Trí Hải
*Thanh bảo kiếm kim cương
Vọng tướng chém đứt luôn
Một niệm vừa mới ló
Là đứt ngay không nương.*

*Cái tâm là gì nhỉ?
Không danh tướng, như gương
Sáng trong và lặng lẽ
Soi chiếu khắp mười phương.*

*Dưới hồ nước lặng trong
Viên minh châu lấp lánh
Đừng để sóng xao động
Mất dấu ngọc long lanh.*

Các bài thơ của Ni Trưởng Thích Nữ Trí Hải hiển nhiên là có thể đưa vào sách giáo khoa cho người học Phật Việt Nam vậy.

GHI CHÚ:

(1) Tập Thơ Ngọa Bệnh Ca: <https://quangduc.com/p158a60195/muc-luc>



thơ

THẦY TÔI

*Thu về lá đổ quanh chùa,
Thầy tôi hốt lá những mùa thu sang.
Ngâm ngùi nhìn chiếc lá vàng,
Bay theo làn gió lang thang cõi đời,
Tiếng chuông vang vọng khắp nơi,
Chạnh lòng sám hối cho đời an vui.*

HOÀNG THỤY DZUNG

*Dallas, Trọng đông Canh tý
- Nov. 30, 2020*

BUỒN TÀN THU

*Gió đông lùa đến theo cơn lạnh,
Lời nhạc hát lên: “Buồn Tàn Thu”
Tan tác lá vàng không còn nữa,
Mây trời chụm lại với sương mù.*

*Có bản nhạc, người ta thường hát:
...“Thu đi cho lá vàng bay” bay,
Thu đi, lá hết còn đâu nữa?
Chỉ đợi thu sau với tháng ngày...*

*Thôi thế thời thối thu cứ đi,
Lá vàng rụng hết đâu còn gì,
Nai vàng năm ngủ chờ năm tới,
Thu đến thu đi thu vẫn đi...*

*Cao Bá Quát ngày xưa đã nói:
“Thu thiên chỉ kiên vũ bài nhài”...
Giờ đây thu đến mưa nhẹ nhẹ,
Để lại cho ai nỗi u hoài...*

*U hoài nhìn lá rơi từng cánh,
Ám đạm mây trời vẫn âm u,
Ngôi đợi trăng lên, trăng vừa sáng,
Đề người trường dạ: “Buồn tàn thu.”*

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

*Mạnh đông Canh tý
- Oct. 20, 2020*

THẦY PHƯỚC SƠN – NHÀ GIÁO DỤC

Thích Tâm Hạnh

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Nhận lời mời của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Sài-gòn, tôi đảm nhận công tác phiên dịch và giảng dạy tại Vạn Hạnh từ năm 2003 đến 2007. Trong thời gian làm việc tại đây, một vị Giáo sư đã gây nhiều ấn tượng và ảnh hưởng đối với tôi, đó là Thầy Phước Sơn.

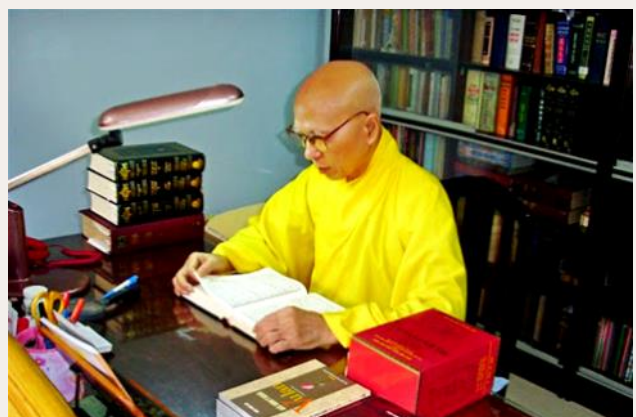
Thật ra, trước đó, tôi đã biết về Thầy lúc còn làm Hiệu trưởng trường Bồ đề Nha Trang. Thịnh thoảng cũng có gặp trong lần Về cội ở Phật học viện Hải Đức trước 1975, rồi trong ngày kỵ Sư ông Trí Thủ tại Quảng Hương Già Lam sau 1975, nhưng tôi chưa bao giờ được tiếp xúc trực tiếp với Thầy.

Trong khi tham gia công tác phiên dịch bộ Lĩnh Sơn Đại tạng kinh dưới sự lãnh đạo của Ôn Đồng Minh, tôi mới được may mắn trực tiếp làm việc với Thầy. Theo quy trình làm việc của Ôn Đồng, tôi gửi bài cho các dịch giả, nhận bài dịch, xem trước và báo cáo với Ôn để tiến hành chứng nghĩa. Với tinh thần tôn sư trọng đạo, tôi không làm việc "xem trước, sửa" với những dịch giả là lớp thầy của tôi mà Ôn Đồng trực tiếp làm từ trường hợp nào đó Ôn bảo tôi xem trước.

Thầy Phước Sơn đảm nhận dịch bộ Luật Ma-ha Tăng-kỳ của Đại chúng bộ. Sau mỗi phần dịch xong, Thầy gửi ra Nha trang cho Ôn Đồng chứng nghĩa. Có lẽ lúc ấy bài dịch nhiều, làm không kịp nên Ôn giao tôi xem bản dịch Ma-ha Tăng-kỳ trước khi đưa lên Ôn để việc chứng nghĩa nhanh hơn. Qua bản dịch này, tôi may mắn được trực tiếp làm việc với Thầy Phước Sơn, dịch giả bộ luật. Khi làm việc với Thầy, tôi đã học được rất nhiều điều từ bản dịch và thái độ làm việc của một nhà phiên dịch Phật học mô phạm. Theo Thầy, luật Ma-ha Tăng-kỳ của Đại chúng bộ rất gần với những lời dạy nguyên thủy của Đức Phật và sinh hoạt của Tăng đoàn thời Phật còn tại thế. Thầy luôn luôn có thái độ lắng nghe, tiếp thu, cầu thị, chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác để xử lý những câu dịch mà giữa dịch giả và người chứng nghĩa chưa

đi đến thống nhất. Trong quá trình làm việc với người thuộc lớp học trò, Thầy đã thể hiện tư cách khách quan của một dịch giả, làm sao đạt được ba tiêu chí của một bản dịch là **tín, đạt** và **nhã**. Qua những lần làm việc với Thầy, tôi đã học được phong thái một nhà giáo mô phạm và kinh nghiệm làm việc lắng nghe và hợp tác một cách khách quan của một dịch giả chân chính. Đây chính là nền tảng giúp tôi rất nhiều trong những bản dịch của tôi và thời gian sau này tôi được cùng dạy và học với Thầy tại Vạn Hạnh.

Trong thời gian tôi làm việc tại Vạn Hạnh, Thầy là Viện phó, tôi là phó Ban phiên dịch đồng thời là Chủ nhiệm và giáo sư các lớp Hán văn Phật học nâng cao cho các học viên đã tốt nghiệp cử nhân Phật học tại Vạn Hạnh. Tuy là giáo sư chủ nhiệm lớp nhưng đến giờ dạy của Ôn Đức Nghiệp, Thầy Viên Minh, Thầy Phước Sơn, Thầy Lê Mạnh Thát, tôi vẫn đến lớp, học và làm bài tập như các học viên khác. Chính trong thời gian này, qua lớp học và cách dạy của Thầy Phước Sơn, tôi học thêm được phong cách và thái độ nghiêm túc của một vị thầy sư phạm Phật học chân chính. Trong khi giảng dạy, bằng hết kiến thức và kinh nghiệm, Thầy cố gắng, nhiệt tình, trân trọng truyền trao kiến thức Phật học qua các môn học cho học viên.



Khác hẳn hình ảnh, thái độ của vị giáo sư nghiêm túc trên bục giảng, mỗi khi tôi cùng học viên đến thăm Thầy trong căn phòng nhỏ của viện Nghiên cứu trước đây, Thầy vui vẻ đón tiếp chúng tôi rồi bánh trái, nước uống, hoà đồng, vui vẻ chuyện trò với chúng tôi như một người anh, người cha với con em của mình. Mãi đến sau này, dù ở trong nước hay hải ngoại, mỗi khi gặp lại các học viên cũ, chúng tôi luôn nhắc đến thầy với những tình cảm rất trân quý.



**HT. THÍCH PHƯỚC SƠN
(1938—2020)**

Người Á châu nói chung, người Việt Nam nói riêng, thường có tinh thần sùng bái cá nhân, nhất là các vị thầy tổ nổi tiếng thuộc truyền thống, tông phái của mình; tin tưởng có khi đến cực đoan vào những gì họ nói hay ghi trong kinh sách thuộc truyền thống của mình. Cũng có những vị thầy nhận ra những điều bất cập trong lời dạy của tổ sư hay sách vở thuộc truyền thống của mình nhưng không đủ can đảm nói ra vì rất nhiều lý do chủ quan hay khách quan, thường thì sợ bị “ném đá” hay mang tiếng “muốn hơn, đi ngược thầy tổ, phản sơn môn.” Thế nên, trong bối cảnh của Phật giáo Việt Nam, thật khó có vị thầy nói lên được tiếng nói giáo dục một cách khách quan, không bị chi phối bởi truyền thống hay số đông. Ngay cả một số nhà Phật học nổi tiếng của Tây phương thuộc truyền thống Theravāda như Ajahn Sumedho, Ajahn Brahm, Thānissaro Bhikkhu,... trong những sách Phật học có giá trị cao của họ, ít nhiều vẫn bị ảnh hưởng truyền thống mà họ theo; ngoại trừ Bhikkhu Bodhi, Ven. Dhammananda,... theo cái thấy của riêng tôi.

Trong khi tại Việt Nam, giữa rất nhiều vị thầy khác vẫn bị giới hạn bởi truyền thống và tín ngưỡng trong công tác giáo dục Phật giáo, Thầy Phước Sơn đã thể hiện tư cách khách quan, vô úy, mở rộng, không lệ thuộc vào truyền thống, tông môn, tổ sư qua những bài viết về luật học, tác phẩm, dịch thuật và những chia sẻ cho học viên trong các giảng đường Phật học. Thầy không phân biệt tài liệu thuộc truyền thống nào miễn là có giá trị về nghiên cứu học thuật và lợi ích trong việc thực hành với lời dạy của Đức Phật thì Thầy giới thiệu. Ở đây, tôi chỉ xin nêu ra hai trường hợp về Luật học và Luận học.

Bài viết, Giới luật là công truyền hay bí truyền của Thầy đã xoá đi những ngộ nhận không được đọc giới luật Tỳ kheo khi chưa thọ đại giới, lên đọc thì không được thọ giới của ngài Hoàng Tấn trong bài tựa sách *Tứ*

phần Giới Bản Như Thích. Chính câu này đã ngăn trở biết bao thế hệ Tăng Ni Trung Quốc, Việt Nam thiếu hiểu biết về giới luật vì chưa thọ thì không được đọc, thọ xong thì học làm gì. Nếu chịu suy nghĩ, chúng ta có thể nhận ra, thời Đức Phật làm gì có sách luật mà đọc; sự khác nhau giữa đọc sách giới luật của Tỳ-kheo và lên vào giới trường nghe nhìn chư Tăng hành tăng sự yết-ma.

Trước đây, ngay trong thời của chúng tôi, kinh sách thuộc truyền thống Theravāda không được giới thiệu trong các trường Phật học thuộc Bắc tông, với thành kiến là kinh sách Tiểu thừa, Nhị thừa, học vào sẽ bị “tiêu nha bại chủng” (mầm mống giác ngộ bị cháy khô, hạt giống giác ngộ bị hư thối) không thể tiến xa trên lộ trình giải thoát. Thời ấy, có những vị thầy dạy Phật học đã từng nói thẳng với tôi như thế khi họ biết tôi thích nghiên cứu kinh sách thuộc truyền thống Theravāda mà họ đồng hoá với Tiểu thừa, Nhị thừa. Đến nay, sự ngộ nhận và tiếp tục truyền dạy theo cách này không còn thể hiện nhưng vẫn chưa mất hẳn trong một số vị thầy dạy Phật học. Trong khi đó, Thầy Phước Sơn đã soạn sách *Toàn yếu Thanh Tịnh Đạo luận*. Tự mình thọ trì *Đại Kinh Phương Quảng*, số 43, thuộc Trung bộ cho đến trước khi viên tịch. Trong các lớp học, khi chia sẻ kiến thức Phật học cho Tăng Ni sinh mà hầu hết là Bắc tông, Thầy luôn giữ thái độ khách quan trung thực của một người làm công tác giáo dục, biết tiếp thu chấp nhận cái đúng, từ bỏ cái sai, ngộ nhận dù có trong truyền thống hay từ thầy tổ của mình. Trong hoàn cảnh tham gia giảng dạy tại Học viện và Viện nghiên cứu với quý Tôn túc đến từ nhiều truyền thống khác nhau, những khuynh hướng về thời cuộc khác nhau, Thầy luôn đứng khách quan, không nghiêng tả hữu, chỉ chú trọng về giáo dục.

Khi biết tôi không còn tu tập theo truyền thống cũ của thầy tổ mà rẽ sang tu học và sinh hoạt theo truyền thống Theravāda, Thầy vẫn tùy hỷ và tôn trọng quyết định của tôi, không hề có thái độ phản ứng như một vài vị khác. Điều này làm tôi càng kính phục Thầy.

Trải qua một thời gian dài cùng làm việc với Thầy, tôi học biết bao điều hay từ kiến thức quảng bác, tư cách mô phạm, thái độ khách quan của một nhà giáo dục chân chính, tôi luôn xem mình là học trò của Thầy. Mỗi lần có duyên sự về quê nhà tôi đều ghé Vạn Hạnh thăm và thỉnh thoảng cũng có liên lạc qua điện thoại hỏi thăm sức khỏe, vẫn

được nghe những lời chia sẻ về Phật học.

Thiết nghĩ, Phật giáo Việt Nam đang trong giai đoạn hình thành đã và đang phát triển. Trên phương diện hình thức thì các cơ sở tự viện, chùa chiền được xây dựng rất bề thế, trở thành danh lam thắng cảnh cho quần chúng tham quan lễ lạy, đáp ứng được nhu cầu tín ngưỡng tâm linh. Nhưng để đạo Phật cắm sâu vào lòng xã hội, thu hút được tầng lớp nhân sỹ trí thức thì cần phải có những bước đi cụ thể rõ ràng về phương diện văn hóa giáo dục Phật giáo, và điều kiện tối thiểu làm nền tảng là có những nhà giáo dục đầy đủ giới đức, tâm đức và tuệ đức. Thầy Phước Sơn là một trong những ngôi sao sáng của Phật giáo Việt Nam về lĩnh vực này.

Giữa hoàn cảnh nhiễu nhương của đất nước, giữa sự phân phái trong Giáo hội Tăng già, thì Thầy vẫn điềm nhiên trước thế sự, vui thú với đèn sách và lên lớp truyền trao chân lý của đức Như Lai cho lớp đi sau. Nhà giáo dục Phật giáo là **"người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc"** (kinh Sợ hãi và Khiếp đảm, Trung bộ 4). Cái gì hư thì sửa, cái gì bị ngã thì dựng lên, và đi sai đường thì hướng dẫn cho đúng. Ở đâu đó trong cuộc đời và đạo nghiệp của Thầy Phước Sơn có bóng dáng của những tiêu chí ấy; điều này rất đáng để cho chúng ta nghiêm túc suy nghĩ về thực trạng Phật giáo ngày nay.

Được tin Thầy viên tịch, con không về được, thắp nén tâm hương vọng bái về Thầy. Sắp đến tiểu tường, con thành kính tưởng niệm về Thầy - nhà giáo dục chân chính, một bậc đạo hạnh uy nghiêm và giới đức thanh tịnh.

Con viết những dòng về Thầy trong hoài niệm, kính mong Thầy chứng giám.

Mùa dâng y Kathina, PL. 2564 - 2020
Tu viện Đạo Tâm, Riverside,
California.
Học trò, **Tâm Hạnh**



VÔ ĐỀ

*qua bến tà huy gió đẫm chiều
hoàng hôn đỏ sóng chồm cô liêu
hôn say bước nhẹ chân du mục
trầy gánh tình xa mộng ít nhiều.*

TÌNH NHỚ

*người tận phương xa chừ ở đâu
bên kia thăm thăm gió qua cầu
bên này sóng nước ngẫu âm đục
núi chùt ân tình giữa biển dâu
người khuất xa như cánh vạc chiều
âm vang lồng lộng bến tình xiêu
kể từ xa cách hai đầu bến
sóng vỗ muôn trùng hương giáng kiêu.*

QUÁN VEN SÔNG

*ven sông quán dập dềnh
người ngồi tìm bập bênh
chai bia rơi sần vẩn
khô khốc đời lênh đênh
cô hàng phơi ngực mềm
sóng nước vỗ bông bênh
gió lùa xao tóc bạc
giọng cười rơi nhẹ thên.*

MỘT CHIỀU THU

*trăng về vén lối chiều hôm
bờ tre thao thức bên nguồn sương pha
lửa ai đốt tận ngoài xa
bãi hoang lặng gió, khói phà hơi thu
người về ôm kín sa mù
thả bay từng sợi tâm tư nuôi chiều.*

thơ **PHÙ DU**



CHÁNH NIỆM

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em (ACE) Lam viên thân mến,

Hôm nay chúng ta nói đến mục đích của tu hành, trong phạm vi nhỏ hẹp của người Huynh trưởng GDPT.

Lục Tổ Huệ Năng xưa là một thanh niên nhà nghèo, ít học, ở nơi quê mùa nhưng lại có niềm tin rất mạnh vào Phật tánh ở trong mỗi chúng sanh nên khi đến Hoàng Mai xin học Đạo, đối diện với Ngũ Tổ, ngài không có chút mặc cảm nào. Khi được hỏi "Ông đến đây để cầu điều gì?" Ngài trả lời: cầu làm Phật. Ngũ Tổ ngạc nhiên hỏi lại: "Ông là người Lĩnh Nam, lại kém văn hoá, sao có thể làm Phật được?" Huệ Năng thưa: "Người thì có Nam, Bắc, nhưng Phật tánh vốn không có Nam Bắc. Thân hèn mọn của con với thân của Hoà Thượng không giống nhau nhưng Phật tánh đâu có sai khác?" Ngũ Tổ nghe xong biết ngay người này có ngộ tánh cao.

Thật vậy, mỗi chúng sanh đều có Phật tánh là tánh Phật hay hạt giống Phật. Nếu biết tưới tẩm hạt giống ấy bằng từ bi và trí tuệ thì nó nảy mầm, mọc ra hoa giác ngộ giải thoát, đó là mục đích TU làm Phật (Phật = tỉnh thức, định tĩnh, trong lành), và khi ngài Huệ Năng được Ngũ Tổ trực tiếp trao truyền y bát, ấn chứng Huệ Năng đã thấy Đạo (kiến tánh), là kế thừa của Ngũ Tổ, Lục Tổ Huệ Năng đã thốt lên:

**"Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh
Đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt
Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ
Đâu ngờ tự tánh vốn không dao động
Đâu ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp"**

Những lời này của Lục Tổ làm chúng ta nhớ lời đức Thế Tôn đã dạy trong Diệt Đế: "Tâm ta như một tấm gương có khả năng chiếu sáng kỳ diệu, ghi lại tất cả hình ảnh của bất cứ vật gì đi ngang qua nó (**hay sinh muôn pháp**) mà không hề có phản ứng gì cả (**vốn tự thanh tịnh, vốn không sanh diệt, vốn không dao động**). Đây cũng được gọi là Tâm Phật hay Tâm Phật bất sinh (Bankei).

Để thực tập Tâm Phật bất sinh, trong đời

sống hằng ngày, chúng ta cần chú ý giữ gìn chánh niệm. Chánh niệm là ý thức rõ mình đang làm gì: khi đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng... mình biết đang bước đi, đứng lại, nằm xuống hay đang ngồi... Khi nói, biết mình đang nói gì, khi nghe biết mình đang nghe, khi nhìn biết mình đang nhìn cái gì, v.v... Đó là chánh niệm hay tỉnh thức. Nếu chúng ta biết NGHE trong chánh niệm thì nghe ai khen mình cũng không khởi lên tâm ngã mạn, nghe chê cũng không nổi sân... chỉ nghe âm thanh mà không khởi lên ý kiến gì cả (không thích hay ghét, không chạy theo cũng không xua đuổi...) Khi cái tâm khen chê, thương ghét, thị phi... nổi lên rồi thì Tâm không còn sáng suốt, trong lành nữa, như bầu trời bị mây kéo tới che lấp mặt trời hay mặt trăng... [Tâm Phật không còn và tâm Ma xuất hiện]. Cho nên cũng chỉ là Tâm nhưng chỉ xê xích một chút là từ an lạc thành ra đau khổ phiền não, hay ngược lại. TU là sống với tâm Phật, hằng ngày an trú trong Tâm Phật càng nhiều càng tốt. Như Thiền sư Bankei nói: *"Với một người thực chứng tâm Phật một cách rất ráo thì khi vị ấy đi ngủ là đi ngủ với tâm Phật, thức dậy là thức dậy với tâm Phật, khi đi là đi với tâm Phật, khi nói là nói với tâm Phật, khi ăn cơm là ăn với tâm Phật, khi uống trà là uống trà với tâm Phật... Vào mọi lúc, vị ấy an trú liên tục trong tâm Phật, vị ấy hành xử ung dung tùy theo hoàn cảnh, cứ để mọi sự trôi theo cách tự nhiên của chúng, chỉ cốt là không làm việc ác, chỉ làm việc lành... nhưng không tự hào về những việc lành đã làm, không bám víu vào đó mà ghét những người xấu, vì như vậy là đi ngược lại tâm Phật. Tâm Phật không thiện, không ác, nó vượt ra ngoài thiện ác."*

Như vậy, chúng ta TU tức là thực hành CHÁNH NIỆM và dạy cho đàn em chúng ta thực hành chánh niệm. Nếu chúng ta an trú trong chánh niệm 24/24 giờ thì chúng ta đã Làm Phật được rồi! Phải không các bạn? [Rất tiếc, ACE chúng ta chỉ làm Phật được vài phút, vài giờ trong ngày thôi!]

Thân mến kính chúc các bạn sức khoẻ và an lạc .

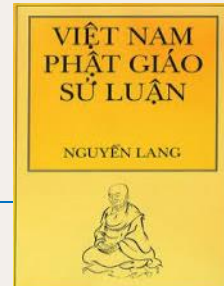
Trân trọng, **NAL**

CHÙA LINH QUANG VÀ CHÙA TỪ ĐÀM Ở TRUNG VIỆT

(Chương XXXIII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU



(tiếp theo)

PHẬT GIÁO ĐƯỜNG BẢO QUỐC

Phật học đường Bảo Quốc do thiền sư Trí Thủ chủ trì là một đạo tràng rất hưng thịnh. Từ năm 1950 trở đi, Phật học đường này đã bắt đầu thu nạp nhiều học tăng từ Hà Nội và Sài Gòn gửi tới. Trong số các giáo sư giảng dạy tại Phật học đường, có các thiền sư Bích Phong, Mật Nguyên, Đôn Hậu, Trí Thủ, Quang Phú, Trọng Ân, Hoảng Thơ, Trí Quang và Trí Đức. Phật học đường này đã cung cấp giảng sư cho các tỉnh hội Phật học miền Trung, cố vấn giáo lý cho các đơn vị Gia đình Phật tử và giáo sư Phật pháp cho các tư thục Bồ Đề.



Tổ Đình Bảo Quốc, Huế

CÁC TRƯỜNG TƯ THỰC BỒ ĐỀ

Thiền sư Trí Thủ cũng giữ trách vụ ủy viên hoằng pháp cho hội Việt Nam Phật học khi hội này được tái lập năm 1948. Năm 1952, ông đặt đá cho ngôi trường trung học tư thục Bồ Đề đầu tiên của hội Việt Nam Phật

học tại thành nội Huế. Từ đó về sau, các trường tư thục Bồ Đề được liên tiếp dựng lên ở các tỉnh hội và chi hội khắp miền Trung cho các cấp tiểu học và trung học. Những trường này đều do các tỉnh hội và chi hội của hội Việt Nam Phật học quản trị. Tại các trường Bồ Đề, một giờ Phật pháp hàng tuần được thiết lập trong chương trình giáo dục, ở cấp tiểu học cũng như ở cấp trung học. Trường Bồ Đề trở nên một môi trường mới cho sự hoằng pháp và giáo dục thiếu nhi trên tinh thần đạo Phật. Theo báo cáo của Tổng vụ Giáo dục Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất năm 1973, thì số lượng các trường tư thục Bồ Đề toàn quốc trong năm này lên tới 163 trường.

Trong số những người đứng ra tổ chức và quản trị các trường tư thục Bồ Đề, người ta thấy có nhiều huynh trưởng của tổ chức Gia đình Phật tử, một tổ chức giáo dục thanh thiếu niên nằm trong phạm vi tổ chức của hội Việt Nam Phật học.

TỔ CHỨC GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Tổ chức Gia đình Phật tử đã được thai nghén từ năm 1943 khi đoàn Phật học Đức Dục dưới sự hướng dẫn của cư sĩ Lê Đình Thám bắt đầu tổ chức và giáo dục các đoàn "Đồng Ấu Phật Tử" theo phương pháp sinh hoạt thanh niên. Những đơn vị tổ chức được gọi là những *Gia Đình Phật Hóa Phổ*.

Năm 1947, sau ngày tan vỡ mặt trận của kháng chiến Huế, một số các đoàn viên cũ của các Gia Đình Phật Hóa Phổ họp nhau tại nhà của cư sĩ Phan Cảnh Tú để tìm lại không khí đầm ấm trước chiến tranh. Nhờ đó, tổ chức Gia Đình Phật Hóa Phổ được tái lập. Hai gia đình đầu tiên là gia đình *Hướng Thiện* do cư sĩ Phan Cảnh Tú làm phổ trưởng và gia đình *Gia Thiện* do cư sĩ Nguyễn Văn

Phiên làm phổ trường. Năm 1948, khi hội Việt Nam Phật học đặt trụ sở tại ngôi nhà số 13 đường Nguyễn Hoàng thì tổ chức Gia Đình Phật Hóa Phổ cũng đặt trụ sở và mở niệm Phật đường tại đây. Ngày mồng tám tháng Chạp âm lịch năm ấy, Gia Đình Phật Hóa Phổ tổ chức lễ thành lập chính thức tại chùa Từ Đàm. Nhiều gia đình khác được tiếp tục thành lập sau *Hương Thiên* và *Gia Thiên*, như *Chơn Trí*, *Hương Từ*, *Hương Đàm*... Ban hướng dẫn hồi ấy gồm có các cư sĩ Võ Đình Cường, Phan Cảnh Tuân, Văn Đình Hy, Cao Chánh Hựu, Phan Xuân Sanh, Hoàng Thị Kim Cúc, Tịnh Nhân, Tống Hồ Cầm, Đặng Tống và Lê Văn Dũng. Những trại huấn luyện được tổ chức để đào tạo cán bộ hướng dẫn và điều khiển các gia đình. Cư sĩ Võ Đình Cường, tác giả sách *Ánh Đạo Vàng*, là người đóng vai trò quan trọng nhất trong công trình tái lập và phát triển tổ chức Gia Đình Phật Hóa Phổ. Ông giữ trách vụ Trưởng ban Hướng dẫn của tổ chức này.

Tổ chức Gia Đình Phật Hóa Phổ phát triển rất mau chóng và lan rộng tới miền Nam và miền Bắc. Ngoài Bắc, các cư sĩ Nguyễn Văn Nhã, Lê Văn Lãm, Vũ Thị Định tạo dựng các cơ sở đầu tiên cho Gia Đình Phật Hóa Phổ tại Hà Nội và Hải Phòng. Trong Nam, các cư sĩ Tống Hồ Cầm và Nguyễn Văn Thục xây dựng các đơn vị Gia Đình Phật Hóa Phổ trong phạm vi hội Phật học Nam Việt.

Năm 1951, hội nghị toàn quốc của Gia Đình Phật Hóa Phổ được triệu tập tại Huế và danh hiệu của tổ chức được đổi thành **Gia đình Phật tử**. Một nội quy trình đã được đại hội này soạn thảo và chấp thuận.

Gia đình Phật tử là một tổ chức giáo dục thiếu nhi quan trọng và có sắc thái độc đáo: Có thể nói đó là một trong những nét đặc biệt nhất của đạo Phật tại Việt Nam. Tại các nước Phật giáo trên thế giới, chưa có tổ chức thiếu nhi nào đông đảo và có tổ chức khéo léo như thế. Vào năm 1973, số lượng vừa huynh trưởng vừa đoàn viên của tổ chức này đã lên quá mức 200.000 người. Làm cố vấn giáo lý và giảng sư cho các Gia đình Phật tử đầu tiên là các vị học tăng trung học của Phật học đường Báo Quốc. Tài liệu học Phật đầu tiên cho thanh thiếu niên là tập *Phật Pháp* do các học tăng Minh Châu, Đức Tâm, Thiên Ân, Chơn Trí và Trí Không soạn, xuất bản vào năm 1950.

Môi trường hành đạo, với sự thành lập khuôn hội tại các đơn vị xã và sự thiết lập các trường Bồ Đề và tổ chức Gia đình Phật tử, đã trở nên quá rộng lớn.

CÁC CƠ SỞ TĂNG HỌC

Số lượng tăng sĩ được đào tạo tại Phật học đường Báo Quốc và các Ni viện tại Huế không đủ để làm thỏa mãn một phần mười

nhu cầu hành hóa. Các Phật học đường khác tại các thị xã lớn như Nha Trang, Đà Nẵng và các lớp tu nghiệp cho tăng sĩ tại trụ sở Sơn môn Tăng già tại các tỉnh đã được tuần tự thiết lập để đào tạo và cung cấp thêm cán bộ tăng sĩ cho môi trường hành đạo càng ngày càng phát triển ấy.

Phật học đường Phổ Đà ở Đà Nẵng đã được thiền sư Trí Hữu quản đốc. Phật học đường Báo Tịnh ở Tuy Hòa được thiền sư Trí Thành điều khiển. Phật học đường Nha Trang do thiền sư Huyền Quang giám đốc từ đầu năm 1956. Đến năm 1958, Phật học viện Trung Phần được thiết lập tại chùa Hải Đức Nha Trang do thiền sư Trí Thủ làm giám đốc và thiền sư Thiện Siêu làm đốc giáo. Phật học đường Nha Trang được sát nhập vào Phật học viện này và thiền sư Huyền Quang trở thành tổng thư ký của Phật học viện. Tại chùa Thập Tháp ở Bình Định, thiền sư Kế Châu cũng thiết lập Phật học đường Phước Huệ.

NI SƯ DIỆU HƯƠNG VÀ NI VIỆN DIỆU ĐỨC

Ni viện Diệu Đức tại Huế được xây dựng từ năm 1932. Ni viện này được đặt dưới quyền giám đốc của Ni sư Diệu Hương. Túng lâm này từ năm 1934 trở đi đã trở nên hưng thịnh và đã quy tụ trên dưới 100 ni sinh, trong số đó có nhiều vị từ trong Nam và ngoài Bắc đến tham học.

Ni sư Diệu Hương tên đời là Nguyễn Thị Kiều, sinh năm 1884 tại làng Dạ Lê Hạ, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên. Hồi 16 tuổi, bà được vua Thành Thái triệu vào cung, phong làm Mỹ tần. Năm 20 tuổi bà sinh hạ được một hoàng nữ rất xinh đẹp. Nhưng đến năm 1915 khi vua Thành Thái bị đi đày và hoàng nữ chết vì bệnh, bà liền xin xuất gia học đạo với thiền sư Thanh Thái lúc ấy trú trì chùa Tường Vân. Bà thọ đại giới năm 1924 tại giới đàn chùa Từ Hiếu. Năm ấy bà được 40 tuổi.



Ni viện Diệu Đức, Huế

Sau khi thọ đại giới, bà tu học tại chùa Trúc Lâm cùng với các ni sư Chơn Hương và Giác Hải dưới sự hướng dẫn của ni sư Diệu Viên ở huyện Hương Thủy được thành lập, tự trường là ni sư Diệu Viên đã thỉnh bà về lãnh đạo ni chúng ở đây. Bên cạnh chùa Diệu Viên, một viện cô nhi được tạo lập lấy tên là Tịnh Lạc.

Năm 1932, một tập thể ni chúng được thành lập tại chùa Từ Đàm. Bà được mời về lãnh đạo sự tu học cho đại chúng.

Đến năm 1934 ni viện Diệu Đức được thành lập, bà lại được mời về trong chức vụ tọa chủ.

Bà tiếp tục lãnh đạo tùng lâm Diệu Đức cho đến năm 1971 thì viên tịch. Bà thọ được 88 tuổi. Đại diện của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đã đưa tiễn bà bằng hai câu đối sau đây, được khắc vào cửa tháp:

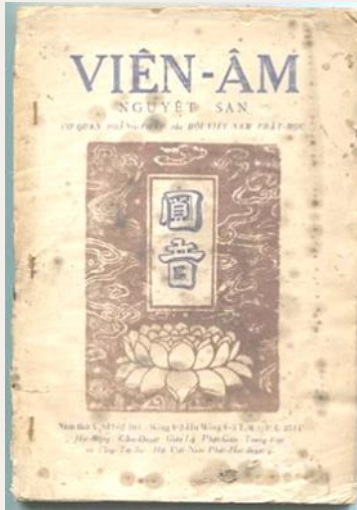
"Trùng trước nhi thanh, viết tam kỳ ư đương niệm

Phản bội nhi viên hướng, bát kinh vu kim sinh."

Ni sư Thế Yến, thượng túc của bà lên làm viện chủ ni viện Diệu Đức. Ni sư Thế Yến tên đời là Tuyết Sơn, quê ở Nghệ An, xuất gia tại chùa Diệu Viên dưới sự hướng dẫn của bà từ năm 1930. Trong số những danh ni đệ tử của ni sư Diệu Hương còn có các ni sư Thế Quán, Thế Thanh, Thế Tín, Thế Thuyền... vị nào cũng đảm trách những Phật sự quan trọng trong ni bộ.

Những ni sư hoạt động nhiều nhất trong lĩnh vực cứu tế xã hội xuất thân từ ni viện Diệu Viên là Viên Minh, Thế Quán, Thế Thanh và Cát Tường. Hoạt bát nhất trong các danh ni là ni sư Diệu Không. Bà tên là Hồ Thị Hạnh, sinh năm 1905 tại làng An Truyền, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên. Bà xuất gia năm 1938 tại chùa Trúc Lâm, theo học với thiền sư Giác Tiên, pháp danh là Trùng Hảo. Bà thọ đại giới năm 1944 tại giới đàn chùa Thiền Tôn do thiền sư Giác Nhiên chủ tọa. Bà đã theo học Phật học đường của sơn môn tại các chùa Trúc Lâm và Tây Thiên.

Năm 1928, khi chưa xuất gia bà đã có công vận động xây cất ni viện Diệu Viên và nhà Tịnh Lạc cho trẻ mồ côi ở Hương Thủy. Năm 1932, cùng với các nữ cư sĩ Ứng Dinh, Ứng Bằng và một số Phật tử hữu tâm khác, bà cũng đã vận động mua đất tại thôn Bình An để thành lập chùa Diệu Đức. Bà cũng đã cùng các bạn nữ vận động yểm trợ cho ni chúng tu học tại chùa Từ Đàm, cho đến khi chùa này trở thành hội quán của hội An Nam Phật học.



NHỮNG TẠP CHÍ PHẬT HỌC

Trước khi các tạp chí *Viên Âm* của hội Việt Nam Phật học và *Liên Hoa* của Giáo hội Tăng già Trung Việt ra đời, tại Huế đã có đặc san *Phật Giáo Văn Tập* và tạp chí *Giác Ngộ*. Đặc san *Phật Giáo Văn Tập* được xuất bản lần đầu vào ngày Phật Đản 1947, do cư sĩ Tráng Đình chủ trương. Cư sĩ Tráng Đình là một người có lòng đối với nền văn học Phật giáo; ông đã liên lạc với các cây bút tăng sĩ và cư sĩ hồi đó để đề nghị sáng tác và đã đứng ra xuất bản văn tập này ba tháng một lần với phương tiện tài chính do chính ông vận động. *Phật Giáo Văn*

Tập ra đời trước khi hội Việt Nam Phật học được thành lập. Đến năm 1949, ông vận động xin phép xuất bản tạp chí *Giác Ngộ*, mời nhà văn Võ Đình Cường làm chủ bút, còn mình thì đứng làm chủ nhiệm kiêm quản lý. Tờ *Viên Âm* ra đời đầu năm 1950, do cư sĩ Chơn An Lê Văn Định đứng làm chủ nhiệm, thiền sư Trí Quang làm chủ bút và cư sĩ Tôn Thất Tùng làm quản lý.

Viên Âm chuyên về khảo cứu giáo lý, khác hẳn với *Giác Ngộ* có tính cách văn nghệ và thời sự. Cộng tác với *Giác Ngộ*, ngoài Võ Đình Cường còn có Nguyễn Hữu Ba, Cao Khả Chính, Nguyễn Khắc Ngữ, Tống Anh Nghị, Trương Tú, Trinh Tiên và Lê Bối.

Viên Âm là cơ quan chính thức của hội Việt Nam Phật học; thiền sư Trí Quang cũng đã viết trong tạp chí này với những bút hiệu như Thích Kim Sơn và Thích Thuyền Minh. Các thiền sư Thiện Siêu, Thiện Minh, Mật Nguyễn và cư sĩ Chơn An đều có cộng tác với tạp chí này.

Tạp chí *Liên Hoa* của Giáo hội Tăng già Trung Việt được xuất bản năm 1959, do thiền sư Đôn Hậu đứng làm chủ nhiệm và thiền sư Đức Tâm đảm nhiệm trách vụ chủ bút. Tạp chí này có sự cộng tác của nhiều học tăng đang du học tại ngoại quốc. Ngoài phần giáo lý, tạp chí cũng đăng nhiều bài có tính cách văn nghệ. Tạp chí này đình bản vào năm 1966.

Tại Đà Lạt, từ năm 1950 đã có tạp chí *Hướng Thiện* do thiền sư Thiện Minh chủ nhiệm. Đến năm 1951, tạp chí này đình bản. Một tạp chí khác ra đời lấy tên là *Liên Hoa*, do cư sĩ Huỳnh Văn Trọng chủ nhiệm. Tạp chí này được một tổ chức Phật tử trí thức tên là *Phật Giáo Thiện Hữu* trợ lực về phương diện tài chính. Trong tổ chức này có những cư sĩ như Huỳnh Văn Trọng, Nguyễn Minh Tâm, André Migot và Pierre Marti. Bác sĩ Migot đã gây nhiều chấn động trong giới

Công giáo vì tác phẩm *Phật Giáo Với Văn Minh Âu Tây*, trong đó ông chủ trương nên để cho người A Đông theo tôn giáo của họ là Phật giáo và chấm dứt truyền bá Cơ Đốc giáo trong xã hội họ. Cư sĩ Pierre Marti, pháp danh là Long Tử, đã từng diễn thuyết về Phật giáo tại các chùa cao nguyên trung phần bằng tiếng Việt. Ông là quản lý cho tạp san *Liên Hoa* từ 1951 đến 1954. Chủ bút của tạp chí này là thiền sư Nhật Hạnh.

THIÊN SƯ ĐÔN HẬU

Thiền sư Đôn Hậu, chủ nhiệm tạp chí *Liên Hoa*, sinh năm 1904 tại làng Xuân An, phủ Triệu Phong, Quảng Trị. Ông tên là Diệp Thuần, xuất gia năm 19 tuổi tại chùa Tây Thiên, theo học với thiền sư Tâm Tịnh. Ông là em đồng sư của thiền sư Giác Tiên. Pháp danh của ông là Trùng Nguyên. Xuất gia được một năm ông đã được thọ đại giới tại giới đàn Từ Hiếu tổ chức năm 1923 do chính bản sư của ông làm hòa thượng đàn đầu.

Ông đã được học Phật với các thiền sư Huệ Pháp, Viên Thành, Hồng Khê và Phước Huệ. Năm 25 tuổi, ông theo thiền sư Phước Huệ vào chùa Thập Tháp ở Bình Định để học Phật trong một năm. Sau đó ông trở ra Phật học đường Tây Thiên và tốt nghiệp năm 1936. Từ 1932, ông đã được mời làm giảng sư hội An Nam Phật học. Năm 1938 ông được mời làm giáo sư cho Phật học đường và luật sư cho Sơn môn Thừa Thiên. Năm 1945, ông được ủy nhiệm trú trì chùa Linh Mục và làm hội trưởng hội An Nam Phật học. Năm 1946, ông làm chủ tịch Phật giáo Liên Hiệp Trung Bộ. Đến năm 1947, ông bị quân đội Pháp bắt giữ và tra tấn trong nhiều tuần lễ. Nếu không có bà Từ Cung mẹ của vua Bảo Đại can thiệp thì ông đã bị quân Pháp đưa ra xử bắn.

Năm 1951, Sơn môn Tăng già Trung Phần mời ông giữ chức giám luật. Năm 1952, khi Giáo hội Tăng già Toàn quốc được thành lập tại Hà Nội, ông cũng được mời giữ trách vụ giám luật. Ông làm chủ nhiệm tạp chí *Liên Hoa* từ 1959 đến 1966. Năm 1963 ông bị chính phủ Ngô Đình Diệm giam giữ vì tham gia tích cực vào phong trào chống chính sách kỳ thị tôn giáo của chính phủ này. Năm 1964, ông nhận chức Chánh Đại Diện của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tại miền Vạn Hạnh. Năm 1975 ông được thỉnh vào Hội đồng Trưởng lão của giáo hội và làm chánh thư ký cho viện Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.



CƯỜI KHÀN

*Nhọc nhân lăm
Cuộc mưu sinh
Vi chung cơm áo nên mình dân thân
Chẳng đua tranh
Vẫn phong trần
Đời đâu có sẵn phước phân cho ai
Kiếm tiền mệt bẻ hơi tai
Biết còn mơ mộng tóc mai má đào
Thưa rằng tâm mãi nao nao
Vi em mất biếc mà xao xuyên lòng
Trần thân lặn lội giữa giòng
Vô duyên chi bậy mà mong mới người
Đêm liêu trai
Thoáng nụ cười
Ngày ngờ ngẩn viết lầy lờichứa chan
Càng đa đoan
Lắm buộc ràng
Tử - sanh bất tận chứa tan cuộc tình
Cười khàn cái gã vô mình*

...

thơ DU TÂM LÃNG TỬ

Hai bà hàng xóm

NI SỰ NHƯ THỦY

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Ngày xưa ngày xưa, có hai thiếu phụ ở cạnh nhà nhau. Một người làm nghề thợ dệt, một người buôn bán lụa là gấm vóc.

Một hôm, có cụ hành khất đến nhà người bán lụa xin cơm. Vốn keo kiệt, người chủ nhà liền đuổi ông lão ra khỏi nhà kèm theo những lời quát mắng phũ phàng. Người hành khất liền mò sang nhà bên cạnh, chị thợ dệt tuy nghèo nhưng đón chào vị khách không mời này bằng một nụ cười và nửa phần ăn trưa của mình. Ăn uống xong, ông lão cáo từ ra đi với một lời chúc tốt lành gửi lại:

"Việc gì làm lúc sớm mai

Sẽ phải làm đến hết ngày mới xong."

Sáng hôm sau, chị thợ dệt thức dậy thật sớm để tiếp tục công việc thường ngày. Khi kéo tấm vải ra khỏi khung cửi để đo và xếp, chị ngạc nhiên khi thấy xấp vải kéo dài dường như bất tận. Mãi đến lúc hoàng hôn, căn nhà đã chất đầy những cây vải mới, sự kỳ diệu của lời chúc lành mới chấm dứt.

Câu chuyện được truyền đi rất nhanh. Chị hàng xóm bán lụa là người nhận được trước tiên. Chị không ngớt than van, hối tiếc về việc đã để thoát khỏi nhà mình một con người kỳ lạ có thể đem đến cho gia chủ một nguồn lợi to lớn như thế.

Từ hôm đó, chị ngong ngóng chờ đợi người hành khất tái hiện.

Ngày ấy rồi cũng đến. Lần này, ông cụ được tiếp đón niềm nở và trịnh trọng như một vị tiểu vương. Sau bữa tiệc linh đình, người hành khất cáo từ và cũng gửi lại cho gia đình chủ lời nguyện hôm xưa:

"Việc gì làm lúc sớm mai

Sẽ phải làm đến hết ngày mới xong."

Đêm hôm ấy, chị bán lụa cứ trần trọc mãi để tính toán xem phải làm việc trước tiên vào sớm mai cho khỏi "phí của trời" và tiếc nuối về sau. Mãi đến lúc gà gáy sáng, chị mới thiu thiu ngủ sau khi mang một túi vàng để sẵn dưới gối, định bụng sẽ đem ra đếm ngay lúc thức giấc.

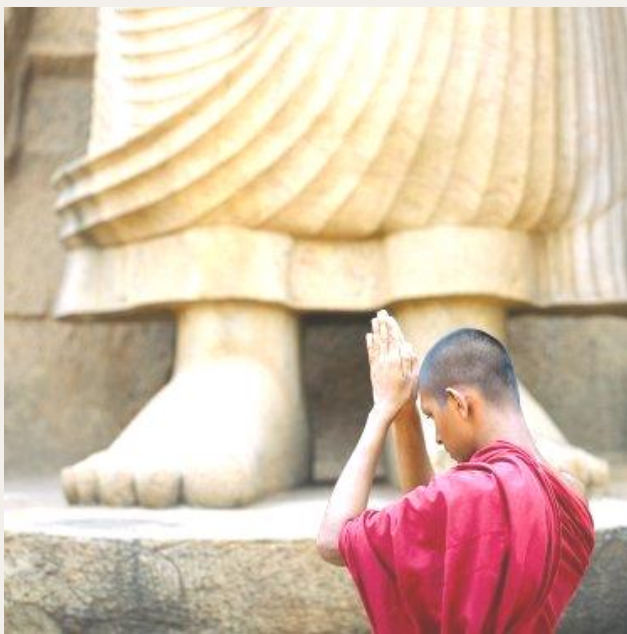
Chị bán lụa giật mình thức giấc khi mặt trời đã lên cao, rọi những tia sáng huy hoàng vào khuê phòng của chị. Sập sủi ngồi dậy, chị quên tuốt hết mọi dự định. Thấy ngứa ngáy ở vành tai, chị bán lụa đưa tay sờ và tóm được một chú rệp no tròn, vút xuống nền gạch. Thế là suốt ngày hôm ấy, chị ta cứ phải đưa tay lên xuống như một con thoi... Và, cho đến chiều tối, chị mới kinh hoàng chạy ra khỏi ngôi nhà đầy nhung nhúc những rệp.

(Truyện cổ Thụy Sĩ)

Em thân mến!

Hèn chi mà trong các kinh, đức đạo sư thường khuyên chúng ta nên bố thí một cách Ba La Mật, nghĩa là làm một cách hồn nhiên vô tư như chị thợ dệt trên đây vậy.

(trích Hư Hư Lục của Ns. Như Thủy)



GIỮA MÙA COVID-19 - CẦN HƠI ẤM NGƯỜI

sáng nay
trời lạnh lạnh
mặt trời đẹp, chói chan, và chán
lá đã chuyển màu vàng úa
thu tàn, đông đang đến
phe phẩy
bản chất của những thay đổi và sắc thái
của cuộc đời
tự nhiên
tôi cần hơi ấm
từ đôi bàn tay em, thân thể của em
hay chỉ là hơi ấm con người
bàn tay tí hon
hơi ấm đông đầy
niềm hạnh phúc, miền hạnh phúc
bờ hạnh phúc
những âm thanh quen thuộc
đâu rồi
còn đó những lặng yên
lo lắng và thương yêu cho nhau
ôi những niềm đau
có những hạt mầm hạnh phúc
sáng nay, nắng ban mai làm ấm căn nhà
quanh ta và trong ta
Yêu nhau ai thấy từ bi miên trường!

TU THÔI

Nửa đêm chợt thức giấc
Hồn hể thấy ta già
Ôi ngưỡng cửa thứ ba
Đến nhanh hơn ta tưởng!



A gift from Thuy Nguyen photographer and floral designer.

BETWEEN THIS COVID-19 SEASON: NEEDED A HUMAN TOUCH

this morning
it was cold
the sun is beautiful, bright, and dull
the leaves have turned yellow
autumn has passed and winter is coming
the essence of changes and nuances of life
naturally
i need a human touch, a bundle of warmth
or just a simple warmth from you, just your physical
body contact
or just any human body warmth
i can certainly settle for much less.
just for your tiny hands, my love
warmth is all that i need
it is a source of happiness, a season of happiness
a shore of happiness
oh, where are all the familiar sounds
there is still such noble silence
still, there is worrisome and love for each other
oh behind the pain
there are seeds of happiness,
this morning, the early sun warms our house
around us and within us
Loving each other,
who can see the endless compassion!

TIME TO TRANSFORM

Woke up unexpectedly in the middle of the night.
Gasped for air and seeing the physical body aging
quickly.
Oh the third threshold, unchangeable gate, in life
Come faster than I thought!

thơ TÂM THƯỜNG ĐỊNH

EMILY DICKINSON,

Nhà Thơ Ẩn Dật Trong Cõi Thơ Vô Ngã

HUỲNH KIM QUANG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



Hình chụp tại Mount Holyoke vào tháng 12 năm 1846 hay đầu năm 1847.

Đây là hình chính thức duy nhất của Emily Dickinson sau thời tuổi trẻ. (www.en.wikipedia.org)

Emily Elizabeth Dickinson là nhà thơ lớn của Mỹ trong thế kỷ thứ 19. Bà sống phần lớn cuộc đời trong cô độc. Bà chưa bao giờ lập gia đình. Bà có sở thích mặc đồ trắng và rất hiếm khi tiếp khách, thậm chí bà còn không muốn ra khỏi giường ngủ. Bà đã để lại một di sản văn học đồ sộ với khoảng 1,800 bài thơ. Bà có ảnh hưởng rất lớn đối với nền văn học Mỹ và được xem là nhà thơ tiên hiện đại tiên phong, theo www.en.wikipedia.org.

Cuộc đời của nhà thơ Emily Elizabeth Dickinson

Emily Elizabeth Dickinson được sinh ra

tại thành phố Amherst thuộc tiểu bang Massachusetts vào ngày 10 tháng 12 năm 1830 trong một gia đình nổi tiếng nhưng không giàu có. Cha bà, ông Edward Dickinson là một luật sư tại Amherst và là thành viên của hội đồng quản trị Đại Học Amherst College. Ông nội của Emily Dickinson, Samuel Dickinson, là một trong những người sáng lập Đại Học Amherst College.

Tất cả tài liệu cho thấy lúc trẻ Emily là người con gái thuần hậu. Lúc còn bé bà học trường mẫu giáo được xây trên đường Pleasant Street. Cha của bà là người muốn các con học hành thành đạt nên ông quan tâm theo dõi kỹ việc học của các người con cho dù bận rộn công việc.

Vào ngày 7 tháng 9 năm 1840, Dickinson và người chị Lavinia bắt đầu vào Trường Amherst Academy, trường này trước đó là trường nam sinh nhưng đã mở cửa đón nữ sinh trong vòng 2 năm trước. Cùng năm này, cha bà đã mua một căn biệt thự nằm trên đường North Pleasant Street. Căn nhà nhìn ra khu nghĩa trang được một mục sư địa phương mô tả là không có cây cối và "kín cổng cao tường." Dickinson học tại Academy 7 năm và lấy các lớp về tiếng Anh và văn học cổ như Latinh, thực vật học, địa lý, lịch sử, "triết học tinh thần," và toán học.

Dickinson từ lúc trẻ đã bị rắc rối bởi "sự đe dọa sâu sắc" về cái chết, đặc biệt cái chết của những người thân. Khi Sophia Holland, người chị em họ thứ hai của bà và là bạn thân, bị bệnh sốt phát ban và chết vào tháng 4 năm 1844, Emily bị chấn thương. Nhớ lại sự việc này 2 năm sau, Emily viết rằng "nó dường như đối với tôi là tôi cũng nên chết nếu tôi không thể được phép để nhìn mặt cô ấy." Bà đã bị chứng u uất đến nỗi cha mẹ bà phải gửi bà tới ở với gia đình tại Boston để bình phục. Khi sức khỏe và bệnh tình đã hồi phục, bà liền trở lại Amherst Academy để tiếp tục học. Trong thời gian này, bà gặp những người mà sau này đã trở thành bạn bè và thư từ qua lại lâu dài, như Abiah Root, Abby Wood, Jane Humphrey, và Susan Hunting-

ton Gilbert (người này sau đó đã lập gia đình với anh của Emily là Austin).

Vào năm 1845, một cuộc phục hưng tôn giáo đã diễn ra tại Amherst, đưa đến 46 lời thú nhận đức tin trong số những người bạn của Dickinson. Một năm sau đó, bà đã viết cho một người bạn rằng, "Minh chưa bao giờ thường thức loại bình an và hạnh phúc toàn hảo như thế như một thời gian ngắn mà mình cảm thấy mình đã khám phá ra Đấng Cứu Rỗi của mình," theo Alfred Habegger trong tác phẩm "My Wars Are Laid Away in Books: The Life of Emily Dickinson." Bà cho biết tiếp nó là "sự vui thích lớn nhất để đàm luận một mình với Thượng Đế vĩ đại và để cảm nhận rằng ngài lắng nghe lời cầu nguyện của mình." Kinh nghiệm này không tồn tại lâu bởi vì Dickinson không bao giờ tuyên bố chính thức về niềm tin và đã chỉ tham dự các mục vụ thường kỳ trong vài năm. Sau khi nhà thờ của bà kết thúc vào năm 1852, bà đã làm bài thơ với lời mở đầu rằng, "Một số người tiếp tục đi Nhà Thờ / Tôi tiếp tục, ở nhà," theo Thomas H. Johnson trong tác phẩm "The Complete Poems of Emily Dickinson."

Trong năm cuối của bà tại Academy, Emily đã làm quen với Leonard Humphrey, vị hiệu trưởng mới trẻ nổi tiếng. Sau khi học xong tại Academy vào ngày 10 tháng 8 năm 1847, Dickinson bắt đầu vào học trường bán nữ Mary Lyon's Mount Holyoke Female Seminary mà sau này đổi thành trường cao đẳng Mount Holyoke College tại South Hadley, cách Amherst khoảng 10 dặm. Bà ở nội trú trong trường chỉ 10 tháng. Có nhiều lý giải về việc bà không ở nội trú lâu trong trường mà lý do chính là vì sức khỏe yếu kém của bà nên cha của bà muốn bà về nhà. Còn một lý do khác là bà chống đối việc truyền giáo ở trường.

Khi 18 tuổi, gia đình của Dickinson đã kết bạn với một luật sư trẻ tên là Benjamin Franklin Newton. Theo lá thư được Dickinson viết sau cái chết của Newton, anh ấy đã ở "với Cha tôi 2 năm, trước khi đến Worcester - để theo đuổi việc học của anh ấy, và phần nhiều trong gia đình chúng tôi," theo Alfred Habegger. Dù mối quan hệ của họ có thể không lãng mạn, Newton là người ảnh hưởng chính thức và là người thứ hai trong nhiều

người đàn ông lớn tuổi, sau Humphrey mà Dickinson đã nhắc tới nhiều cách khác nhau, như là gia sư, thầy dạy hoặc sư phụ.

Newton đã dạy bà các tác phẩm của William Wordsworth, và món quà của ông cho bà là cuốn sách đầu tiên của văn hào Ralph Waldo Emerson gồm những bài thơ tuyển chọn đã có ảnh hưởng khai phóng. Newton đã đặt nhiều kỳ vọng vào bà và nhận ra bà như là một nhà thơ. Khi ông sắp chết vì bệnh lao phổi, ông đã viết cho bà nói rằng ông muốn sống cho đến khi bà đạt thành vĩ đại mà ông thấy trước. Các nhà viết tiểu sử tin rằng tuyên bố của Dickinson vào năm 1862 rằng, "Khi còn là cô bé, tôi đã có một người bạn, là người đã dạy tôi sự Bất Tử -- nhưng khi sự khám phá đến quá gần, thì chính ông - không bao giờ trở lại" - để nói đến Newton.

Dickinson không chỉ biết có Thánh Kinh mà còn cả nền văn học phổ biến hiện đại. Bà có lẽ đã được ảnh hưởng bởi các Lá Thư từ New York của Lydia Maria Child, là quà của Newton cho. Người anh của bà đã lên đem về nhà cho bà cuốn Kavanagh của Henry Wadsworth Longfellow, và người bạn của bà đã cho bà mượn của Jane Eyre của Charlotte Bronte vào cuối năm 1849. William Shake-

peare cũng là người ảnh hưởng trong cuộc đời bà.

Trong thập niên 1850s, mối quan hệ chặt chẽ và tình cảm nhất của Emily là với người chị dâu, Susan Gilbert. Emily đã gửi cho người chị dâu này hơn 300 lá thư, nhiều hơn với bất cứ người nào mà bà viết thư qua lại. Susan là người đứng ra là một nhà thơ, đóng vai trò của "người bạn thân nhất, người cổ vũ ảnh hưởng và giàu tư tưởng" là người thỉnh thoảng có những đề nghị chỉnh sửa Dickinson. Trong lá thư viết cho Susan vào năm 1882, Emily viết rằng, "Ngoại trừ Shakespeare, chị đã chỉ cho em nhiều kiến thức hơn bất cứ người nào khác," theo H.D. Woolf Rich trong tác phẩm "George Eliot, and Others." Mối quan hệ thân thiện của Emily và Susan đã khiến nhiều người cho rằng Emily có mối tình đồng tính với người chị dâu này. Thậm chí mối quan hệ này còn được đóng thành phim với tên "Wild Nights with Emily."



Ba anh chị em Dickinson (Emily bên trái) được vẽ vào năm 1840. Hình được trưng bày tại Dickinson Room ở Thư Viện Houghton Library của Đại Học Harvard University. (www.en.wikipedia.org)

Từ giữa thập niên 1850s, mẹ của Emily đã bắt đầu bị bệnh liệt giường với nhiều bệnh kinh niên cho đến khi bà qua đời vào năm 1882.

Rút khỏi thế giới bên ngoài, Emily bắt đầu vào mùa hè năm 1858 những gì gọi là di sản lâu dài của bà. Xem xét lại các bài thơ mà bà đã làm trước đó, bà bắt đầu thực hiện các bản sao rõ ràng về tác phẩm của mình, cẩn thận tập hợp chúng lại trong các bản thảo với nhau. 40 tập sách mà bà đã tạo ra từ năm 1858 tới 1865 tổng cộng gần 800 bài thơ. Không ai biết về sự có mặt của những tuyển tập thơ này cho đến sau khi bà qua đời.

Vào cuối thập niên 1850s, Dickinson làm bạn với Samuel Bowles, chủ nhiệm và chủ bút tạp chí Springfield Republican, và vợ của ông ấy, Mary. Họ đến thăm Dickinson thường xuyên từ năm đó về sau. Trong thời gian này Emily đã gửi cho ông hơn ba chục lá thư và gần 50 bài thơ, theo Richard B. Sewall trong tác phẩm "The Life of Emily Dickinson." Mỗi quan hệ của họ đã đưa đến một số bài thơ của bà đã được Bowles đăng trong tạp chí của ông.

Và giữa đầu thập niên 1860s, sau khi bà rút khỏi phần lớn cuộc sống giao tiếp xã hội, là khoảng thời gian sáng tác nhiều nhất của Dickinson, theo Alfred Habegger. Nhiều học giả và nhà nghiên cứu hiện đại bị chia rẽ khi nói đến nguyên nhân rút khỏi giao tiếp xã hội và ẩn dật lạ lùng của Dickinson. Trong khi bà được chẩn đoán bị bệnh "suy nhược thần kinh" bởi một bác sĩ trong thời đại của bà, một số người ngày nay tin là bà có thể bị các chứng sợ khoảng rộng và động kinh, theo bài báo "A bomb in her bosom: Emily Dickinson's secret life" trên tờ báo Anh The Guardian số ra ngày 13 tháng 2 năm 2010.

Vào tháng 4 năm 1862, Thomas Wentworth Higginson, nhà phê bình văn học, người chống nô lệ cấp tiến và cựu mục sư, đã viết ở trang đầu của báo The Atlantic Monthly với tựa đề "Lá Thư Cho Người Cống Hiến Trẻ." Bài báo của Higginson, mà trong đó ông thúc giục các nhà văn có hoài bão "gánh trách nhiệm lối sống của bạn với cuộc đời," chứa đựng lời khuyên thực tiễn đối với những người muốn có đột phá vào văn học. Dickinson đã quyết định liên lạc với Higginson cho thấy vào năm 1862 bà cân nhắc việc xuất bản và rằng có thể ngày càng khó khăn hơn để làm thơ mà không có độc giả. Tìm kiếm sự hướng dẫn văn học mà không ai gần bà có thể cung cấp, Dickinson đã gửi thư cho ông, theo Richard B. Sewall.

Dickinson đã đánh giá lời khuyên của Higginson là hữu ích và bà nói với ông ấy rằng ông đã cứu cuộc đời bà vào năm 1862. Họ tiếp tục liên lạc thư từ qua lại cho đến khi



CUỘC THƠ

*Thi ca là một con đường
Bước đi cùng tuyết về phương thăm lòng
Có gì độc đáo vô song
Mà nghe kỳ lạ qua dòng ngữ ngôn*

*Máu xương thấm cuộc sinh tồn
Sầu vui cuối biển đầu non bốn bề
Vĩ yêu em khắp sơn khê
Ta phiêu du mãi chưa về nơi đâu*

*Mây còn bay trắng nhiệm màu
Thì ta cũng lượn trước sau nhẹ vờ
Cười theo hào phóng rong chơi
Chẳng gì trôi buộc giữa đời tự do*

GIỮA NGÀN KHƠI XA

*Về đây mây hải đảo nhòa
Xa xăm nghìn dặm thấy ra muôn trùng
Thắm xanh ánh mắt viên dung
Đại dương nằm gọn giữa vùng tâm tư*

*Về đây trăng chiếu diệu từ
Tan đi vạn kiếp bụi hư huyền rồi
Ý nào chưa nói trên môi
Đã vang sóng vỗ thành lời thơ bay*

*Về đây biển núi sum vầy
Quyện hòa điệu thơ ở ngay bây giờ
Ngôi yên giản dị đơn sơ
Nghe hồn tịch mịch bên bờ nhân sinh.*

thơ

TÂM NHIÊN

bà qua đời.

Ngược với thập niên 1860s, Dickinson đã làm thơ ít hơn vào năm 1866. Nhiều chuyện buồn xảy ra như con chó cưng Carlo làm bạn với bà 16 năm đã chết, người hầu 9 năm Margaret O'Brien đã đi lập gia đình. Vào khoảng thời gian này, thái độ của Dickinson đã bắt đầu thay đổi. Bà không rời khỏi nhà trừ khi có việc tuyệt đối cần thiết và vào đầu năm 1867, bà bắt đầu nói chuyện với khách từ bên trong cửa thay vì nói chuyện mặt đối mặt với họ. Bà có tiếng tăm ở địa phương. Người ở đây hiếm khi thấy bà và khi thấy bà thì bà thường mặc đồ trắng. Dickinson có một sở thích khác là bông hoa cây cỏ, bởi vì lúc 9 tuổi bà đã học về thực vật học. Bà đã thu thập nhiều loại cây được ép lại trong một bộ sưu tập 66 trang chứa đựng 424 cánh hoa được ép lại, được phân loại và được dán nhãn.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 1874, trong khi đang ở Boston, Edward Dickinson là anh của bà chết vì tai biến mạch máu não. Bà đã không dám dự đám tang của người anh mà chỉ ở trong phòng với cửa mở. Một năm sau, vào ngày 15 tháng 6 năm 1875, mẹ của Emily cũng bị tai biến mạch máu não làm cho bà bị bán thân bất toại và giảm trí nhớ.

Dù bà tiếp tục viết trong những năm cuối đời, Dickinson ngưng việc chỉnh sửa và tổ chức lại thơ của bà. Chị của Emily là Lavinia, không lập gia đình, đã qua đời vào năm 1899. Ngày 14 tháng 11 năm 1882, mẹ của bà đã qua đời. Khi nhiều người thân lần lượt ra đi, Dickinson cảm thấy thế giới của bà như đã chấm dứt. Vào mùa thu năm 1884 bà viết, "Những cái chết đã ở quá sâu trong tôi, và trước khi tôi có thể nâng trái tim mình lên từ một người thân đã chết, thì một cái chết khác đến," theo Alfred Habegger. Mùa hè đó bà đã bị ngất xỉu trong lúc nướng thức ăn trong bếp. Bà bị bất tỉnh cho đến khuya đêm đó và bệnh theo sau nhiều tuần lễ. Ngày 30 tháng 11 năm 1885, vì sức khỏe bà suy nhược cho nên Austin đã bãi bỏ chuyến đi Boston. Bà bị liệt giường mấy tháng, nhưng rồi cũng đã cố gắng viết mấy lá thư cuối cùng vào mùa xuân. Đó là những lá thư cuối cùng bà gửi cho những người em họ, Louise và Frances Norcross.

Ngày 15 tháng 5 năm 1886, sau nhiều ngày bệnh nặng, Emily Dickinson qua đời ở tuổi 55.

Cõi thơ của Emily Dickinson

Dù nhà thơ Dickinson làm rất nhiều thơ nhưng chỉ có khoảng 10 bài thơ và một lá thư được phổ biến trong lúc bà còn sống. Sau khi người em gái Lavinia của Emily khám phá một tập hợp gần 1,800 bài thơ, tác phẩm đầu tiên của Dickinson mới được xuất bản 4 năm

sau khi nhà thơ qua đời. Cho đến khi Thomas H. Johnson xuất bản Toàn Tập Thơ của Dickinson vào năm 1955, các bài thơ của Dickinson đã được chỉnh sửa và thay đổi so với bản thảo. Một trong những thí dụ về sự đổi khác giữa các bài thơ gốc của Dickinson và những bài thơ xuất bản sau này là bài thơ "I taste a liquor never brewed," trong đó 2 câu cuối được viết lại hoàn toàn, theo Thomas W. Ford trong tác phẩm "Heaven Beguiles the Tired: Death in the Poetry of Emily Dickinson."

Bài thơ gốc của Dickinson:

*I taste a liquor never brewed -
From Tankards scooped in Pearl -
Not all the Frankfort Berries
Yield such an Alcohol!*

*Tôi nếm loại rượu chưa hề được ủ
Từ những cái cốc Tankard nhặt được Ngọc
Trai
Không phải tất cả đều làm bằng Trái Nho
Frankfort
Mang lại Rượu như thế!*

Bản Republican sửa lại:

*I taste a liquor never brewed -
From Tankards scooped in Pearl -
Not Frankfort Berries yield the sense
Such a delirious whirl!*

*Tôi nếm loại rượu chưa hề được ủ --
Từ những cái cốc Tankard nhặt được Ngọc
Trai --
Không phải rượu làm bằng Trái Nho Frank-
fort mang lại cảm giác
Cơn quay cuồng mê sảng!*

Theo Thomas W. Ford, thơ của Dickinson có thể chia ra làm 3 thời kỳ sáng tác mà có cùng những đặc tính chung trong mỗi thời kỳ đó.

Thời kỳ trước năm 1861. Những bài thơ của Dickinson trong thời kỳ này mang tính chất thông thường và tình cảm.

Thời kỳ từ năm 1861 đến 1865. Đây là thời kỳ sáng tạo độc đáo nhất của Dickinson. Những bài thơ của Dickinson trong thời này mang tính chất mãnh liệt và sáng tạo.

Thời kỳ sau năm 1866. Sức làm thơ của Dickinson đã yếu bởi vì có tới hai phần ba tổng số bài thơ của bà đã được làm trước năm này.

Việc Dickinson cố tình sử dụng dấu gạch ngang và viết hoa bất thường trong các bản thảo thơ và từ ngữ và hình ảnh đặc dị, kết hợp để tạo ra bài thơ trong thể loại và hình thức hoàn toàn khác xa với sự thông thường,

theo Anthony Hecht trong tác phẩm "The Riddles of Emily Dickinson."

Dickinson tránh làm thơ năm âm tiết, mà thường là thơ ba âm tiết, bốn âm tiết và, đôi khi, hai âm tiết. Thỉnh thoảng bà dùng những âm tiết này thường, nhưng thường là bất thường. Hình thức thông thường mà bà hay sử dụng nhất là hình thức truyền thống được chia ra làm bốn câu, dùng bốn âm tiết cho câu một và câu ba và ba âm tiết cho câu hai và câu bốn, trong khi gieo vần ở câu hai và câu bốn. Dù Dickinson thường sử dụng cách gieo vần trọn vẹn cho các câu hai và bốn, bà cũng thường dùng cách gieo vần nghiêng.

Dickinson không để lại tuyên bố chính thức nào về chủ đích mỹ học bởi vì sự đa dạng chủ đề của thơ bà, mà không phù hợp trong bất cứ thể loại nào. Bà được xem, cùng với nhà thơ Emerson – người mà Dickinson ngưỡng mộ -- là thuộc các nhà Siêu Việt Mỹ, theo Harold Bloom trong tác phẩm "Emily Dickinson." Nhưng Judith Farr trong tác phẩm "Emily Dickinson: A Collection of Critical Essays" thì không đồng ý với Bloom. Theo Farr, thơ của Dickinson ngoài các thể loại như hài hước, châm biếm, còn bao gồm hoa, vườn cây, bệnh tật, Phúc Âm, người yêu đời, những đại lục chưa được khám phá hay lãnh địa của tâm linh.

Đọc bài thơ "I'm Nobody! Who Are You?" của Dickinson

"I'm Nobody! Who Are You?" là bài thơ ngắn của Emily Dickinson đã được làm vào năm 1861 và được phổ biến lần đầu vào năm 1891 trong tuyển tập thơ Poems, Series 2. Đây là bài thơ nổi tiếng nhất của Dickinson.

*I'm nobody! Who are you?
Are you nobody, too?
Then there's a pair of us — don't tell!
They'd banish us, you know.*

*How dreary to be somebody!
How public, like a frog
To tell your name the livelong day
To an admiring bog!*

*Tôi không là ai! Bạn là ai?
Có phải bạn cũng không là ai?
Thì chúng ta là một cặp – đừng nói với ai!
Bạn biết đó, họ sẽ xua đuổi chúng ta.*

*Làm người nào đó thì thê lương biết bao!
Công khai náo nhiệt, như con ếch
Gọi tên bạn suốt cả ngày
Một vũng lầy ngưỡng mộ!*

Giáo Sư Y Khoa và cũng là nhà văn Dean Sluyter trong bài viết "Emily Dickinson and the Buddha vs. the WWF" đăng trên trang

mạng của báo www.huffpost.com cho rằng qua bài thơ này nhà thơ Dickinson đã nói lên kiến giải về vô ngã trong Phật Giáo.

"I'm Nobody!" Tôi không là ai. Tôi không là người nào cả. Hay nói cách khác "tôi là không gì cả, tôi không là ngã, tôi là không." Chữ "nobody" cũng được hiểu là non-self, mà trong tiếng Nam Phạn hay Pali là chữ anattā [vô ngã] và tiếng Bắc Phạn hay Sanskrit là chữ anātman [vô ngã].

Vô ngã là một trong những giáo nghĩa cốt lõi của Phật Giáo – Nam và Bắc Truyền. Giáo nghĩa này đã được Đức Phật giảng lúc Ngài còn tại thế. Đây cũng là giáo nghĩa làm cho Đạo Phật khác với tất cả mọi giáo lý và triết thuyết khác trên thế giới này từ cổ chí kim. Vô ngã là phủ nhận có một chủ thể tồn tại trong mọi hiện hữu. Mọi hiện hữu sở dĩ hiện hữu được là nhờ dựa vào các điều kiện, các yếu tố, các duyên. Không một sự vật và sự kiện nào có thể tự nó hiện hữu, hay khởi sinh và tồn tại một cách độc lập hoàn toàn. "Cái này có cho nên cái kia có. Cái này không cho nên cái kia không," trong Kinh Nikaya Phật nói thế. Cũng qua ý nghĩa duyên sinh này cho thấy tự bản chất của mọi sự vật và sự kiện đều không có tự tánh cố định, không có tự ngã.

Đoạn cuối của bài thơ toát ra hương vị siêu thoát ra khỏi danh tướng phạm tình của nhà thơ Dickinson. Bà xem trò phô bày danh tướng như vũng lầy ô nhiễm, vì chính cái ngã còn không có thì quan trọng gì với cái thuộc về cái ngã đó! Có lẽ vì vậy bà đã chọn sống lặng lẽ, cô độc một mình.



ƠN QUÊ HƯƠNG

Sơn hà cương vực đã chia*
Sao máu lệ mãi đầm đìa bao phen
Tiệt nhiên định phận...
Phận hèn
Sách trời** mưa khốc ướt nhèm sử xanh
Ơn quê hương. Một giống nòi
Từ sinh ra đã chia đôi con đường
Ơn thân cò lội. Đêm sương
Ơn tàu lá chuối rách bướm. Gió mùa
Gói xôi mẹ ủ. Nắng mưa
Thảo thơm hơi ẩm gấp lửa đấng cay
Ơn từng ruộng lúa ruộng gầy
Câu hò cô gái múc đầy đêm trăng
Ơn khuya mưa móc ánh rằm
Chan chan hạt lệ. Đầm đằm nước non
Ơn câu lục bát chon von
Ngọt bùi ngọn trúc. Khuya còn gió lay...

(*) Trong Bình Ngô Đại Cáo, 1427, Nguyễn Trãi: Như nước Việt từ trước, vốn xưng văn-hiến đã lâu. Sơn-hà cương-vực đã chia...

(**) Trong bài thơ Nam Quốc Sơn Hà: ...Tiệt nhiên định phận tại thiên thư (vằng vặc sách trời chia xứ sở)

NGUYỄN TRÃI

Hùng văn thiên cổ. Bình Ngô
Độc lập trời Nam ngọn cờ bất khuất
Mười năm. Năm gai nếm mật
Vẫy vùng nhung-y. Mở mặt với giang san (*)
Nghìn năm. Hạt lệ (**) sử xanh!

* Câu trong Bình Ngô Đại Cáo

(**) Nguyễn Trãi bị khép tội tru di dưới triều Lê, bởi án Lệ Chi Viên, một vết chàm trong lịch sử VN.

NGHE PHÁP

(Kính tặng nhà văn Tô Đăng Khoa)

Nghìn xưa bay. Hồn lá bói
Mười phương tâm tới.
Tiếng chuông rung
Phút giây. Muốn kiếp trùng phùng
Hạt bụi lông lộng. Vô cùng. Trời xanh

CÙNG SÔNG

(Kính tặng nhà thơ Đỗ Hồng Ngọc)

Lang thang... Một hôm gặp lại (*)
Dòng sông xanh ngỡ đã mãi xa. Xa
Mắt nguồn trong suốt La Ngà (*)
Hạt thương ở lại. Chan hòa. Xưa sau
Nhé sông. Cùng hội thở sâu
Nghe thình lặng hết những lao xao đời
Nhé sông. Minh thở ra chơi
Bước đi nhé với mặt trời đang đi
Một ngàn bước với sông đi
Một ngàn bước của sông về. Nơi đây
Tùm tím từng phút giây này...

(*) Tên một tác phẩm của Đỗ Hồng Ngọc

(*) Tên cô con gái yếu mệnh của nhà thơ ĐHN

ĐỈNH ĐÁ NÀY VÀ HẠT MUỐI ĐỎ CHƯA TAN

(TUỆ SỸ-KHUNG TRỜI CŨ)

Buổi trưa ngồi nghe sư đàn
Trăm con lá rớt. Tình tang cõi ngoài
Mùa đầu hót đã thu phai
Một phương viễn mộng. Đọa đày (*). Bao thu
Viên đá cuội nghìn năm (*). Ru
Niềm cô quạnh. Dấu biệt mù. Âm xưa
Trắng tàn nhỏ lệ đèn khuya
Hắt con bóng dựng đá chờ nước non
Áo tỳ khru. Dặm mọi mòn
Trùng khơi. Hạt muối đỏ còn chưa tan...

(*) Thơ Tuệ Sỹ: Trôi viễn mộng đọa đày đi mây thuở/... Viên đá cuội mấy nghìn năm cô quạnh/ Hồn tôi đầu trong dấu tích hoang đường...

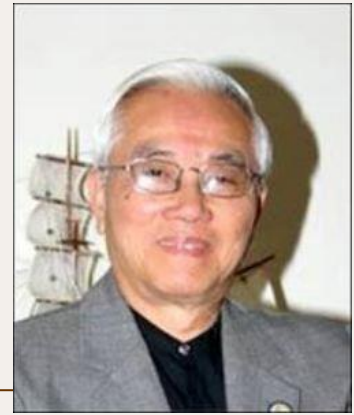
Nhớ buổi nghe sư đàn, cùng nhà thơ Lữ Kiều và Giai Hoa, 20.9.2009, tại cốc của sư trong vườn chùa Già Lam.

thơ

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

BỘ MÁY HÔ HẤP

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Y KHOA PHỔ THÔNG

1- Thở là gì?

Mỗi ngày ta hít thở khoảng 18,925 lít không khí.

Thở có hai nhiệm vụ:

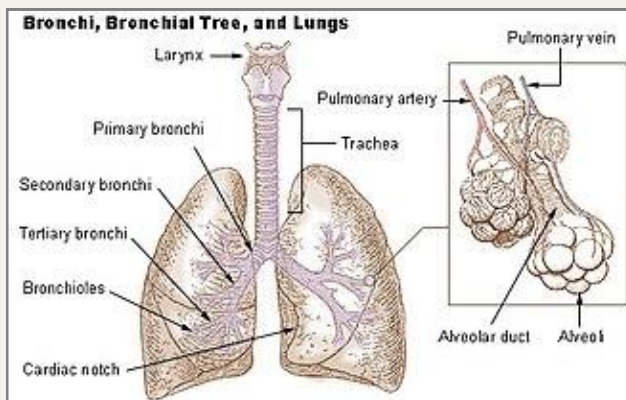
Thứ nhất là nó cung cấp cho cơ thể dưỡng khí cần để đốt thực phẩm và cho dưỡng khí. Thứ hai là nó thải ra thán khí là chất không cần của đời sống.

Dưỡng khí là chất hơi chiếm khoảng 20 phần trăm không khí mà ta hít vào phổi. Không khí thở ra chứa nhiều thán khí.

Mặc dù thở là không tự chủ, tuy nhiên ta có thể du di nó một phần nào. Thí dụ ta có thể lấy hơi thật lớn trước khi lặn ở dưới nước. Ta cũng có thể ngưng thở nhưng đừng ngưng lâu quá; phản ứng không tự chủ bắt con người thở quá mạnh khiến ta không thể tự tử bằng cách ngưng thở.

2- Khi ta "hết hơi" thì chuyện gì xảy ra?

Trong khi vận động mạnh, bắp thịt của ta có thể đã dùng hết dưỡng khí mau hơn là tim cung cấp và phổi có thể thay thế. Tạo hóa đã cung cấp sự cấp cứu này bằng cách cho phép các cơ bắp mắc nứ dưỡng khí một thời gian ngắn. Khi món nợ này đã được trả, ta có thể ở trạng thái "hết hơi" và chúng ta sẽ tiếp tục thở hỗn hển.



3- Tại sao ta ngáy và có cách điều trị không?

Ngáy là hơi thở mạnh và khó khăn trong khi ngủ. Người lớn đôi khi ngáy khoảng 45 lần nhưng trung bình là 25 lần.

Nguyên nhân là do nghẹt mũi, lớn lên của lưỡi hoặc cục thịt dư, lệch vách ngăn của mũi, nằm ngửa và lưỡi cản trở hơi thở.

Ngáy có thể nguy hiểm và gây ra nghẹt thở tạm thời. Nếu có khoảng sáu hoặc bảy cơn như vậy trong vòng một giây đồng hồ sẽ gây ra nghẹt thở và cần đi thăm bác sĩ. Thiếu dưỡng khí có thể đưa tới cao huyết áp và mất ngủ kinh niên.

Ngáy vừa phải có thể được chữa bằng vận động và giảm cân hoặc không uống rượu, thuốc ngủ hoặc thuốc an thần trước khi ngủ.

4- Tại sao ta ngáp?

Nếu chúng ta thấy một người ngáp khi bước ra khỏi rạp chiếu bóng, đừng cho là tại phim dở. Trái với ý kiến chung, ngáp không phải là dấu hiệu của sự buồn chán. Nếu ta ngáp, gián dị là chúng ta cần dưỡng khí và khi ngáp, dưỡng khí sẽ vào phổi nhiều hơn.

Dưỡng khí của cơ thể sẽ thiếu sau một thời gian dài thở nhẹ, bị căng thẳng hoặc ngồi bất động một thời gian lâu. Ngáp không phải là dấu hiệu của một bất thường nào. Điểm đặc biệt là ngáp không xảy ra khi con người bị bệnh về thể chất hoặc tâm thần.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức M.D.
www.bsnguyenyduc.com

TRI ÂM TRI KỶ

Ngày xưa ở nước Trung Hoa
Có hai người bạn rất là thân nhau
Một người tài nghệ hàng đầu
Chơi đàn điều luyện ai đâu sánh cùng,
Một người có khiếu lạ lùng
Nghe đàn sành điệu đã từng nổi danh.
Khi đàn vừa trỗi âm thanh
Người chơi ý muốn tả tình núi cao
Tiếng đàn vươn khúc thanh tao
Đưa hồn nhân thế nhập vào cõi tiên,
Người nghe đàn nhận ra liền
Mơ màng lên tiếng: "Dây miên thâm sơn
Thiên nhiên ẩn hiện chập chờn
Sương giăng núi bạc, mây vờn đỉnh cao".
Khi đàn đưa tiếng rì rào
Người chơi gảy khúc sóng trào, nước tuôn
Muôn cung bậc giục cơn buồn
Gợi hồn non nước, khơi nguồn tâm tư,
Người nghe khẽ nói như mơ:
"Trông chừng tiếng suối lững lờ vây quanh
Nhu dòng nước chảy qua ghềnh
Điệu ru lai láng, mạch tình chơi vui".

*

"Sinh, già, bệnh, tử" dòng đời
Người nghe đàn bỗng một thời ốm đau
Giã từ trần thế còn đâu
Cuộc chơi cõi tạm nhuộm màu biệt ly,
Người chơi đàn chẳng thiết chi
Dây đàn bèn cắt đứt đi ngay rồi
Tiếng đàn từ đó im hơi
Bạn vàng khuất bóng ai người biết nghe!
Dây đàn khi cắt đứt đi
Tượng trưng tình bạn khắc ghi muôn đời
Tri âm, tri kỷ tuyệt vời
Dân gian truyền tụng muôn lời đẹp thay!

thơ

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(thi hóa phỏng theo True Friends
trong tập truyện 101 ZEN STORIES
của Nyogen Senzaki và Paul Reps)

TRUE FRIENDS

A long time ago in China there were two friends, one who played the harp skilfully and one who listen skillfully.

When the one played or sang about a mountain, the other would say: "I can see the mountain before us."

When the one played about water, the listener would exclaim: "Here is the running stream!"

But the listener fell sick and died. The first friend cut the strings of his harp and never played again. Since that time the cutting of harp strings has always been a sign of intimate friendship.

(from "101 ZEN STORIES" by
Nyogen Senzaki & Paul Reps)



HIỂN DÂNG SỰ CAN ĐẢM HAY KHÔNG BIẾT SỢ LÀ GÌ

Trích từ Chương IV, Bài 25, từ Lý Tưởng của Người Bồ-Tát
“The Bodhisattva Ideal”

của **URGYEN SANGHARAKSHITA**
Hoang Phong chuyển ngữ và chú thích

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Thể loại hiển dăng thứ hai không phải là hiện vật mà là tâm lý, điều này không khỏi khiến chúng ta phải ngạc nhiên (những gì thuộc lãnh vực tâm lý thì làm thế nào lại có thể mang ra để hiển dăng cho kẻ khác được?): đó là sự không sợ hãi (intrepidity / dũng cảm, can trường), sự can đảm (courage) và sự tự tin (confidence / sự tin tưởng, sự vững tâm). Nhiều người lúc nào cũng lo lắng, bồn chồn, căng thẳng, chẳng bao giờ cảm thấy thoải mái, đối với họ các sự hiển dăng trên đây quả hết sức quý giá. Trong trường hợp này sự "hiển dăng" không còn mang ý nghĩa từ chương của nó nữa, bởi vì sự tin tưởng (trust, confidence) là một sự "thức tỉnh" (awakening / éveillée / giác ngộ), không phải là một cái gì đó mà mình có thể tiếp nhận [từ bên ngoài], mà đúng hơn là các phẩm tính tích cực mà mình tự phát huy bên trong chính mình và mang ra để hiển dăng, hoặc gọi lên với kẻ khác. Thế nhưng tại sao Phật giáo lại đặc biệt đặt nặng sự hiển dăng sự không sợ hãi đến như vậy? (Phật giáo không chủ trương sự hăm dọa, không đưa ra những viễn tượng xa vời và những lời hứa hẹn, cũng không áp đặt một sự van xin hay ngoan ngoãn nào cho người tu tập. Phật giáo chỉ tìm mọi cách mang lại cho chúng ta sự hiểu biết và sự tự tin, một nếp sống can đảm và đạo đức đối với chính mình và cả kẻ khác, giúp chúng ta tỉnh ngộ trước một thế giới đầy hung bạo, khổ đau và lầm lẫn).

Sợ hãi trước cái chết, bệnh tật, sự ra đi của những người thân là những sự sợ hãi mang tính cách toàn cầu. Kể cả ngày nay,

người ta vẫn còn sợ thú dữ tấn công, kẻ trộm rình mò, những kẻ hung dữ sẵn sàng hành hung, các cảnh động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, đói kém, tham nhũng và bất công - các sự sợ hãi đó không phải là vô lý. Một trong số những bạn người Nga của tôi từng thuật lại

với tôi các cảm nhận của mình khi đặt chân lần đầu lên lục địa Mỹ. Là người rất nhạy cảm, anh ta nhận thấy một bầu không khí thật lạ lùng hiện ra với mình, tương tự như một màn sương mù, một cái gì đó ẩm ướt bám vào thân thể, xám xịt và nặng nề. Anh ta nghĩ rằng bầu không khí đó nhất định không phải là vật lý, chẳng hạn như khói phun ra từ các ống khói của các cơ xưởng, mà là một cái gì đó hiện ra trong tâm thức mình, anh ta vụt chợt tỉnh: đây là sự sợ hãi, một sự sợ hãi bốc lên từ một lục địa mệnh mông, chẳng khác gì

như một đám mây ngọt ngào đè nặng lên toàn thể xứ sở. (cách mô tả sự sợ hãi bên trong nội tâm trên đây khiến chúng ta không khỏi liên tưởng đến sự sợ hãi của các thuyền nhân. Trước hết đối với họ là sự sợ hãi trước sự mệnh mông của hung bạo, hận thù, già dối, tham lam và thiếu cận; sau đó là sự sợ hãi trước cái mệnh mông của biển cả; sau cùng là sự sợ hãi sâu kín bên trong nội tâm mình, pha lẫn với một chút cảm tính nửa mừng nửa tủi, trước sự mệnh mông của một lục địa và những con người xa lạ). Cảm tính lo âu và bất an đó là một trong các nét tiêu biểu của thời đại chúng ta, một thời đại mà người ta gọi rất đúng là thời đại của sự lo âu. Trong đám mây [ngọt ngào] đó con người cố gắng sinh tồn, làm việc và thờ dốt. Họ đánh



mất một phần nào sự tin tưởng giữa người và người, kể cả đối với sự sống, và tất nhiên họ cũng đánh mất một chút nào đó cả sự tự tin nơi chính mình.

Ngày nay, nhiều người vẫn cảm thấy mất hết sự tự tin đích thật nơi con người của mình, sự mất tự tin đó thường phát sinh từ một xúc cảm thật mạnh [từ bên trong họ] mà họ cố tình không muốn tiếp cận với nó, thế nhưng nó lại vẫn cứ tìm cách để bùng lên với họ, khiến họ chỉ cảm nhận được nó một cách mơ hồ mà thôi. Mỗi khi cảm thấy nó hiện lên với mình thì họ cũng nhận thấy phát sinh bên trong chính họ cảm tính bất an mà người ta thường gọi là sự lo lắng (*anxiety / lo âu, bồn chồn, hoang mang*). Sự lo lắng đó, cũng không khác gì các sợ hãi khác, là một xúc cảm rất tai hại, cần phải loại bỏ. Nếu muốn làm được việc đó thì phải chấp nhận đương đầu với các xúc cảm ngấm ngấm ẩn nấp phía sau các sự lo lắng đó, dù đây là gì. Trong trường hợp này, chúng ta cần có sự tiếp tay của một người bạn đồng tu (*hay một nhà phân tâm học*), họ sẽ giúp mình xác định các xúc cảm đó là những gì, điều đó cũng có nghĩa là tìm cách làm cho các xúc cảm ấy phải hiện lên trong cấp bậc nhận biết của tâm thức, hầu giúp mình có thể trực tiếp đối đầu với chúng. Điều đó không có gì là đáng sợ cả, một khi đối đầu với chúng thì chúng tất sẽ mất hết khả năng [gây ra sự lo lắng cho mình], hơn nữa một số trong các xúc cảm đó cũng có thể biến thành tích cực. Thế nhưng, dù chúng mang tính cách tiêu cực hay tích cực, thì nghị lực mà chúng ta sử dụng để khắc phục chúng nhất thiết tùy thuộc vào sự linh hoạt của phần tri thức hiểu biết của mình trong cuộc sống (*our conscious life*) và cả bản tính của mình (*our personality / nói chung là tùy thuộc vào khả năng đương đầu của mỗi người trước các xúc cảm sâu kín của mình*). Hãy nêu lên một thí dụ cụ thể, những người lớn tuổi thường hay lo lắng và sợ hãi về đủ mọi thứ chuyện có thể xảy ra với mình. Phía sau các sự lo lắng và sợ hãi mơ hồ và vô cố đó là sự thúc đẩy kín đáo của bản năng sợ chết và sợ bệnh tật. Thế nhưng nếu ý thức được sự già nua là một quá trình tự nhiên của sự sống, thì các sự sợ hãi và lo âu đó sẽ mất hết ý nghĩa của chúng, hoặc ít nhất tác động của chúng cũng sẽ giảm đi. Hơn thế nữa sự ý thức đó cũng có thể rất mạnh, gần như là một sự bùng tình, tạo ra cho mình một quyết tâm tích cực hơn: với một chút sức khỏe còn lại lúc tuổi già, mình vẫn có thể vui vầy với con cháu và giúp đỡ những người chung quanh, không để cho các sự lo lắng và sợ hãi vô cố làm phí phạm những ngày còn lại của đời mình).

Nhiều người hành thiền đôi khi cũng cảm thấy một sự sợ hãi sâu kín nào đó hiện

lên với mình. Trước hết điều đó có thể là do một cái gì đó xảy ra trong tuổi thiếu thời, hoặc cũng có thể là gần đây hơn, những thứ ấy vụt hiện lên trở lại với mình. Thế nhưng sự sợ hãi đó - ít nhất là đối với một vài người - cũng có thể rất sâu kín và nguyên sơ (*primordial / nguyên thủy, căn bản*) hơn, có nghĩa là không nhất thiết là một sự sợ hãi về một cái gì đó rõ rệt và cụ thể, mà là một sự sợ hãi thật sâu xa về sự hiện hữu của chính mình (*sự sợ hãi này bắt nguồn từ lâu đời, có thể là từ các tiền kiếp của mình, đó là dấu vết của karma / nghiệp ghi khắc trên dòng luân lưu của tri thức mình qua các thời gian quá khứ thật dài*). Ngay cả đối với các hình thức sợ hãi này chúng ta cũng có thể khắc phục được chúng và vượt lên trên chúng.

(*Nhận xét trên đây của nhà sư Sangharakshita rất quan trọng, ít nhất là đối với một số người mới bắt đầu học tập thiền định. Họ cho biết mỗi khi ngồi xuống hành thiền thì họ cảm thấy hoang mang, lo sợ, đủ mọi thứ xúc cảm hiện lên với họ, trái lại trong những lúc sinh hoạt thường nhật thì họ lại cảm thấy "thoải mái" hơn nhiều, không "lo âu" hay "sợ hãi" gì cả. Đây là một trong số các nguyên nhân khiến nhiều người bỏ cuộc. Nhà sư Sangharakshita cho biết các sự sợ hãi và lo âu đó có hai nguyên nhân.*)

Nguyên nhân thứ nhất là các sự lo âu và sợ hãi phát sinh từ những sự bất toại nguyện: chẳng hạn như các điều bất hạnh, ức hiếp, đàn áp, các lỗi lầm, hối tiếc do mình tạo ra, hoặc các sự hiểu lầm của người khác đối với mình..., tất cả đều lưu lại các dấu vết đôi khi rất sâu đậm trên dòng tri thức mình. Nguyên nhân thứ hai sâu kín và khó nhận biết hơn, gần như vô thức, đó là các dấu vết do các xúc cảm thật sâu ghi khắc trong *alayavijnana* (*a-lai-da thức / tiềm thức*) của mình, nói một cách khác là các dấu vết của nghiệp (*karma*) ghi khắc thật sâu trên dòng tri thức của mình từ những thời kỳ quá khứ xa xưa, từ các tiền kiếp chẳng hạn. Trong số này cũng có một thể loại xúc cảm mơ hồ khác, luôn bàng bạc trong cuộc sống, đó là sự sợ hãi trước sự đổi thay qua từng khoảnh khắc trên thân xác mình, trong tâm thức mình và cả bối cảnh, con người và sự sống chung quanh mình, nói một cách khác đó là bản chất vô thường của hiện thực. Xúc cảm sợ hãi này mang tính cách hiện sinh và gần như vô thức, tạo ra cho chúng ta một sự âu lo vô cố, một tâm nhin và một thái độ yếm thế về cuộc sống của mình.

Tất cả các sự sợ hãi thuộc các thể loại trên đây thường xuyên bị che lấp và phủ kín bởi các xúc cảm khác, các sự sinh hoạt khác của tâm thức mình trong cuộc sống thường nhật. Mỗi khi ngồi xuống hành thiền trong một khung cảnh trang nghiêm và yên lặng,

thì tâm thức sẽ lắng xuống dần, đồng thời các dấu vết ghi khắc bởi các xúc cảm bồn loạn trên đây sẽ hiện lên với mình, tạo ra sự lo lắng và sợ hãi cho mình.

Trong cuộc sống thường nhật chúng ta thường xuyên bị phân tâm thật khủng khiếp thế nhưng chúng ta lại không hề ý thức được điều đó. Nghe nhạc, xem phim, theo dõi thời sự, phẩm bình chính trị, theo dõi thiên tai, các cảnh hung bạo, dạo phố, mãi mê với các trò chơi điện tử, xem hình ảnh dâm ô..., tất cả các sự sinh hoạt đó đối với chúng ta có thể là "thoải mái" và "bình thường", thế nhưng đối với một người hành thiền thì đây là các sự sinh hoạt xao lãng, che lấp những gì sâu kín hơn trên dòng luân lưu của tri thức mình. Mỗi khi ngồi xuống hành thiền, hoặc đang ở trong một khung cảnh vắng vẻ và yên lặng thì bất chợt các xúc cảm bồn lo lắng và sợ hãi cũng có thể hiện lên với mình, khiến mình phải tìm ngay một cái gì đó để làm hoặc để chú tâm vào đó - xem tv, nghe nhạc, đi dạo, ăn vặt... - hầu giúp mình tiếp tục tránh né và phủ lấp các xúc cảm sâu kín trong tâm thức mình.

Tóm lại, nếu sự hiển dăng hiện vật - một bát cơm, một manh áo - là một cử chỉ thật cấp bách và quý giá đối với những người nghèo khó, thì sự hiển dăng lòng can đảm và sự tự tin thật hết sức cần thiết cho hầu hết mọi người trong chúng ta, trong đó kể cả những người giàu có, quyền thế và lãnh đạo, một vị tổng thống chẳng hạn. Bề ngoài họ rất oai phong, hùng hổ, tự tin, thế nhưng bên trong tâm thức họ sợ hãi và lo lắng đôi khi còn nhiều hơn cả chúng ta. Tình thương của người bồ-tát phải vô biên là vì vậy, không nên phân biệt bất cứ ai, kể cả các côn trùng nhỏ bé).

Kinh điển Đại thừa hơn nữa còn cho biết người bồ-tát ngoài việc hiển dăng sự không sợ hãi, còn phải khuyến khích và gọi lên các cảm hứng (sự nhiệt tình) cho kẻ khác. Trong tập luận *Vòng hoa trân quý* (Ratnavali / Bảo hành vương chánh luận) Nagarjuna / Long Thụ có nói như sau:

"Tương tự như những người nông dân cảm thấy vui sướng

Mỗi khi trông thấy các đám mây mang lại các cơn mưa liên tiếp,

Cũng vậy, những ai mang lại sự hân hoan cho chúng sinh,

Mỗi khi trông thấy họ, đều là những con người đáng quý"

Phật giáo Đại thừa thường xuyên nhấn mạnh một điều thật quan trọng là phải mang lại hạnh phúc cho tất cả mọi người, thế nhưng không phải là một thứ hạnh phúc phủ phiem, mà phải là một thứ hạnh phúc mang lại niềm hân hoan chân thật, giúp họ khắc phục được những sự lo lắng và sợ hãi của họ.

Trái lại nếu tìm sự sung sướng cho riêng mình bằng cách tạo ra sự sợ hãi cho kẻ khác, thì đây là một sự thèm khát (trong nguyên bản là chữ *desir/ thèm muốn, khát vọng*) cố tình tạo cho mình một quyền uy để khống chế kẻ khác. Trái lại, nếu chỉ biết một lòng mang lại hạnh phúc cho kẻ khác, thì điều đó sẽ mang một ý nghĩa khác hẳn: đó là cách hiển dăng cả con người của mình cho kẻ khác, thay vì tìm cách khống chế kẻ khác nhằm thực hiện quyền lợi và chủ đích của riêng mình (ở một cấp bậc rộng lớn hơn - chẳng hạn như một tập thể hay một quốc gia - nếu một người hay một nhóm lãnh đạo nắm giữ quyền lực tạo ra sự ngoan ngoãn trong tập thể hay trong dân chúng, bằng sự sợ hãi với mục đích khống chế, quản lý và cai trị họ, thì đây là một tội ác, một cách tạo nghiệp vô cùng tiêu cực. Sự ngoan ngoãn phải được tạo ra bằng tình thương, bằng sự hy sinh của mình. Những người lãnh đạo tạo ra sự ngoan ngoãn trong dân chúng bằng sự sợ hãi, thì đến một lúc nào đó chính mình cũng có thể sẽ trở nên ngoan ngoãn trước sự sợ hãi do mình tạo ra cho kẻ khác, cố nghĩa là sự sợ hãi đó sẽ quay ngược lại để khống chế chính mình. Những vị lãnh đạo trở nên ngoan ngoãn đó dường như đôi khi cũng có thể cảm thấy xấu hổ với tổ tiên và dân tộc mình; một công dân ngoan ngoãn do những vị lãnh đạo ấy tạo ra, dường như đôi khi cũng có thể cảm thấy xấu hổ với cha mẹ và con cái mình; một kẻ xa quê hưởng lợi dụng sự ngoan ngoãn của kẻ khác để tìm các món ăn và các phục vụ quen thuộc, dường như đôi khi cũng có thể cảm thấy xấu hổ với lương tâm của chính mình. Trong các trường hợp ngoan ngoãn vì sợ hãi đó, sự hiển dăng của người bồ-tát sẽ là sự can đảm không biết sợ là gì, hầu giúp mỗi người trong chúng ta - những con người ngoan ngoãn - ý thức được phần nào sự xấu hổ đó trước tổ tiên, dân tộc, con người và cả lương tri của chính mình). Người bồ-tát chỉ nên tìm sự vui sướng bằng cách mang lại sự tin tưởng và niềm hạnh phúc chung quanh mình. Gamposa (1079-1153, một vị thầy Tây Tạng, thuộc dòng truyền thừa Kagyupa / Ca-nhĩ-cư phái, và cũng là đệ tử của Milarepa/ Mật-lặc Nhật-ba, một đại sư Tây Tạng) trong tập luận "Vòng bảo châu của sự Giải thoát" (The jewel Ornament of Liberation) có trích dẫn câu sau đây trong Kinh Varmayutta-mindesa:

"Người bồ-tát ước mơ hóa thành một chiếc áo giáp,

Quàng lên tất cả chúng sinh chung quanh mình.

Thế nhưng chúng sinh thì vô tận,

Vì thế chiếc áo giáp của người bồ-tát cũng phải vô tận"

Mandala

Mandala (dịch âm là Mạn-đà-la là một biểu đồ biểu trưng cho vũ trụ và sự giác ngộ) của người bồ-tát, nói lên nguyện vọng và niềm ước mong của họ được trở thành trung tâm của một mạn-đà-la giúp mình gom lại tất cả chúng sinh chung quanh mình, sự kết đoàn chung quanh một người bồ-tát đó được những người Phật giáo gọi là "tăng đoàn", (*sangha*), có nghĩa là một tập thể tâm linh. Vì thế người ta có thể xem một tập thể tâm linh (*tăng đoàn*) là một mạn-đà-la, và nơi trung tâm của mạn-đà-la đó là một vị Phật hay một vị bồ-tát.

Người bồ-tát do đó là hiện thân của một sự hài hòa và sáng tạo (*mô hình của vũ trụ là một sự sáng tạo*). Thật vậy đó là cả một khối người, đang đấm đá nhau, gây gổ với nhau, tìm cách không chế nhau để gom góp của cải. Người bồ-tát hiện ra giữa họ để dần dần biến sự hỗn loạn đó của họ trở thành một vũ trụ (*cosmos*), một mạn-đà-la thật tuyệt vời, và cũng có nghĩa là biến toàn thể xã hội trở thành một tập thể tâm linh (*một tăng đoàn*). Điều đó có nghĩa là một khi đã phát động nguyện vọng đạt được sự giác ngộ vì sự an lành của tất cả [chúng sinh], thì tức khắc một sự rung động (*một xúc cảm, một cảm nhận sâu xa*) nào đó cũng sẽ hiện lên với mình, và tất cả những người đang hiện hữu chung quanh mình cùng với mình sẽ tạo ra một mạn-đà-la.

Những gì trên đây phản ảnh từng chi tiết các khóa tu học do chúng ta tổ chức. Những người tham gia lúc mới đến thì tâm trí còn cất chứa đủ mọi ý niệm dị biệt và mang các tâm trạng khác nhau. Thế nhưng khi bắt đầu hoạch định chương trình cho khóa tu học, dù được tổ chức trong khung cảnh nào: tại gia hay nơi làm việc, trong lúc đang nghỉ hè, thì mọi người đều hành xử một cách hài hòa và hợp nhất hơn. Cũng vậy, bất cứ một sự thúc đẩy nào hay một nhân tố nào cũng đều tạo ra các tác động của chúng, Các tác động đó cũng có thể sẽ vận hành phù hợp với nguyện vọng của mình, và đầu sao đi nữa thì nguyện vọng của mình cũng là như thế (*gom lại và kết hợp tất cả chúng sinh trong một mạn-đà-la tuyệt đẹp, an bình và hạnh phúc*).

Chúng ta có thể tưởng tượng ra vị thế của mình trong mạn-đà-la đó, dù mình chỉ là người canh cửa hay một vị thần linh đang hiển dương lễ vật [trong mạn-đà-la đó], hoặc bất cứ một nhân vật huyền thoại (*một vị bồ-tát hay một vị Phật*) nào mà mình cố gắng sẽ trở thành (*bằng phép thiền định quán tưởng*) trong cuộc đời tu tập của mình, và chỉ khi nào phát động được một nghị lực tâm linh (*sức mạnh tập trung mang lại từ sự tu tập*) thì nhất định mình sẽ tìm được cho mình một vị trí trong mạn-đà-la đó.

Hiển dương giáo huấn và văn hóa

Sự hiển dương thứ ba của người bồ-tát là giáo huấn và văn hóa. Tại Á châu và tại bất cứ nơi nào Phật giáo được đưa vào, thì ngoài cuộc sống tâm linh (*sự tu tập*) Phật giáo còn mang theo cả nghệ thuật, khoa học và cả các lãnh vực hiểu biết khác. Thật vậy, không có một sự tách biệt nào giữa tín ngưỡng và văn hóa. Con tim và lý trí - xuyên qua các sinh hoạt nghệ thuật và khoa học (*sự hiểu biết nói chung*) - sẽ trở nên tinh tế hơn, cùng hòa điệu với hiện thực tâm linh (*tín ngưỡng là một trong số các nguồn cảm hứng sâu xa trong các lãnh vực nghệ thuật, từ hội họa, âm nhạc, điêu khắc, văn chương cho đến thi phú, ảnh hưởng đến cả bản năng truyền giống mà người ta thường gọi là "tình yêu"*).

Một trong các khía cạnh quan trọng trong sự sinh hoạt của người bồ-tát là khuyến khích sự sáng tạo, chiêm ngưỡng các công trình nghệ thuật, đào sâu sự suy nghĩ và phổ biến sự hiểu biết mang lại từ các ngành nghiên cứu khác nhau, giúp mình khám phá và mô tả sự thật và các nét đẹp.

(*Phật giáo sau khi phát triển thật quy mô dưới triều đại của vua Azoka vào thế kỷ thứ III trước Tây lịch đã được đưa vào các nước Tích-lan, Miến-điện, Thái-lan, Lào, Campuchia, Tây Tạng, Mã-lai và Indônêxia, đồng thời cũng mang theo cả chữ viết ngoằn ngoèo bhrami, cùng văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc, nói chung là nền văn minh Ấn-độ. Trong các ngôn ngữ ngày nay của các quốc gia này có nhiều từ gốc tiếng Phạn và tiếng Pali. Trái lại về phương bắc, Phật phải trải qua một cuộc phiêu lưu thật dài xuyên qua các con đường tơ lụa tại Trung đông và vùng Tây-vực trước khi được đưa vào Trung-quốc. Trong cuộc phiêu lưu gay go và thật dài đó Giáo huấn của Đức Phật đã phải chịu ảnh hưởng của các tín ngưỡng trong vùng Trung-đông. Sau đó khi được đưa vào Trung quốc thì Giáo huấn của Đức Phật lại phải tiếp xúc với một nền văn minh lâu đời của đế quốc này, Giáo huấn của Đức Phật lại một lần nữa phải thích ứng với nền văn minh Khổng và Lão giáo. Tịnh độ tông được hình thành vào các thế kỷ thứ III và thứ IV, Thiên tông được thiết lập vào thế kỷ thứ VIII. Các nước Việt Nam, Triều-tiên và Nhật-bản trực tiếp thừa hưởng nền Phật giáo đó của Trung quốc, cùng với chữ viết tượng hình, văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc, tư tưởng, phong tục, kể cả nề nếp gia đình và xã hội*).

Bures-Sur-Yvette, 06.11.20
Hoang Phong chuyển ngữ



ĐẠO VÀNG XUẤT HIỆN

*Ngai Vàng: tuyết phủ
Điền Ngọc: mây vờn
Tình duyên: chiếc lá ngoài sân
Lợi danh: thuyền ngập giữa dòng bể mê...
Trí đom ánh sáng
Pháp tọa Bồ Đề
Đạo màu chiếu diệu sơn-khê
Chiếu tan vạn vật giác mê nghìn đời.
Muôn vì tinh tú,
Vạn ánh trăng tươi,
Vàng Dương rực rỡ cao vời,
Góp thua ánh sáng Đạo ngồi yên thâm.
Ma Vương nép lạng
Quý mị run cầm
Đất rung chuyển động sáu lần
Hoa rơi phủ kín Kim Thân sáng ngời...
Thâm nhuần thiên-định
Giải thoát luân-hồi
Long Thiên Bồ-tát nghìn nợi
Lắng nghe Giác-ngộ chuyển đời Pháp-luân.
Ánh Vàng bất diệt
Chiếu mây ngàn Xuân
Chiếu tiêu dục vọng Tham, Sân,
Nở Hoa Bác-ái, ngát Trâm Từ-Bi
Chuông ngân mâu nhiệm
Mở nhịp huyền-vi...
Nghìn năm vũ-trụ thiên-di,
Pho Kinh diệt Khổ giữ uy-lực truyền...*

*Ánh Đạo thiêng, Ánh Đạo thiêng!
Qua bờ Chánh-giác có thuyền Từ -Bi.
Hiện thân Pháp-bảo; Tăng, Ni
Tiếp soi ánh sáng lưu ly nhiệm màu.
Quán Giáo-lý xây cầu Tâm-Đức,
Để chuyển di nghiệp-lực đời riêng,
Nhuần Kinh tìm hiểu căn-duyên,
Nhân gieo đất tốt, hưởng nguyên Quả lành.
Lễ kỷ-niệm ngày Thành Đạo sáng,
Ngọc dư-âm xưng tán Hồng-danh.
Ai ơi! góp sáng tâm-linh,
Góp hương nội-giới, góp tình vị tha!
Diệt nghiệp chướng kiêu-sa, dục lạc
Phá tham Cầu, Lợi, Sắc, Tài, Danh...*

*Nguyện xin thế-giới chúng sanh
Có thân tự -giác, ý lành vô ưu.
Đền Tam Bảo ánh ngời Chánh pháp,
Đoàn con thơ ngơ ngác nhân-sinh...
Nhờ ơn Từ -phụ uy linh,
Nước Cam-lô tắt chiến chinh lửa cuồng.
Mạch tâm ác khơi nguồn Chân, Thiện
Nhạc đại-đồng rung chuyển hoà âm...
Đạo màu vi-diệu yên thâm
Quy hương phát nguyện, dâng trăm Quy-Y...*

*Phật- đường ánh nền uy nghi
Chiếu tâm Phật-tử, chuyển di nghiệp lành.*

thơ TÂM TÂN

The Story of Many Bhikkhus

Dhammapada, Verse 315

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (315) of this book, with reference to a group of bhikkhus who spent the vassa in a border town.

In the first month of their stay in that border town, the bhikkhus were well provided and well looked after by the townsfolk. During the next month the town was plundered by some robbers and some people were taken away as hostages. The people of the town, therefore, had to rehabilitate their town and reinforce fortifications. Thus, they were unable to look to the needs of the bhikkhus as much as they would like to and the bhikkhus had to fend for themselves. At the end of the vassa, those bhikkhus came to pay homage to the Buddha at the Jetavana monastery in Savatthi. On learning about the hardships they had undergone during the vassa, the Buddha said to them *"Bhikkhus, do not keep thinking about this or anything else; it is always difficult to have a carefree, effortless living. Just as the townsfolk guard their town, so also, a bhikkhu should be on guard and keep his mind steadfastly on his body."*

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 315: As a border town is guarded both inside and outside, so guard yourself. Let not the right moment go by for those who miss this moment come to grief when they fall into niraya.

At the end of the discourse those bhikkhus attained arahatship.

Translated by

Daw Mya Tin, M.A.,

Burma Pitaka Association,
Rangoon, Burma.



MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

CANH ĐẬU HŨ HÀNH HẸ

Canh đậu hũ giá hẹ thanh mát chay vừa ngon, vừa lạ mà siêu ngon không thua gì món canh mặn cả. Sự kết hợp giữa các nguyên liệu thanh mát như đậu hũ, giá và hẹ trong món canh sẽ làm cho bữa cơm ngon miệng hơn. Cùng vào bếp thử theo công thức của mình nhé.

Thành phần:

- Hẹ 150 Gr
- Giá đỗ 100 Gr
- Đậu hũ chiên 100 Gr
- Nước lạnh 1.50 Lít
- Hạt nêm Knorr nấm hương chay 10 Gr
- Đường 3 Gr
- Muối 1 Gr
- Nước mắm chay 5 ml
- Hành/boa rô 10 Gr
- Dầu ăn 10 ml

Hướng dẫn thực hiện:

1. Nấu sôi 1 nồi nước. Trong lúc chờ nước sôi ta sẽ rửa các loại rau củ. Hẹ mua về bỏ lá úa, cắt khúc vừa ăn rồi rửa nhiều lần với nước cho thật sạch rồi để ráo nước. Giá rửa sạch với nước cho sạch.



2. Khi nước sôi lên thì cho hẹ, giá vào nấu sôi trở lại, sau đó nêm nếm gia vị vừa ăn và cho đậu hũ vào, nấu thêm 3 phút nữa thì tắt bếp.



3. Cho canh ra tô và thưởng thức. Canh đậu hũ giá hẹ dễ thực hiện mà rất thanh mát đúng không các bạn. Chúc các bạn ngon miệng nhé.

Thức Trần Thị



NÓI CHUYỆN PHƯỚC SƯƠNG, SANG ĐÀNG LẠM BÀN CHUYỆN CÔNG ĐỨC

Tâm Không Vĩnh Hữu

ĐOÀN VĂN / TÙY BÚT

Trong một lần tôi đi lễ Phật bái tăng một lượt các chùa ở miền quê xa xôi, tình cờ tôi gặp được một "Phước Sương" rất đặc biệt, độc đáo mà từ nhỏ đến giờ tôi chưa từng được nhìn thấy.

Sang đàn một tí đây. "Phước Sương", tại sao tôi lại gọi trống trống thiếu thiếu như vậy? Vì chữ "Sương" tiếng Hán (ít dùng) có nghĩa là cái "thùng", hoặc "hòm" theo tiếng Bắc Việt, nên tôi chỉ nói gọn là "Phước Sương", thùng đựng Phước chứa Phước, không thừa dư một chữ nào. Phước Sương chỉ là một cái thùng chứa đựng Phước, còn Phước Điền là cả một thửa ruộng để gieo sạ trồng trọt Phước, vì vậy khi ta cung kính thả một tờ giấy bạc cúng dường vào Phước Sương, tức là ta cũng đang gieo hạt giống tốt lành trên Phước Điền rồi đó!

Sang đàn thêm một chút nữa. "Hòm" của miền Bắc khi vào đến miền Trung và Nam Việt thì lại thành nghĩa khác, sẽ là "rương" hoặc "quan tài"... Khổ vậy, lắt léo hại não ghê nếu ai đó là người ngoại quốc muốn học tiếng Việt cho rành giỏi!

Trở lại với "Phước Sương" độc đáo lạ lắm mà lần đầu tiên tôi thấy được. Thùng đựng Phước này nằm trên chánh điện của một ngôi chùa ở ngoại ô vùng duyên hải, xin được miễn nêu tên vì lý do tế nhị, mà chùa này là

chùa từng bị "đạo chích nhập nha" viếng thăm nhiều lần. Trộm đạo vùng thanh vắng này đã táo gan trổ cả nóc một gian tịnh thất để định thỉnh, ồ không, để bưng bê một pho tượng một vị Tổ Sư Dòng Thiền màu đen bóng. Nhưng rồi, khi tự tay sờ sẫm bưng bê được pho tượng lên rồi, tay trộm mới biết đó là tượng bằng gỗ phết sơn, chứ không phải bằng đồng như lâu nay mình "nghĩa" trước mà tưởng bỏ. Tượng bị chê ít giá trị, được đặt lại dưới đất, vẫn còn cái duyên gắn bó với nhà chùa. Trộm lộng hành ngang nhiên cỡ đó, nên Phước Sương trên chánh điện của ngôi chùa này cũng phải tùy duyên ứng biến, chắc cũng đã từng bị móc khoè hay phá khóa hốt tịnh tài trong thùng đó vài lần rồi, nên thay vì dùng thùng gỗ ván như bao tự viện khác, nhà chùa đã "đề phòng cẩn mật, bảo đảm an toàn" cho Phước Sương, nơi chứa đựng tiền cúng dường của thập phương bá tánh thiện tín, bằng một chiếc... kết sắt. Cảnh cửa tủ kết dường nhiên cũng là sắt thép, lại dày, nên đã được thợ hàn thợ sắt giúp cho việc rạch khoét cho một đường, trở thành khe hở để phật-tử bỏ giấy bạc vô Thùng Phước cúng dường Tam Bảo. Nhìn ngắm Phước Sương kiên cố trước mắt mình, tôi không khỏi kinh ngạc và... xót xa, chứ không

hề cười nổi. Tôi nghiệp cho nhà chùa, phải ứng phó với ma quân phá phách bằng cách này mới tạm ổn, tạm an tâm.

Sang đàn chuyện "Hòm Công Đức", xin nói ngay là từ ngữ "Công Đức" lâu nay đã bị lạm dụng, dùng sai, đúng ra chỉ dùng chữ "Phước Đức" thôi. Chúng ta sẽ thấy rằng "vật thể" Hòm Công Đức càng bị lạm dụng nhiều hơn "từ ngữ", vì đền chùa miếu đình am miếu lớn nhỏ ở phố quê, miền xuôi miền ngược, miền núi miền biển... đâu



đâu cũng thấy đặt "Hòm Công Đức". Tôi nhớ mang máng, hình như ở các tang lễ cũng có đặt "Hòm Công Đức" do các Dịch vụ Mai Táng mang đến đặt nơi bàn hương linh người mới quá vãng, vì không chụp ảnh lưu làm bằng chứng, nên vụ này tôi không dám nói chắc chắn. Đàn na tín thí do không hiểu sự khác nhau giữa "Phước Đức" và "Công Đức", chắc nghĩ cũng là một thôi, nên cúng dường cứ là cúng dường, thấy thùng thấy hòm nằm đó thì mình cứ thả tiền qua khe thôi, có Công hay Phước đức là tốt rồi, ổn rồi, an tâm mà về nhà với lòng râm ran niềm hoan hỷ. Thiên hạ còn thường tán thán, tán dương nhau "Công Đức Vô Lượng!" để cổ vũ, khích lệ, ngợi khen người này kẻ kia vừa mới làm một việc Thiện, việc Tốt, việc Lành. Xin thưa ngay và luôn, "Phước Đức" thì mới đúng. Còn vô lượng hay hữu lượng thì còn tùy ở... số lượng, và quan trọng nhất là "tâm lượng"!

Khi mình cúng dường, đóng góp tịnh vật, tịnh tài để đúc chuông, tạo tượng, hay ấn tống kinh sách... thì đó chỉ là những việc làm tạo phước "bên ngoài" (ngoại thân ngoại tâm), có mang lại lợi lạc cho tha nhân, cho mọi người, cho cộng đồng xã hội nên gọi là Phước Đức. Chính nhờ Phước Đức này mà mình



được giảm thiểu nghiệp chướng, quả báo thay vì sẽ ập đến đòi nợ mình liền bị hóa giải tiêu tan... Nói chung là "chuyển nghiệp" của mình trên bước đường đời, cũng như trên nẻo đạo, chứ Phước Đức không có công năng giúp mình vượt thoát khỏi sinh tử luân hồi, giác ngộ giải thoát.

Còn muốn có "Công Đức" thì mình phải có tu tập "Giới Định Tuệ" và cả "Văn Tư Tu". Vậy nghĩa là Công Đức có được từ "bên trong" (nội thân nội tâm), hoàn toàn khác biệt với Phước Đức. Năng lực của Công Đức giúp người tu tập vượt qua bể khổ, chuyển hóa tâm tánh của con người từ tục tử phàm phu trở thành HiềnThánh Tăng, A La Hán, cao hơn nữa là Bồ Tát, cao nhất trời là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, Phật, Thế Tôn!

Tuy nhiên, nếu như mình

cúng dường, bố thí mà tâm không mong cầu bất cứ thứ gì, thì ân bất cầu báo, giới hơn nữa thì không hề để tâm gì đến người cho-vật cho-người được cho, người cúng-vật cúng-nơi nhận cúng, hoàn toàn không tính toán suy nghĩ gì thêm ngoài sự "cúng dường, bố thí", thì những việc làm đó vừa ích lợi cho người, vừa ích lợi cho mình, có thể, vâng, tôi chỉ dám dùng từ "có thể" thôi, mình sẽ vừa được Phước Đức vừa được Công Đức. Hi vọng chút vậy để sống tiếp mà tinh tấn tu tập.

Sang đàng và lạm bàn ngẫu hứng, nên tôi khó tránh khỏi thất thố, nếu có sai sót, thiếu sót lẫn thừa dư, xin thành tâm gập mình sám hối và ngưỡng mong chư vị từ bi hoan hỷ lượng thứ, và ban cho lời chỉ giáo, sẽ rất là... Phước Đức Vô Lượng!

Nam mô Công Đức Lâm Bồ Tát ma ha tát!

CHUÔNG NHỊP TÀN KHUYA

*Ai nínu thời gian giọt nắng hồng
Cho đời vui bớt ngọn đông phong!
Phương mây ngàn dặm mờ sương khói
Đất khách muôn trùng lạnh núi sông.
Đệt mây vắn thơ đan suối ngọc
Dạo tình cung phím chạnh tơ lòng.
Đèn khuya đôi bóng đêm tâm sự,
Chuông nhịp tàn canh trong rất trong.*

thơ MẠC PHƯƠNG TỬ

South Dakota (USA), Đông 2020

Thư gửi Đức Phật

TIÊU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Ngày hôm nay, tháng này, năm hiện tại. Hôm nay con đang ở tại nơi đây và ngay lúc bây giờ, con viết lá thư này thành kính dâng lên đức Thế Tôn. Trước hết con đề đầu đàn lễ Thế Tôn, đàn lễ chư Phật ba đời mười phương cùng tất cả hiền thánh tăng.

Không phải đến bây giờ con mới nhớ Phật để viết lá thư này, thật tình thì lúc nào con cũng nhớ Phật cả, tuy nhiên cũng có đôi khi con trốn Phật đi theo đám ma quân ngũ dục để làm những việc sai quấy hòng thỏa mãn cái tôi ích kỷ của mình. Đây chính là lý do mà hôm nay con viết lá thư này, cứ mỗi lần theo đám ma quân ấy, làm việc gì đó trái với thanh tịnh, hiền thiện thì con lại sanh tâm sám hối. Khổ nỗi sám hối rồi một thời gian sau lại tái phạm nữa, quả thật cái đám giặc ngũ dục lục trần nó đầy mê hoặc và quyến rũ, trong khi bản lĩnh của con kém quá, thiện hữu tri thức thì không có mấy ai gần, thầy thì xa... Đôi lúc con cũng tập buông bỏ nhưng buông một thời gian là lại ôm vào, cứ như thế mà xà quần chẳng tiến bộ được bao nhiêu. Tâm tâm con nhiều lần ước mong dẫn bước theo con đường mà năm xưa Thế Tôn đã đi, tiếc rằng giấc mơ đó không đủ mạnh để cưỡng nổi những ràng buộc của cuộc đời.

Kính lễ đức Thế Tôn, hình như người thế gian ai ai cũng dính chặt vào ngũ dục lục trần? Chỉ có một ít người dũng mãnh tinh tấn mới buông được. Mà nào chỉ ngũ dục lục trần, những mối quan hệ giữa người với người cũng là một sự ràng buộc chặt chẽ và rối rắm: nào là yêu - ghét, thương - hận, thân - sơ, ta - địch, ơn - oán... Những mối ràng buộc đầy phiền não và hệ lụy này nó trói con người ta lại với nhau, người với người "dính" nhau như những con cua bị những cái que của chúng bầu viú thành một chùm. Con

người tự làm khổ mình, làm khổ lẫn nhau, cái khổ và sự ràng buộc cứ hết đời này sang đời khác. Chỉ có những kẻ vâng lời Như Lai, cắt ái tử thân, ly gia đoạn dục mới thoát khỏi những hệ lụy này.

Kính lễ đức Thế Tôn, trong giai đoạn chánh pháp và tượng pháp có nhiều thánh nhân và hiền nhân ra đời. Con người còn dung dị, tâm địa còn tương đối thanh tịnh nên việc học đạo dễ dàng hơn hôm nay. Thời đại hôm nay là thời mạt pháp, tài sắc nó lầy lùng kinh khủng lắm, truyền thông và mạng xã hội đang từng phút giây thúc đẩy, khuếch trương tối đa sự đam mê ngũ dục. Nó làm cho con người ta mê muội và chìm đắm trong vũng bùn ngũ dục ấy. Con người càng ngày càng tham lam, sân hận và si mê. Chủ nghĩa vật chất thúc đẩy con người sa vào cái vòng quay điên cuồng, tham muốn hưởng thụ, manh tâm tranh đoạt, tàn bạo ra tay chiếm hữu... Con người

ngày hôm nay không còn một phút giây nào để ngồi xuống trong an lạc. Thế rồi đại dịch xảy ra, toàn thế giới này hoảng sợ, người ta sợ đến độ không dám lại gần nhau, từ chối bắt tay, bịt mũi, bịt miệng, thậm chí còn tạo ra cái khiên che mặt mình. Mọi người nghi kỵ nhau, ai cũng nhìn người đối diện như một mối họa. Mọi hoạt động của xã hội loài người đình trệ, hàng chục triệu người nhiễm bệnh, hơn triệu người đã chết, hậu quả thật dễ sợ! Nhưng thưa Thế Tôn, người ta thường nói "Trong cái rủi có cái may." Nhà Phật cũng bảo "Họa phúc xoay vần"; nhà Nho nói "Họa trung hữu phúc"... Đại dịch tuy đáng sợ, gây ra sự đình đốn và chết chóc nhưng nó cũng có mặt tốt. Nhờ đại dịch mà thiên nhiên có cơ hội phục hồi sau một thời gian dài bị phá hủy bởi sự khai thác tàn hại của con người: đất đai hoang hoá, núi



rừng cạo sạch, đồng ruộng, sông ngòi, biển cả... ô nhiễm nghiêm trọng bởi chất thải công nghiệp, rác nhựa, hoá chất. Khí hậu ấm lên do hậu quả nhà kính, băng hai cực trái đất tan, nhiều vùng đất có nguy cơ bị nhấn chìm. Muôn loài thú hoang bị tàn sát để ăn thịt, làm đồ mỹ nghệ, làm thuốc, thậm chí bị giết để làm thú vui tiêu khiển với cái mỹ tửu thể thao săn bắn...

Kính lễ đức Thế Tôn, dịch bệnh là một trong "tam tai" mà Thế Tôn đã đề cập trong kinh điển, khi nghiệp sát đến cực điểm thì sẽ xảy ra chiến tranh, dịch bệnh, mất mùa đói kém. Thế giới hôm nay khoa học kỹ thuật phát triển cao độ, sản vật dư thừa, có thể không đến nỗi đói kém (tuy nhiên đói kém vẫn thường xảy ra nhưng cục bộ ở một số địa phương nào đó, như ở châu Phi chẳng hạn) nhưng chiến tranh thì vẫn xảy ra và càng ngày mức độ tàn bạo hơn, chết chóc nhiều hơn, tàn phá kinh khủng hơn. Người ta có thể chỉ cần bấm một cái nút nhỏ xíu cũng có thể xoá sổ một thành phố như chơi, có thể giết cả triệu người trong phút chốc. Con người hôm nay với kỹ thuật tân tiến nó kinh khủng lắm, vừa giúp ích cho sự tiện lợi của đời sống nhưng cũng vừa có thể hủy hoại tất cả. Khoa học kỹ thuật tân tiến giúp cả thế giới liên kết và dính với nhau thành một hệ thống nhưng cũng có thể giết người trong chớp mắt, hủy diệt tất cả trong phút giây. Con người trong thế giới hiện đại hôm nay càng ngày càng tham lam vô độ, lừa sảo hận ngút trời, sự si mê mờ mịt. Vật chất của cải, tài sản, tiền bạc... bây giờ nhiều hơn bất cứ giai đoạn nào của lịch sử loài người nhưng sự an lạc thì tỷ lệ nghịch, loạn động liên tục xảy ra, không nơi này thì nơi khác, không lúc này thì lúc khác, không với lý do này thì với lý do khác nhưng chung quy không ngoài việc tranh đoạt ngũ dục mà ra. Mạnh hiếp yếu, lớn hiếp nhỏ, đông hiếp ít... dù có biện minh với bất cứ lý do gì thì đó vẫn cứ là việc tranh đoạt với sự sai xử của lòng tham, lừa sảo và lý trí mê mờ.

Kính lễ đức Thế Tôn, chúng con quả là những đứa cùng tử, xa nguồn cội đã lâu, lang thang trong cát bụi, chìm đắm trong bùn lầy, khổ sở trong cuộc đời, quờ quạng tìm đường ra mà quên đi mình có hạt minh châu trong ché áo. Có đôi khi tỉnh ra nhưng bản tánh hèn kém không dám tin mình có của quý đáng giá nhường ấy, hoặc già có tin nhưng cũng chưa dám xài đến, vẫn cứ ngày đêm tìm kiếm những thứ vật vãnh ở bên ngoài. Những gã cùng tử như chúng con, tuy có biết chút ít lý thuyết nhưng chưa thực hành được bao nhiêu. Sáu căn mê mờ, dính chặt vào sáu trần hư dối, để rồi sáu thức mê lầm. Tuy chúng con biết sắc là giả tạm, nó vốn là tứ đại hợp thành, nó là cái dẫy da hôi

thối nhưng mắt thấy sắc là bập vào ngay, vì thế mà đam mê chìm đắm. Từ đó mà thọ đủ thú, tướng ra bao nhiêu điều kỳ quặc, hành quấy quá và cuối cùng nạp hết vào trong tạng thức. Tham dục có bao giờ thỏa mãn, vì không thỏa mãn mà tái sanh, bởi vậy sanh tử chẳng bao giờ dừng dứt. Vì mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý dính chặt vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà khổ mãi, khổ hoài, khổ dài lâu, khổ bất tận... Chao ơi, những gã cùng tử còn mê muội đến bao giờ mới buông bỏ được đây?

Kính lễ đức Thế Tôn, trong số những gã cùng tử ấy cũng có một số tay lẳng tử hay du tử thàng hoặc tinh ra, chỉ tiếc là bản lĩnh yếu ớt không đủ can đảm đi theo con đường mà Thế Tôn đã khai phá. Con thấy mình cũng có phần giống những tay du tử ấy, chỉ mon men bên lề, hoặc chỉ rón rén ngoài rìa, tuy có lúc cũng đặt được một chân lên con đường ấy nhưng chân kia dính chặt trong dòng đời, thật đáng thương mà cũng đáng trách lắm thay! Những tay du tử ấy có đôi khi vâng lời Như Lai nhưng rồi đắm đuối mắt biếc trong đời nên chẳng buông bỏ xuống để mà dẫn thân. Có một điều khả dĩ có thể an ủi chút ít là những tay du tử ấy tuy là cùng tử nhưng phần nhiều đều là hiếu tử và khá thanh cao. Giá mà những tay du tử ấy buông đặng, vâng lời Như Lai mà đồng mãnh tinh tấn thì sẽ tiến xa bay cao, tiếc thay, tiếc lắm thay!

Kính lễ đức Thế Tôn, chúng con là những gã cùng tử trong đạo, những tay du tử ngoài đời. Đời không xong mà đạo cũng chẳng tròn, dang dở giữa hai bờ, tiền thoái lưng khùng, buông năm dùng dằng, bỏ lầy do dự...

Kính lễ đức Thế Tôn, hôm nay, bây giờ và ở đây, con viết bức thư này kính dâng lên Thế Tôn. Con mến mộ và kính phục đức Thế Tôn vô cùng, từ một ông hoàng tột đỉnh cao sang quyền quý, tài sắc đủ cả, thể gian được mấy người? Vậy mà Thế Tôn buông một cách dứt khoát như vứt chiếc dép rách để xuất gia và khai phá ra con đường giải thoát. Con đề đầu đánh lễ đức Thế Tôn, tạ thâm ân đức Thế Tôn. Ngày nay giáo pháp của đức Thế Tôn truyền khắp thiên hạ, nếu ngày xưa chỉ khu trú ở châu Á thì bây giờ có mặt từ đông sang tây: Á, Âu, Mỹ, Úc, Phi. Hôm nay có rất nhiều người da trắng và một số ít người da đen, người Mễ Tây Cơ đã buông bỏ tất cả để đi theo con đường mà đức Thế Tôn đã khai phá. Họ thực sự chỉ tâm y nhất bát mà hành đạo, họ đang tán dương đức Thế Tôn, làm rạng rỡ giáo pháp của Thế Tôn. Họ không còn là những cùng tử hay du tử nữa. Họ thật sự là những Thích tử chân chính và tinh tấn. Chúng con ngưỡng mộ họ biết bao!

Kính lễ đức Thế Tôn, hôm nay, bây giờ và ở đây, con muốn bộc bạch chút tâm tư, ở

quê con giờ có nhiều người cũng xưng là Thích tử nhưng lại làm những việc trái với giáo pháp và bản hoài của Thế Tôn. Họ đăng đàn nói linh tinh, phò thế gia, tham chính, thân chính, cạ tình pháp tử. Tuy miệng cũng nói lục hoà nhưng thực sự chẳng làm theo. Hàng Phật tử sơ cơ như chúng con ít nhiều hoang mang dao động, thế lực ngoại môn thừa dịp cười chê. Có những người cũng khoác cà sa, xưng Thích tử nhưng lại suy diễn làm tổn hại đến giáo pháp của Thế Tôn, lợi dụng sự ngờ nghệch của những người sơ cơ để trục lợi, nặng danh văn lợi dưỡng... Những người như thế quả thật là loạn tử đang làm ô danh hàng Thích Tử. Viết đến đây thì con giật mình, xin sám hối vì nói lời của người mà chẳng chịu xem lại mình. Con xin sám hối, quả thật một phút buông lung ý mà nói lời người. Con vẫn thường nghe "Sự im lặng sấm sét", đó là sự im lặng của Thế Tôn, của chư Bồ Tát, của chư hiền thánh. Con không đủ bản lĩnh để im lặng và cũng không muốn thỏa hiệp với cái sai, cái xấu nên mới buột miệng mà thốt ra. Con vẫn nhớ đức Thế Tôn nói: Trong đời đời này nguyên mới có tốt - xấu, thiện - ác, đúng - sai, sạch - dơ... nhưng ở cuộc đời này, thế gian này thì làm sao mà đem chơn để áp vào tục để cho được?

Kính lễ đức Thế Tôn, đời hôm nay có nhiều kẻ nói nhằm để sợ, tuy giàu mà không sang, phú mà chẳng quý, học mà chẳng thức, đạo mà chẳng đức... Trong đạo cũng có hiện tượng này, lượng mà chẳng chất, học mà không hành, nói mà không làm, xuất mà chẳng buông, chay mà chẳng tịnh... Quê con bây giờ san đồng xẻ núi để dựng những ngôi chùa mới cả chục triệu đô la, to lớn nguy nga như tử cấm thành, lộng lẫy như vương cung, tượng Tàu bày la liệt, cúng sao, giải hạn, trừ tà, trục vong... rất rầm rộ, giá cả niêm yết hẫ hoi, thậm chí cho trả góp. Nếu năm xưa Thế Tôn xem cung điện vàng son, tài sắc danh lợi như chiếc dép rách, vứt bỏ như vứt gạch bể ngói vỡ để tu tập. Ngày nay thì bọn họ nhân danh Thế Tôn để xây chùa to Phật lớn, sơn son thếp vàng, mưu cầu danh văn lợi dưỡng, xem việc thân cận quan gia là vinh hạnh. Có những vị xuất gia tưởng đâu buông bỏ nào ngờ lại gia vào một cái gia khác, in danh thiếp với hàng chục chức danh mà thực sự chỉ là hữu danh vô thực. Thiên gia Nhật có câu chuyện kể: "Có một vị tướng quân đến viếng chùa, ông đưa tấm danh thiếp cho chú tiểu vào trình hoà thượng trụ trì. Chú tiểu quay ra bảo: hoà thượng nói không quen biết người này. Vị tướng quân lập tức lấy bút xoá đi hàng chữ đại tướng quân. Chú tiểu vào trình lần thứ hai thì hoà thượng mới cho mời vào và nói đây là người bạn cũ của ta!" Lễ nào các vị khoác cà sa in danh thiếp với chức

vụ dài thông lòng không biết câu chuyện này chẳng?

Kính lễ đức Thế Tôn, con lại sa đà chuyện người nữa rồi! Giờ con quay lại chuyện con. Con cố gắng giữ chánh niệm ngay hiện tại ở đây và bây giờ. Chánh niệm phải đi liền với chánh tư duy, nếu chánh niệm là biết và sống trọn vẹn với phút giây hiện tại, thì chánh tư duy sẽ biết biện biệt chánh - tà. Giả sử có người đang sát, đạo, dâm, vọng, tửu nhưng vẫn nói tôi sống trọn phút giây hiện tại, tôi chú tâm hoàn toàn vào việc làm ở phút giây hiện tại thì cái phút giây hiện tại ấy là tà niệm chứ đâu phải chánh niệm. Vì thế chánh niệm phải gắn liền với chánh tư duy, từ đó mở rộng ra là phải có chánh kiến, chánh tinh tấn... nếu thực hiện được cả tám cái chánh thì đến một lúc nào đó sẽ có kết quả tốt đẹp. Bất chánh đạo là con đường để chuyển phàm thành thánh, chuyển mê thành giác.

Kính lễ đức Thế Tôn, chúng con là những gã cùng tử, có đôi khi thấy mình trong thân phận du tử, trọn chưa phải là hảo tử nhưng cũng không đến nỗi làm xấu mặt Phật môn. Chúng con có đôi khi muốn lên cô sơn hú một tiếng xem tiếng vọng bao xa trong hư không, muốn ra bể cả hét một tiếng cho dậy sóng muôn trùng. Chúng con tự nhận biết sức lực của mình. Con chim sẽ không thể làm việc của đại bàng, vịt đẹt không làm hồng học được. Tuy nhiên Thế Tôn vẫn dạy: "Chúng sanh, ai cũng có Phật tánh, ai cũng có thể giác ngộ", bởi thế mà chúng con nuôi giấc mơ như vậy! Chúng con tuy là cùng tử nhưng vẫn hằng ngưỡng mộ và vọng về Thế Tôn.

Kính lễ đức Thế Tôn, lúc con viết bức thư này, thời gian vẫn không ngừng trôi, cứ mỗi sát na qua đi thì cái già, cái chết gần hơn một tí. Quá khứ, hiện tại, vị lai từ một niệm tâm sanh ra, rồi mười phương hư không cũng thế, từ sanh cũng thế... Nhưng chúng con đang sống ở cái thế giới đời đời, thế giới tục đế này nên vẫn biết và phân biệt rõ ràng khứ, lai, hiện tại. Chúng con vẫn sanh tâm yêu tốt ghét xấu, thích sanh sợ tử, phò chánh ly tà... Chúng con biết mình trí huệ mê mờ, đức hạnh không có, tinh tấn lơ mơ nên mãi vẫn chỉ là những tay du tử mà thôi, vẫn mãi mon men bên lề con đường chánh giác, bên rìa vườn hoa trang nghiêm xinh đẹp như Lăng Nghiêm. Tuy vậy cũng hưởng được chút hương vị pháp, một chút pháp vị của giải thoát nhưng đem lại an lạc và hoan hỷ lớn lắm. Chúng con đề đầu tạ thâm ân của Thế Tôn, tạ thâm ân chư Phật ba đời mười phương, tạ thâm ân tất cả chư Bồ tát, chư hiền thánh tăng.

Ất Lăng thành, 12/2020

CÓ LẮM NHỮNG CON ĐƯỜNG

Thuở nhỏ nghèo ngao: “Đường thương đau đầy ải nhân gian”
Ngu ngơ nghĩ nhạc vàng bi quan
Đến bây giờ thấy rằng rất thật
Cõi người ta quả lắm thương đau
Đoạn đường đời đầy đọa lẫn nhau
Tuy đường tình ta đi của Phạm Duy có ngọt ngào thơ mộng
Áo trắng tình khôi má đỏ môi hồng
Ra khỏi cửa trường là đường trần muôn nỗi
Với đường hoa đám cưới rước em về
Hạnh phúc ngọt ngào ẩn chứa những cơn đau
Vui ngắn tạm che khuất cái khổ dài lâu
Đường công danh tranh đoạt mãi không thôi
Chẳng ngần ngại ra tay hạ thủ
Con đường sông nhọc nhằn cơm áo
Gió trăng sẵn có chẳng thể no lòng
Người vất vả ngược xuôi tháng ngày mưu sinh
Nuôi cái thân cho đến đường chung cuộc
Đường tử sanh luân hồi bất tận
Ái dục âm i hoài nên thân mất lại thọ thân
Một lần tử sanh vô vàn đau khổ
Mỗi bận tái lai tốt xấu nghiệp vương
Có những ông tăng chơi giữa đường tùng
Chẳng vương bận, ung dung ngày tháng
Giữa đường trần mà an lạc đường mây
Đã buông xuống, chẳng màng chi những con đường của thế gian này
Chỉ đồng mãnh dấn bước trên con đường giải thoát
Con đường thiên an lạc hiện tại bây giờ và ở đây
Đường Tịnh độ, đường Tây Phương Cực Lạc
Đường mật tông thần chú gia trì
Đường tuyết sơn thanh khiết và uy nghi vĩnh viễn
Ý chí kiên cường, hạnh nguyện vô biên
Những con đường cố tích thân tiên
Trong tâm trí tuôi thơ vẫn còn hiển hiện
Thế gian có lắm những con đường
Một số ít khôn ngoan lựa chọn đúng hướng
Còn lại đa phần mặc sóng gió đẩy đưa
Nay đường này mai đường nọ biết máy cho vừa
Khổ đau dày mà vui sướng quá lựa thừa
Những ảo ảnh mê lầm như đường hoa nắng ban trưa
Những con đường mê chẳng đưa ta về đâu cả
Dẫu có trọn đời hối hả
Và bao số kiếp hằng sa
Đường đi hoài mà sao không tới
Biết làm sao quanh quẩn giữa dòng đời
Ơi những con đường đâu dễ dàng lựa chọn.

(Át Lăng thành, 12/2020)



thơ

HIỀN NGUYỄN

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



HƯ KHÔNG TẠNG

Thầy dẫn đồ đệ đi thường ngoạn sơn thanh thủy tú ở vùng đất lạ, tình cờ phát hiện ra một hang động, có lẽ họ là những người đầu tiên thấy vì chưa từng nghe nói đến, tra sách vở và trên mạng cũng không thấy có tên. Đồ đệ có người hưng phấn reo lên:

- Chúng ta tìm thấy một hang động mới, vậy phải đặt tên để thiên hạ về sau biết.

Mấy huynh đệ hưởng ứng lời ấy, thầy cười cười đọc:

*Hư không tạng dung
chứa mười phương pháp giới.*

*Hang không tự chỉ mỗi
mấy thầy trò ta*

*Thầy dứt lời thì một đệ tử
khác ngâm*

*Sơn lâm vốn cũng vô
thường*

*Mình còn rong ruổi giữa
đường nhân gian*

*Khổ, không với những
buộc ràng*

*Rằng tam pháp ấn rõ
ràng giả chơn.*

THÀ NGƯỜI PHỤ TA

Cuộc hội thảo: "Yếu tố Phật giáo trong tiểu thuyết cổ điển" quy tụ rất nhiều học giả, văn sĩ cũng như quý tăng, ni khắp các xứ. Nhiều bài tham luận xuất sắc và khai thác nhiều điểm mới rất thú vị. Có một người dẫn:

- Tào Tháo là anh hùng vô địch, lại có tư tưởng rất thực tế: "Thà ta phụ người chứ không để người phụ ta."

Hoà thượng đại diện cho Phật giáo xứ mình phát biểu:

- Tôn Quyền đã tiếp Khương Tăng Hội nhưng không thấy Tam quốc Chí nhắc việc này, kể cũng đáng tiếc thật. Thiên hạ cho câu nói đó của Tào Tháo là thực tế nhưng Phật giáo chúng tôi thì ngược lại: "Thà người phụ ta chứ ta không phụ người," cứu khổ độ sinh là lý tưởng thực tế của nhà Phật.

Cử tọa và thính giả đồng loạt đứng dậy vỗ tay rền cả khán phòng.

BẢN VỚI SẠCH

Thiên hạ vốn thiên sai vạn biệt vì nhân tâm bất đồng, từ tâm mà sanh tướng, từ cái gốc văn hoá

mà có nhìn nhận khác biệt nhau. Người Hồi thì bảo:

- Chó, lợn là con vật bẩn thỉu, không được ăn!

Người phương Tây thì nói:

- Chó, mèo là bạn, là thú cưng, nuôi làm bạn chứ không phải để ăn!

Riêng người của Chú Ba và dân gốc mít thì ăn tuốt tuần tuốt, con nào cực cực được là ăn, thậm chí không cực cực cũng ăn. Bạn đạo có người chép miệng:

- Giá dân ta và dân Tàu cũng nghĩ như người Hồi hay người Tây thì hay biết mấy, sẽ có nhiều loài vật đỡ chết thảm vì cái miệng phàm ăn.

TRUYỀN THỐNG CÓ GIÁ CỦA NÓ

Thời đại 4.0, 5G khoa học





kỹ thuật phát triển như vũ bão, nhiều nghề truyền thống mai một, những sản phẩm cũ mất dần như: nghề chụp ảnh dạo, tráng phim, tiệm sách báo, thư viết tay, bán thảo viết tay... Có một văn sĩ tuyên bố:

- Mình phải theo thời thế, những cái truyền thống cũ kỹ lạc hậu bỏ đi, tận dụng cái hiện đại văn minh.

Đám cưới của anh ta không gởi thiệp giấy, chỉ dùng thư điện tử để mời, kết quả chỉ có một số thân thuộc mới đến dự thôi. Nhiều người khác gởi lời chúc và quà ảo trên mạng NET. Đã thế cuối năm ấy anh ta được khen thưởng xuất sắc, chủ hãng tặng cái cúp và một khoản tiền cũng là vật ảo mà thôi. Từ đấy người ta không thấy anh ta nói gì về chuyện bỏ cái truyền thống nữa.

TRUNG THẦN

Năm ấy khi vận nước đến hồi chung cuộc, loạn lạc khắp nơi, dân chúng tản cư chạy ngược xuôi nhưng bí đường, quan tướng bỏ quân bôn tẩu. Duy có ngài và vài vị can trường trụ lại để giữ vững tinh thần quân dân. Thủ hạ có kẻ vào phòng riêng của

ngài bảo:

- Thời thế hết rồi, xin ông tướng hãy xuống tàu mau kẻo trễ!

Ngài khẳng khái:

- Ông vua lộc nước chưa đến, dân quân đang hiểm nạn, tôi không đi đâu cả.

Kẻ ấy lại thưa:

- Vậy thì xin ông tướng kéo quân về hậu cứ để tính kế khác.

Ngài cũng bác luôn:

- Muộn rồi, chỉ tổ tốn thêm xương máu!

Người kia còn đang dùng dằng không biết tính sao thì nghe một tiếng súng, quay lại nhìn thì ông tướng đã đi rồi. Anh ta khóc và viết lên tường:

Xứ Thủ Đức năm canh thức đủ

Miền Cần Thơ sáu khắc cơ thần.

CHẠY QUY TRÌNH

Xứ bắc Xiêm dạo này coi môi phát triển lắm, những triệu phú, tỷ phú phát lên như diều. Lại một điều là bọn họ chẳng làm chi cả, lương thì chỉ đủ cho vợ con ăn sáng uống cà phê. Nhiều người cứ hỏi rồi cười mỉm chi, những người khác cười gật gù ra chiều thông

hiếu. Trong bọn ấy có người không cười về mặt thật khó đoán là y vui hay buồn, y kể rằng

- Mỗ lúc nhỏ được cha mẹ chạy trường, học tà tà dốt quá nên lại bỏ tiền ra chạy điếm, sau nữa cha mẹ tốn một khoản lớn để chạy bằng. Sau khi ra trường, mỗ chạy việc vào được một cơ quan có tiếng tăm. Nhờ tiền nhiều nên chạy chức lên làm xếp, từ đó mỗ chạy mánh với quan trên và đại gia nên giàu vô cùng. Mỗ lại háo sắc, chơi gái lữ có bầu nên lại chạy làng. Một ngày kia ô dù bị hạ bệ vì đấu đá nội bộ, mỗ cũng vạ lây, phải đem phần lớn gia sản ra để chạy tội, chạy án nhưng chạy không đúng quy trình nên tiền mất tật mang, cuối cùng thì mỗ chạy trốn, tiếc là đã đến hồi mặt vận nên không thoát.

Kể đến đây y rồi thôi không nói gì thêm, bấy giờ những kẻ xung quanh ngớ ra:

- Thì ra là ông, thảo nào thấy quen quen!

*STEVEN N
Georgia, 12/2020*

KINH PHẬT

Chân lý chứa đựng trong Kinh
Như mạch suối tuôn trào
Gội sạch mọi phiền não, dơ
Tích tụ từ bao giờ!

Lời Kinh chính là suối mát
Dập tắt ngọn lửa sân
Chỉ vì ái si tham đắm
Đời mãi khổ trầm luân!

Kinh như ngọn đèn hải đăng
Như trăng sáng ngày Rằm
Dẫn người đi trong đêm tối
Soi sáng kẻ lạc đường!

Kinh là đỉnh cao trí tuệ
Của văn học Phật giáo
Với sứ mạng đầy cao cả
Nhập thế độ nhân sanh.

Những triết lý từng nổi tiếng
Như trùng trùng duyên khởi
Tánh Không, Vô Ngã, Thập Huyền
Ngoại đạo làm sao hiểu!

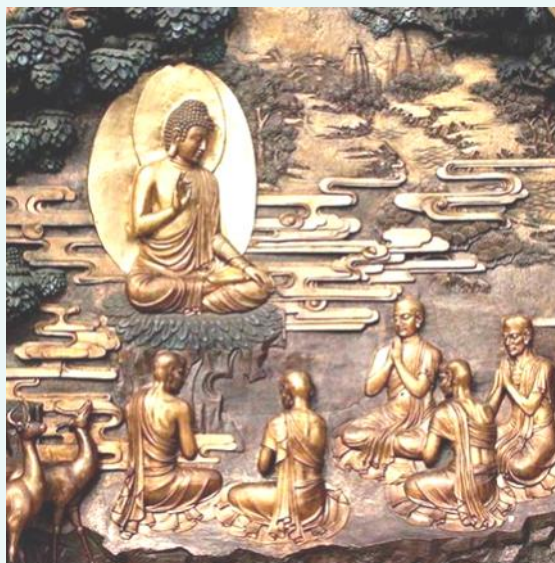
Có nghe Kinh mới thức tỉnh
Con người vốn vô minh
Muốn giác ngộ phải thiền định
Mới thoát ly sinh-tử!

Kinh còn dạy sống từ bi
Yêu thương và bác ái
Muốn cải tạo vận mạng mình
Phải chế ngự tham sân.

Vạn pháp: thành-trụ-hoại-không
Tiến hóa rồi thoái hóa
Đâu có gì vĩnh cửu
Mà tan theo bọt nước!

Như nền văn minh hiện nay
Khoa học tiến rất nhanh
Nhưng chắc gì tồn tại mãi
Hay rồi cũng suy tàn!

Ta chỉ là người lữ khách
Đi qua cuộc đời này
Để hoàn thiện nhân cách tốt
Ta hướng về nội tâm.



CHAN CHỨA TÌNH

Ta nghe trong thâm tâm
Thương người như thương thân
Ít nhiều mong chia sẻ
Cảnh khổ cực, cơ hàn.

Ta đi giữa xóm làng
Tình quê hương chứa chan
Nhìn đồng bào nghèo khó
Mà chua xót xót xang.

Ta nghe tận đáy lòng
Tình yêu thật mênh mông
Là nguồn thương, lẽ sống
Mà Trời ban đặc ân.

Ta nghe trong con tim
Phật Pháp thật diệu huyền
Là niềm tin, chỗ dựa
Giữa cuộc đời đảo điên.

Và nghe từ muôn thuở
Lời nhân thế thở than
Trần gian là bể khổ
Phải biết thương nhau cùng.

thơ **DIỆU VIÊN**

Kẻ cai ngục trường sinh bất tử

HUỆ TRÂN

ĐOÀN VĂN / TÙY BÚT

Kẻ cai ngục, dù nơi nhà tù lớn hay nhỏ, xa hay gần, kẻ đó cũng không thể thoát khỏi chu kỳ sinh, lão, bệnh, tử được. Vậy, kẻ cai ngục này là ai mà vượt qua chặng đường muôn người, muôn loài không qua được?

Xin thưa ngay, kẻ cai ngục này tên là Vô Minh. Tên gọi, cũng như đường đi nước bước của hắn đã bị Sa-môn Gotama nhìn rõ vào Canh Ba, cách nay hơn 26 thế kỷ, sau 49 ngày đêm Ngài thiền định dưới gốc cây bồ đề trong khu rừng xa xôi, thanh vắng...

Lần đó, trước khi ngồi thể kiết già dưới gốc bồ đề, Ngài đã phát lời nguyện: "Không tìm được Đạo Cả, không rời gốc cây này."

Vào Canh Ba, trọng đêm cuối, Sao Mai bỗng hiện ra sáng rực trên nền trời còn mờ ảo.

Đó là phút giây Samôn Gotama bừng Giác ngộ!

Thời gian thiền định đó, Ngài đã đạt Túc Mệnh Minh vào cuối Canh Một, khi thấy được sinh diệt của tự

thân trong quá khứ, hiện tại, vị lai.

Cuối Canh Hai, Ngài đạt Lưu Tận Minh khi quán chiếu thấy được bản chất của vạn hữu từng sinh diệt, thành hoại nơi vô bực bên ngoài, nhưng chưa từng lay động được tới thực tướng của pháp giới. Như muôn đọt sóng không ngừng xô đẩy nhau, nào khiến được đại dương nghiêng ngả!

Tối Canh Ba, Ngài đã liên tiếp đạt Tha Tâm Minh, Thiên Nhãn Minh, Thiên Nhĩ Minh và Thần Túc Minh khi thấy rõ nguyên nhân dẫn chúng sinh ngập chìm trong đau khổ ...

Phút giây Giác Ngộ đó, Samôn Gotama cảm nhận như nhìn thấy những nhà tù kiên cố từng giam hãm chúng sinh trong triền miên đau khổ, đã vừa bị bật tung, phá vỡ! Ngài đã nhìn rõ mặt mũi, cùng hành tung của tên cai ngục mà Ngài đặt tên là Vô Minh. Đồng thời Ngài cũng ngạc nhiên khi nhận ra, là mỗi chúng sinh, vốn cùng có sẵn một chân-tâm thuần khiết như nhau, nhưng đã bị tên cai ngục Vô Minh che lấp và quy phục theo sự dẫn dắt của hắn, tạo ra vô vàn ác nghiệp, ngày càng rời xa chân-tâm mà không hay biết!

Thương chúng sinh khổ lụy vì mê muội, Ngài cất bước du phương, hoằng dương Đạo Pháp. Môn đồ theo Ngài học đạo, tôn

xưng Ngài là Phật, là bậc đã Giác Ngộ.

Chân tâm thuần khiết mỗi chúng sinh đồng sẵn có như nhau được Ngài giảng dạy là Phật Tánh. Bản chất uyên nguyên của Phật Tánh đó như nhau, không khác, nhưng mức độ khi tỏ, khi mờ là do khả năng tinh thần của mỗi chúng sinh khi bị tên cai ngục Vô Minh sai sử.

Bởi chúng sinh căn cơ chẳng đồng nên Ngài đã uyển chuyển soạn thảo những cách hành trì khác nhau để chúng sinh tùy căn cơ mình, nương theo cách nào phù hợp mà đẩy lui vô minh, tìm lại bản tâm Phật Tánh của mình.

Đức Phật đã tận tụy, từ bi giảng dạy suốt quãng đời thị hiện cõi Ta-Bà, đã độ cho bao người trừ diệt được tên cai ngục, nhưng khổn thay, ngoài những chúng sinh được độ, cũng còn bao người chưa đủ duyên mà Ngài không thể độ. Vì vậy mà tên cai ngục Vô Minh đó, bị xua khỏi nơi này, lại vẫn còn nơi khác mà tung hoành nên đường như hắn ta chưa từng chết!

Chỉ lật qua vài trang sử thế giới, ở một vài sự kiện nổi bật mà hầu như ai cũng biết ít nhiều, rồi tùy cảm quan và nhận thức mà có thể thấy bóng dáng tên cai ngục này.

Trận Trân Châu Cảng mà Tổng Thống Franklin D. Roosevelt gọi là "ngày ô nhục" của Hiệp Chúng Quốc, đã kéo theo muôn vàn thảm





họa bị thương.

Sáng sớm ngày 7 tháng 12 năm 1941 khi hầu hết quân nhân của hạm đội Thái Bình Dương còn đang say ngủ thì bất ngờ, hơn 300 phi cơ chiến đấu của Nhật Bản đã rầm rộ bay tới, xé rách khung trời phía Tây, thành phố Honolulu thuộc đảo O'ahu, giữa vùng Bắc, Thái Bình Dương.

Đây là căn cứ hậu cần quan trọng của hạm đội Thái Bình Dương mà cuộc tấn công vũ bão bất ngờ trong hơn 90 phút của phi đội chiến đấu Nhật Bản đã đánh chìm hàng chục tàu chiến trang bị tối tân, phá hủy hơn 200 phi cơ đậu tại sân bay, và lấy đi sinh mạng của hơn hai ngàn thủy thủ Mỹ!

Hiệp Chúng Quốc đâu phải là một tiểu quốc nghèo nàn, yếu đuối nên sau chiến thắng tự cho là oanh liệt tại Trân Châu Cảng, tất nhiên Nhật Bản phải đối diện với nguy cơ là sẽ có ngày đối phương "rửa nhục" cho "ngày ô nhục" của họ.

Cũng yếu tố bất ngờ, cũng kinh hoàng khốc liệt.

Đó là buổi sáng ngày 6 tháng 8 năm 1945, một quả bom nguyên tử với sức tàn phá ngoài trí tưởng tượng của con người, đã dội xuống Hiroshima, một thành phố lớn của Nhật Bản, san bằng nơi này mà hậu

quả không bút mực nào, không ngôn từ nào có thể lột tả hết!

Chỉ ba ngày sau, 9 tháng 8 năm 1945, quả bom nguyên tử thứ hai lại dội tiếp xuống thành phố Nagasaki, khi Hiroshima còn đang quần quại trong máu lửa!

Địa ngục trần gian ngay đây!

Và ngày 2 tháng 9 năm 1945, dân tộc Nhật Bản đều khóc ngất, khi Nhật Hoàng của Xứ-Mặt-Trời đã phải tuyên bố đầu hàng!

Nhưng thế giới dường như không ngừng những cuộc chiến khốc liệt, nhân danh ý thức hệ này, nhân danh thể chế chính trị kia... đủ mọi mỹ từ, đủ mọi lý do chính đáng để tiêu diệt nhau. Như trong thế chiến thứ II Đức Quốc Xã đã thực hiện kế hoạch mang tên Holocaust, quyết diệt chủng dân Do Thái mà đẩy gần 6 triệu người Do Thái vào lò hơi ngạt! Như bức tường Đông, Tây Bá Linh cắt lìa bao tình cốt nhục! Như Vạn Lý Trường Thành với máu xương hàng ngàn lao công hòa cùng gạch đá... Cơ man nào những gì khi con người hành xử đã tưởng như đó là những việc phải làm và đáng làm!

Nhưng bao trang

sử kinh hoàng còn kia, hậu thế đều nhìn thấy, là ở tất cả mọi phía, có dân tộc nào, có cá nhân nào được gì không, hay kết quả đều cùng "hưởng" như nhau, là đau thương tột cùng, là cực kỳ tàn hoại?

Vậy, điều gì đã khiến con người háng hái hủy diệt nhau để cùng bị hủy diệt?

Phải chăng là do bị tên cai ngục Vô Minh sai sử, khiến con người nhận thức sai lầm nên hành động sai lầm, khi Vô Thường cho là Thường, Vô Ngã cho là Ngã, mà đã phát sinh vô vàn thống khổ!

Từ khai sinh lập địa, nhân loại đã do vô minh mà không ngừng tạo nghiệp, tất phải đến lúc cùng nhau trả nghiệp.

Đại nạn bệnh dịch Covid-19 đang được nhìn như sự Cộng Nghiệp của nhân loại. Bất ngờ, loại vi khuẩn cực kỳ bí mật, cực kỳ nguy hiểm đã tràn lan khắp thế giới với tốc độ và sự tàn phá ngoài sức chịu đựng và tưởng tượng của con người!

Đồng thời có những tai nạn xảy ra trước đây, chỉ được xem như trong phạm vi riêng, ở mỗi quốc độ thì nay, những tai nạn đó lại khiến thế giới quan tâm vì đã dồn dập xảy ra khi nhân loại đang chìm ngập trong dịch bệnh kinh hoàng! Điển hình là vụ nổ 2,750 tấn phân bón Amoni Nitrat lưu giữ trong kho hàng gần cảng Beirut, Lebanon đã biến trung tâm Beirut thành gạch vụn!

Rõ ràng là Cộng Nghiệp! Không phải là tình cờ! nên dường như con người đang cùng bước chậm lại, để nhìn chính mình.

Nhìn được chính mình, may ra mới nhìn được người.

Nhìn được chính mình để thương mình, may ra mới nhìn được người để thương người.

Thế nên, đau khổ và hoảng sợ trước dịch bệnh

cũng chợt phát hiện bao ấm áp của Tình Người mà trước đây hiếm thấy, không phải chỉ trong phạm vi thân quen, mà Tình Người cũng đang truyền cảm giữa những người hoàn toàn xa lạ.

Phải chăng do Cộng Nghiệp đang cùng nhau gánh chịu đã giúp con người cảm nhận phần nào sự vô thường, để bớt ích kỷ mà chia sẻ với nhau, bớt sân hận để thương xót nhau, bớt xa lánh để đến gần nhau, bớt oán thù để tha thứ nhau, bớt nhân danh văn minh mà tàn phá thiên nhiên khi thiên nhiên vẫn cung ứng đủ nhu cầu để con người sinh tồn, không cần phải tham lam giành giật!

Phải chăng do Cộng Nghiệp đang cùng nhau gánh chịu đã giúp con người có cơ duyên thấy được phần nào mặt mũi kẻ cai ngục Vô Minh đã giam hãm chúng sinh triền miên trong ngục tù đau khổ. Đó chính là kẻ mà Đức Thế Tôn đã vạch rõ khi Ngài bừng Giác Ngộ.

Kẻ cai ngục còn trường sinh bất tử đến nay vì nhân loại không nhận diện được hẳn, đã u mê theo sự sai sử đó mà tự xây nhà tù.

Đức Phật đã cảnh giác: "Nhận diện được vô minh, đau khổ mới chấm dứt."

Òi, thế giới sẽ bình an, người người sẽ hạnh phúc biết bao khi kẻ-cai-ngục-tên-là-vô-minh không còn nơi trú ngụ.

Vì kẻ thù của con người không phải là người.

Kẻ thù chung của con người là vô minh.

Xin giúp nhau, xin tiếp sức nhau, nương lời Phật dạy, cùng cất bước hành trì Giáo Pháp, tận diệt kẻ thù chung để cùng đạt hạnh phúc của sự Giác Ngộ.

**Nam Mô Thập Phương Phật.
Nam Mô Thập Phương Pháp.
Nam Mô Thập Phương Tăng.**

*Kẻ Cùng Tử cần bái
(Tào-Khê tịnh thất - Thời
khóa tụng Kinh Pháp Hoa)*

cõi ta bà

*1 mình trong cõi ta bà
lêu bêu phở xá hàng hoa cũng đành
1 mình trong cõi vô minh
5 chìm bẫy nổi lênh đênh lỗ lờ
toà sen đức Phật còn ngòi
hoa sen loá rạng thêm chồi an vui
mây lành bay tới bay lui
1 ngày sáng tới 1 thời vàng thau
ôi thời ngó tới ngàn sau?*

thu

*trận gió thu, phong nhuộm núi ngàn
đất trời đỏ ối buổi thu sang,
lá trôi lơ lững trong trời biếc
ngập cả đôi non rặt lá vàng*

còn mắt

*sóng cứ lùa trên cát
gió vì vút cánh thông
ta nhìn ta trên nước
có đó dường như không*

ngoài

*ngồi bên ngoài thạch động
lâm nhâm có hoặc không
thạch nhũ buồng từng giọt
khiến núi lở non mòn
quanh năm nghe gió thổi
bình minh lại hoàng hôn
có đó rồi không đó
vì vạn sự vô thường*

ta

*ta từ đâu? tới đó
đến đó rồi đi đâu?
vừa loè lên trong trí
tóc bạc hết từ lâu
ta nhìn con thác đổ
mãi miết tuôn vực sâu
thân ta là hạt bụi
quay mãi theo địa cầu
chénh chéch vòng nhật nguyệt
thiên hà sao lẫn sao*



thơ

CHU VƯƠNG MIỆN

Tổng Vụ Pháp Chế Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK TỔ CHỨC LỄ GIỖ LẦN THỨ BẢY CỔ TRUNG TƯỚNG TÔN THẤT ĐỈNH

Bình Sa

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN



Santa Ana (Bình Sa) - Vào lúc 10 giờ sáng Chủ Nhật ngày 22 tháng 11 năm 2020, tại chánh điện Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam Tại Hoa Kỳ số 1612 N. Spurgeon Street, Santa Ana, CA 92701, Tổng Vụ Pháp Chế HĐĐH/ GHPGVNTN/HK do Tiến Sĩ Huỳnh Tấn Lê, Tổng Vụ Trưởng đã long trọng tổ chức Lễ Giỗ Lần Thứ Bảy Cổ Trung Tướng Tôn Thất Đỉnh. Vì dịch Covid -19 nên số người tham dự chỉ giới hạn theo quy định của chính quyền Tiểu Bang, ngoài các thành viên trong Tổng Vụ Pháp Chế, đại diện gia đình cùng một số Phật tử trong Tổng Hội Cư Sĩ.

Mở đầu buổi lễ với nghi thức cầu siêu dưới sự chủ lễ của Ni Sư Thích Nữ Chúc Hiếu, Trụ Trì Đạo Tràng Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo.

Sau đó Cư Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê nhắc lại những đóng góp của Cổ Trung Tướng Tôn Thất Đỉnh cho dân tộc và đạo pháp.

Trong dịp này ông đã đọc lại bài thơ của Sư Phụ Thích Tín Nghĩa thân tặng cụ Lão Tướng Quảng Uy Tôn Thất Đỉnh kỷ niệm ngày sinh nhật 87 tuổi của cổ Trung Tướng với lời thơ:

*"Trung Tướng năm nay tám bảy rồi,
Quảng Uy danh phận rõ mười mười,
Nay già, tu niệm lo phần đạo,
Lúc trẻ, hy sinh chuyện việc đời."*

*Đạo Pháp lâm nguy, ra sức giữ,
Quê hương khốn đốn, hết lòng thôi.
Đạo, Đời Phụng sự đầy trọn vẹn,
Xứng đáng Việt Nam sẽ rạng ngời."*

Theo tiểu sử cho biết, Cổ Trung Tướng Tôn Thất Đỉnh, Pháp Danh Quảng Uy (đệ tử của Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch HĐĐH/GHPGVNTNHK) mất phần tại Bệnh Viện Kindred Hospital, thành phố Santa Ana, miền Nam California, Hoa Kỳ, vào lúc 2 giờ 25 phút chiều, Thứ Năm, ngày 21 tháng 11 năm 2013, hưởng thọ 87 tuổi.

Cụ Trung Tướng Tôn Thất Đỉnh sinh ngày 20 tháng 11 năm 1926 tại Huế. Ông đã tốt nghiệp bằng Tú Tài Pháp.

Năm 1945, ông tham dự đơn vị quân sự của Việt Minh chống Pháp ở mặt trận Đà Lạt, một thời gian sau mặt trận này tan vỡ, ông về thành.

Cuối năm 1948, ông theo học lớp đào tạo cấp tốc 6 tháng cho một số sĩ quan Việt Nam bổ sung vào quân đội liên hiệp Pháp mở tại Đập Đá, Huế, và đã tốt nghiệp vào giữa năm 1949 với cấp bậc Thiếu Uy.

Sau đó ông được chọn đi học Trường Kỳ Binh Saumur tại Pháp và tốt nghiệp vào năm 1951 với cấp bậc Trung Uy. Năm 1956, ông được thăng chức Đại Tá và được bổ nhiệm Tư





Lệnh Sư Đoàn 2 bộ binh. Sau đó ông được chuyển về làm Tư Lệnh Sư Đoàn 1 đóng tại Huế.

Đến năm 1958, ông tốt nghiệp Trường Cao Đẳng Sĩ Quan Chỉ Huy và Tham Mưu Lục Quân Hoa Kỳ tại Kansas và được bổ nhiệm Tư Lệnh Quân Đoàn II Với cấp bậc Thiếu Tướng.

Lúc đó ông mới 32 tuổi là vị tướng trẻ nhất của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Trong cuộc chính biến lật đổ chế độ Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ông là một trong những vị tướng đóng vai trò then chốt đưa tới thành công cho cuộc cách mạng ngày 1 tháng 11 năm 1963. Lúc đó ông đang là Tư Lệnh Quân Đoàn 3 (được bổ nhiệm vào năm 1962) kiêm Tổng Trấn Sài Gòn Gia Định.

Từ năm 1967 đến 1968, ông đặc cử chức Thượng Nghị Sĩ trong liên danh Hoa Sen, rồi làm Chủ tịch Ủy Ban Quốc Phòng Thượng Viện Việt Nam Cộng Hòa. Từ năm 1970 tới 1972, ông là Trưởng Khối Xã Hội Dân Chủ trong Thượng Viện VNCH. Tháng 2 năm 1968, ông chủ trương tờ báo Công Luận.

Buổi lễ chấm dứt vào lúc 12 giờ trưa, ban tổ chức mời mọi người cùng dùng bữa cơm chay do Phật tử Tổng Hội Cư Sĩ khoản đãi.



LÊN ĐƯỜNG HÀNH KHẮT

*Tới giờ vắt áo trên vai
Lên đường xin lại một vài lãng quên
Xin cho lại nụ cười hiền
Ngày xưa tôi đánh rơi trên đất bàu
Xin lời hẹn ước có nhau
Bóng đi cuối đất cau trầu héo khô
Xin ly đế, đĩa môi khô
Chưa nâng cụng với giang hồ đệ huynh
Chia tay còn chút lưu tình
Xa xôi cách trở lặng thinh tháng ngày
Xin cho tôi lại chùa thầy
Mãi tranh vách đất đong đầy an vui
Nghe hồi kinh kệ thanh thoi
Đêm rằm lễ nhạc bồi hồi tuổi xuân
Xin cho lại những đêm buồn
Xóm nghèo hiu hắt đàn buồn đổ dành
Đường mòn, lau sậy, trắng thanh
Đi qua mơ ước hóa thành chiêm bao
Cho xin lại tiếng thờ phào
Trút khi giữ áo nôn nao bỏ vùng
Bây giờ phải nhớ phải thương
Tóc râu hôi tưởng lên đường ăn xin!*

thơ

TÂM KHÔNG
VĨNH HỮU

Tình thương và thù hận

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Trường Thọ Vương ngược nhìn ra trời đêm mù mịt. Kinh thành Ba Diệp đang ngập trong bóng tối nặng nề. Ngoài xa, có le lói ánh lửa chắc quân thù đã hạ trại khi trời chiều, ở đôi bên kia.

Ngày mai!... Vâng, ngày mai nếu cứ tình trạng này thì cũng đến đánh nhau to. Không lẽ thành kia vậy máu, hồ kia ngập xác người, máu thấm đất cày đã hút nhiều mồ hôi lao động? Ai thích nghe chi những tiếng gầm gào say máu, tiếng khóc than trên trận địa?

Càng nghĩ Vương càng thấy ruột rối bời. Lời khuyên nhủ của vị trung thần còn văng vảng.

"Bê hạ không lý do chậm trễ. Giờ phút hưng vong của nước nhà là đây. Chúng ta không thiếu người tài giỏi. Đội ngũ đã sẵn sàng, xin Ngài mau ra lệnh tiến binh."

Wương thấy ngao ngán vô cùng. Suốt đời làm vua, Trường Thọ Vương không bao giờ dùng thanh gươm nhọn để trị nước. Bằng đức độ và tình thương, Vương đã đem đến cho nhân dân cuộc sống yên lành. Nhưng cũng vì thế mà binh không hùng, tướng không mạnh. Vương có bao giờ nghĩ đến việc chinh phạt ai? Nhược điểm đó đã bị Phiên vương, một chư hầu nhòm ngó, rồi nảy ra ý tranh đoạt ngai vàng.

Bây giờ biết tính làm sao? Xuất binh ư? Chắc gì đã thắng? Mà nếu thắng thì

cũng chỉ là giết người, có gì vui sướng. Gây chiến chinh thì làm sao tránh được cảnh mẹ già khóc con, vợ trẻ mới mất chờ chồng và những em bé ngày thơ, ỏi chúng có tội tình gì đâu mà bắt chúng phải mồ côi, phải sống cuộc sống không tình thương và đói lạnh.

Mà để làm chi nếu không phải bảo vệ một ngai vàng vô nghĩa lý? Vương lắc đầu chán ngán: "Không thể được, ta không tham cái của phù hư đó. Các người cứ việc giành nhau. Ta sẽ đi tìm một cái gì nhân loại hơn đạo đức hơn."

Wương đứng dậy, mắt sáng ngời quyết định. Ngài bước lên về phía hậu cung, phòng Thái tử vẫn còn ánh sáng. Qua những phòng cung cung nga, Vương khẽ thở dài khi nhìn họ đang mê mết ngủ. Họ đâu biết ngày mai có sự đổi chủ thay Thầy.

Đây là phòng Thái tử Trường Sanh. Thái tử gục đầu xuống bàn, một ngọn nến lập lòe bên cạnh. Đứa con nhỏ hiếu học ấy là nguồn hy vọng và vui sống độc nhất của nhà Vua từ ngày Hoàng hậu chết giữa tuổi xuân. Vương sờ nhẹ trán con bằng một cử chỉ thương mến. Thái tử chợt tỉnh, ngỡ ngàng trong cái quỳ lạy đón chào. Vương nói với con:

- Con ơi! Phiên vương kéo quân đến cướp ngôi báu. Cha không muốn chỉ vì một ngai vàng nhỏ mọn mà

nhân dân hai nước phải khổ đau. Hãy nhượng ngai vàng cho họ, cha con ta lên rừng tìm Đạo.

Thái tử chợt hiểu. Đôi mắt xanh biếc bỗng xoe tròn hai hàng lệ ngọc. Chàng nắm lấy tay cha như tìm nguồn an ủi. Thôi từ nay vĩnh biệt hoàng cung!...

Đêm ấy, theo hướng sao đêm có hai người dắt nhau vào núi.

Thế rồi dưới gốc cây già, Trường Thọ Vương cùng con tu luyện. Ôn ào của thế nhân chỉ còn văng vẳng phía bên kia đồi. Bụi đời mờ mịt nhân gian đã lắng yên trong người tu ẩn. Thái tử thường vào núi hái hoa quả cúng dường cha.

Hôm ấy chàng đi vắng, Trường Thọ Vương thiền định một mình. Bỗng giật mình vì một tiếng reo vui: "A! Chính Vua đây rồi!..." Một người ốm o hiện từ lùm dứa lại. Y nói:

- Kinh thành đã bị chiếm. Một số trung thần tử tiết. Phần lớn trở về vui thú đoàn viên. Phiên vương ra lệnh tâm nã Ngài rất dữ. Nhân dân rất nhọc nhằn không hiểu cái họa ấy đến bao giờ mới hết. Ngài thấy không, tôi đã đi khắp nơi trong nước. Hôm nay tình cờ gặp được, còn chi vui sướng bằng.

Wương hỏi như rên lên vì đau đớn:

- Vì ta trốn dân phải nhọc nhằn đây ọạ?

- Vâng, Phiên vương đã đánh đập tra khảo biết bao nhiêu người vì nghi họ chứa Ngài. Phiên vương còn treo

giải cho ai bắt được.

Y nắm lấy tay Trường Thọ:

- Ngài hãy đi theo tôi về triều để tôi nạp lấy thưởng.

Vương giẫy mạnh, tên tay sai của Phiên vương gần ngã dụi. Nhưng Vương nghĩ: "Không lẽ ta để cho dân chúng phải đọa đày? Ta đã nguyện hy sinh tất cả để cứu đời. Mà thân mạng này rồi cũng có ngày tan rã. Phải cứu lấy nhân dân!" Vương đến để hai tay xuống vai người định bắt mình:

- Người ạ, nếu người bắt ta, nhân dân đổ lo sợ, người có thể sung sướng ta nào tiếc chi.

Nhớ đến con, Vương khắc lên thân cây già một dòng chữ: "Cha đã bị bắt đưa vào kinh đô. Con ở lại tiếp tục tìm Đạo." Rồi nắm lấy tay y, Vương thúc giục: "Thôi ta đi."

Hắn làm sao hiểu được tâm trạng của nhà Vua khi hắn chưa quan niệm nổi những con người xả thân cứu thế. Những con chim rừng thường hót líu lo chúc tụng đời giáng ngộ nay reo gọi náo nê...

Trường Sanh ôm giỏ hoa quả trở về thì còn đâu Từ phụ! Chàng tìm khắp nơi, gọi đến vang rừng cũng không một lời đáp lại. Tiếng tử quý buồn hiu hiu. Tình cờ đọc dòng chữ cha để lại, chàng ôm mặt khóc. Ôi đời có thể tàn bạo đến thế kia ư? Dù ở rừng sâu núi thẳm con người

vẫn không được sống yên lành?

Theo đường cũ chàng lần về kinh thành Ba Diệp. Chính hôm đó, Trường Thọ Vương bị đưa lên giàn hỏa. Phiên vương đã đoạn tình khi xử tử một đấng vua hiền. Dân chúng bao nghệt lấy giàn hỏa cổ những đôi mắt rơm rớm lệ. Họ đã khóc, thương một mạng sống lìa đời, tiếc một người cầm quyền đôn hậu.

Thái tử len lỏi đến tận giàn hỏa. Chàng lấy tay làm hiệu để cha biết đang có mình ở đây. Vừa lúc ấy, lính châm lửa vào giàn. Lửa bùng bùng bốc cháy. Những ngòi lửa đỏ lòm lập lòa liếm quanh người Trường Thọ Vương như đang còn nếm thử. Thái tử bỗng giục mình: Phụ vương đã thấy mặt con. Mắt Thái tử như đỏ đồng tử. Nhưng tia lửa trên giàn hỏa kia liệu có rực đỏ bằng những tia lửa cảm hờn trong mắt chàng thiếu niên ấy? Mội chàng mím lại, lúng búng một tiếng thét bị dẫn vào trong: "Cha ơi! Con sẽ trả thù! Con phải trả thù! Trả thù cho cha!"

Lửa bắt đầu cháy mạnh. Trường Thọ Vương muốn nói với con đôi lời trăng trối. Người ngựa mặt lên trời để tránh sự nghi kỵ của đám tay sai Phiên vương. Người kêu lớn:

- Trường Sanh con! Hãy tưới tình thương và đức độ xuống hận cừu. Đừng bao giờ dùng gươm giáo để trả lời gươm giáo. Hãy sống cuộc đời Chư Phật, hỷ xả, tử bi...

Giàn lửa rừng rực, rừng rực. Lửa như reo hát, múa men. Những lời cuối cùng ấy bị tiếng lửa át mất. Thái tử nhìn trần trời và đau đớn vô cùng. Mắt cha hiền nhìn chàng tối nhắm lại. Mùi khét lại bắt đầu lan xa...

Thái tử ngất đi trong đau thương cùng tận. Chàng đã thổ huyết đến 5 lần. Tuổi mười bốn ấy sớm chứng

kiến những đau khổ của đời nên trở thành già dặn. Chàng bỏ vào rừng để nguôi ngoài tâm sự. Nhưng cứ một bước đi, một cái nhìn, hình ảnh cha hiện trên giàn hỏa rừng rực chảy cứ hiện ra như thực giục tăng trưởng ý chí phục thù. Chàng nghĩ:

- Nó đã giết cha ta. Nó đã cướp giang sơn ta. Phải lấy máu kẻ thù rửa hận. Giết! Giết!

Sương nắng của núi rừng rèn luyện thêm lòng chàng. Đói rét của cuộc đời lang thang thử thách con người chí khí. Thái tử đã quyết báo phục thù. Chàng lại lần mò về kinh thành Ba Diệp. Chàng tìm mọi cách để được gần Phiên vương.

Một viên đại thần thấy chàng có sức lực nên nuôi và cho chàng trồng rau. Vốn bật thiệp và thông minh, chàng lần hồi được mọi người mến phục. Những việc khó giải quyết trong nhà viên đại thần, chàng đều giải quyết được cả. Vì thế chàng trở thành kẻ tâm phúc của ông ta. Nhưng ông không hề biết đó là Trường Sanh Thái tử vì chàng cải trang rất khéo.

Một hôm, ông hỏi Thái tử: - Này, nhà ngươi có tài gì đặc sắc nữa không?

- Thưa đại quan tôi có tài làm bếp.

Quả đúng như lời, Trường Sanh nấu ăn còn giỏi gấp mấy anh bếp trong nhà. Viên quan rất thích. Muốn khoe người bếp giỏi, ông ta mời Vua đến dự tiệc tại tư dinh.

Thái tử cố gắng nấu ăn thật ngon để thâm phục làm ham thích của Phiên vương. Quả nhiên, Phiên vương nài nỉ viên đại thần trao cho mình người đầu bếp. Và Thái tử nghiêm nhiên trở thành người đầu bếp riêng của nhà Vua.

Chàng tìm cách mua chuộc lòng tin yêu của Vua và đã nhiều lần chàng tỏ rõ sự thông minh uyên bác của mình. Phiên vương rất mến phục cho làm kẻ hộ vệ tâm



phúc của mình. Hơn nữa làm việc gì Vua cũng hỏi ý kiến của chàng. Đi đâu, Vua cũng cho chàng đi theo.

Ngày mong đợi đã đến. Hôm ấy, chàng phò Vua đi săn. Mãi theo con mồi, Vua cùng chàng tiến sâu vào trong rừng thẳm. Kể ra thì Trường Sanh cũng biết lối ra nhưng chàng cố ý đưa Vua đi lạc.

Mặt trời đã lặn mà hai người còn lẫn quẩn trong rừng. Đoàn hầu cận không có một ai. Những tàn cây u ám giăng bóng tối che khuất ánh sao đêm leo lét phía chân trời. Vua buộc lòng phải ngủ dưới một gốc cây. Thái tử đeo gươm đứng hầu bên cạnh.

Cơ hội tốt đã đến. Trường Sanh cứ nhìn kẻ thù đang mê mệt dưới chân mình. Tâm tư chàng thúc dục: "Nó đã giết cha mày, chiếm giang sơn của mày! Còn chờ chi nữa mà không ra tay!" Chàng rút gươm ra khỏi vỏ. Bỗng nhiên chàng như thấy đôi mắt dịu hiền của Trường Thọ Vương trên giàn hỏa. Tiếng nói của người như đang dội lại trong lòng chàng: "Con ơi hãy tưới tình thương và đức độ xuống hận cừu. Đừng bao giờ dùng gươm giáo để trả lời gươm giáo. Hãy sống cuộc đời Chư Phật, hỷ xả, từ bi..." Ôi lời cha còn đó, Thái tử có thể quên chăng? Chàng run tay, thanh gươm bén lại hiền lành chui vào vỏ. Vừa lúc Phiên vương thảng thốt thức dậy:

- Nay Khanh trầm vừa mơ thấy một người muốn giết trẫm.

- Muôn tâu bệ hạ, có lẽ hơi lạnh thấm vào người sinh ra mộng mị. Có hạ thần đứng đây thì ai mà dám bén mảng?

Phiên vương yên tâm nằm xuống ngủ. Hình ảnh cha mình bị thảm sát lại hiện lên rước mắt Thái tử. Tâm tư chàng lại thúc dục: "Còn chờ gì nữa mà không lấy máu kẻ thù tế cho linh hồn cha..." Trường Sanh cương quyết

tuốt gươm. Nhưng cũng vẫn đôi mắt dịu hiền, vẫn câu nói ngày xưa vằng vẳng: "... Hãy sống cuộc đời Chư Phật, hỷ xả từ bi!" Trong tâm hồn Trường Sanh hai dòng nước ngược đang ào ạt chảy: một dòng hận cừu đổ máu, một dòng đức độ thơm ngọt sữa hiền. Giữa ngã ba đường ấy biết về đâu?

Đã ba lần, chàng rút gươm toan hạ thủ nhưng nghĩ đến lời cha dặn, chàng lại thôi. Cuối cùng không chịu nổi sự dày dạn của lòng, chàng hét lên tức bực:

- Hỡi kẻ thù tàn ác, vì danh giá nhà ta, vì lời dặn cha ta, ta sẵn lòng tha cho người.

Từ bi đã thắng hận cừu. Thanh gươm bây giờ không còn chịu ra khỏi vỏ. Phiên vương tỉnh dậy ngỡ ngẩn:

- Khanh ơi! Trẫm vừa chiêm bao thấy con của tiên vương tha trẫm mà không trả thù. Khanh có biết là điềm gì không?

Trường Sanh trả lời trong nước mắt:

- Thừa Ngài, con của vua nước này chính là tội đây. Khi cha tôi bị ngài thiêu trên giàn hỏa có căn dặn tôi không nên buộc chặt oán thù, hãy noi gương Chư Phật sống cuộc đời từ bi, hỷ xả. Vì thế đã ba lần tôi rút gươm muốn giết ngài nhưng lại thôi.

Phiên vương vô cùng hối hận. Vua ôm chầm lấy Thái tử mà nức nở:

- Thôi Khanh hãy giết trẫm để báo phục thù, Trẫm không muốn Khanh phải khổ tâm hơn nữa.

Trường Sanh cảm xúc đáp:

- Không, hạ thần xin chịu tội. Bệ hạ hãy xử cho rồi!

Và cả hai im lặng. Đêm tối đã bắt đầu lui bóng. Phía chân trời ánh bình minh le lói như ánh sáng từ bi vừa loé sáng trong lòng người. Ôi ánh sáng từ bi! Từ quang đã dập tắt hận thù, chiếu

sáng tâm hồn người đoạ lạc. Từ quang ôi! Hãy tuôn chảy như suối thác, như sông biển dạt dào xuống lòng nhân loại si mê.

Phiên vương ôm đầu suy nghĩ. Vua thấy tội mình mới lớn làm sao. Gương sáng của Trường Thọ Vương làm ngài thấy hổ thẹn. Một ý so sánh chợt đến trong óc ngài. Vua nói:

- Khanh ơi, đêm nay ta bắt gặp những gì cao đẹp nhất của đời. Chiến tranh và hận thù đều là tội lỗi. Không gì quý bằng tình thương.

Trời đã sáng hẳn, Thái tử dắt vua ra khỏi rừng. Các quan đang nóng lòng chờ đợi. Đêm rồi nào ai biết vua ở đâu? Vua hỏi hết bá quan:

- Các Khanh có biết Thái tử con vua cũ nước này ở đâu không?

Rồi không đợi trả lời, người nắm lấy tay Thái tử, cao giọng:

- Đây là ân nhân của ta, Trường Sanh Thái tử con vua cũ, người đã vì hiếu quên thù. Nay các Khanh, không có gì cao cả cho bằng đức độ của tiên vương. Hãy nghe theo lời người... "Tưới tình thương và đức độ xuống hận cừu..."

Ngày hôm sau, Phiên vương trả nước lại cho Thái tử. Công đức Trường Thọ Vương được tán tụng khắp nơi. Thái tử nối chí cha, gieo rắc từ bi trong lòng nhân loại. Cuộc đời vì thế bớt đau thương...

Huyền Thanh

(Đây là một chuyện tiền thân của Phật Thích Ca do chính Ngài kể lại.

Trường Sanh Thái tử là A Nan đệ tử yêu quý của Phật, còn Phiên vương là Đề Bà Đạt Đa)



PHẬT ĐÀI HÒA MỸ

Quảng Hạnh

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Phật Đài Hòa Mỹ được dự tính xây dựng từ năm 1965. Phật đài cao 30m, có 5 tầng dự trù để lưu trữ kinh Phật sau này sẽ thỉnh về từ các quốc gia theo Phật giáo như Nepal, Tích Lan, Thái Lan, Trung Quốc... Công trình lúc đầu được làm theo kỹ thuật đúc bê tông từng phần rời, rồi đưa lên lắp ghép. Tuy nhiên, công trình không thành công vì các mảnh bê tông không thể ăn khớp với nhau, đành phải bỏ hoang sau khi Trung Tướng Nguyễn Chánh Thi - người đỡ đầu cho công trình này- bị chuyển chuyển khỏi Vùng I Chiến Thuật.

Vào năm 1969, chư tăng tại Tỉnh Hội Đà Nẵng xin với Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm cho tiếp tục xây dựng Phật đài. Trung Tướng Lãm có phái Trung Tá Phan Phiên đi với một sĩ quan Công Binh đến nghiên cứu. Trung Tá Phan Phiên sau đó đã trình với Trung Tướng Lãm là công trình vừa khó khăn vừa tốn

kém, không thể thi hành được.

Đến cuối năm 1970 Đại Tá Nguyễn Bình Thuần - khi đó là Trưởng Ban Thường vụ Hội đồng Xây dựng Nông Thôn Vùng I Chiến Thuật - trong một chuyến đi thanh tra các ấp đang xây dựng tại tỉnh Quảng Nam, đã đến xã Hòa Minh vào khoảng 4 giờ chiều. Sau khi cuộc thanh tra hoàn tất thì Ấp trưởng có nói: "Thượng Tọa Thích Hạnh Châu muốn được gặp Đại Tá."

Sau đó Thượng Tọa Thích Hạnh Châu đã mời Đại Tá Thuần tới Niệm Phật Đường nằm tại xã Hòa Mỹ, và cho hay đêm qua Thượng Tọa nằm mộng thấy một lũ trẻ đang chơi đùa trên miếng đất dự trù để xây dựng Phật đài, đột nhiên có ông Thổ Địa hiện lên nói: "Kể từ nay các con không được đến đây chơi nữa, vì ngày mai có người xây Phật đài tới rồi." Lũ trẻ dạ ran rồi tản đi tứ phía. Thượng Tọa nói: "Từ sáng hôm nay tôi chờ đợi nhưng không



thấy có ai đến cả, mãi bây giờ mới thấy Đại Tá. Không biết ông có ứng vào điềm mộng này không?” Nói rồi Thượng Tọa đưa hồ sơ xây dựng Phật đài cho Đại Tá Thuận xem.

Là một sĩ quan Công Binh xuất sắc, đã từng du học ở trường Công Binh E. A. G. d'Angers của Pháp, khi mở hồ sơ ra xem Đại Tá Thuận như bị mê hoặc bởi công trình này. Ông nói với Thượng Tọa Thích Hạnh Châu: “Thầy cho con mượn hồ sơ này về nghiên cứu, thứ bảy tuần sau khoảng 4 giờ chiều con sẽ đến trả lời.” Sau khi nghiên cứu, Đại Tá Thuận thấy muốn xây dựng thành công Thích Ca Phật Đài thì phải thi công bằng phương pháp đổ bê tông cốt sắt từng phần. Chi phí ước tính khoảng mười triệu đồng, tuy nhiên lúc đó lại không có tiền bạc, vật liệu gì trong tay! Nhớ đến giấc mộng của Thượng Tọa Thích Hạnh Châu, Đại Tá Thuận tin rằng nếu có đức Phật gia hộ thì việc khó đến đâu cũng sẽ thành.

Lúc bấy giờ Đại Tá Lê Trí Tín (em họ của phu nhân Đại Tá Thuận) đang làm Tỉnh trưởng tỉnh Quảng Nam. Đại Tá Thuận đến gặp Đại Tá Tín ngỏ ý muốn được ủng hộ cho dự án xây dựng Phật đài tại thôn Hòa Mỹ, xã Hòa Minh. Sau khi xem xong dự án, Đại Tá Tín đồng ý cấp cho Đại Tá Thuận 1000 bao xi măng. Đại Tá Thuận thấy có thể khởi công được nên đúng hẹn đến Niệm Phật Đường thôn Hòa Mỹ thì thấy ngoài Thượng Tọa Thích Hạnh Châu còn có các Thượng Tọa Thích Minh Chiếu, Thích Hạnh Đạo và Thích Quang Thế thuộc Tỉnh Hội Đà Nẵng. Đại Tá Thuận trình bày với chư tăng nếu đồng ý cho làm đến đâu hay đến đó thì mới dám bắt tay vào việc xây dựng Thích Ca Phật Đài này. Chư tăng đều nói: “Duyên của Đại Tá đến đâu thì hay đến đó.”

Tháng 2 năm 1971 Đại Tá Thuận đứng ra cho khởi công dự án xây dựng Phật đài. Vì bận rộn công vụ nên Đại Tá Thuận cử một sĩ quan công binh dưới quyền là Trung Tá Lưu Ngọc Thuận làm trưởng công trường.

Tháng 6 năm 1971 xây dựng xong tòa sen thì hết vật liệu vì số xi măng 1000 bao phải bán đi một phần để nuôi ăn nhân công (đa số là Phật tử tự nguyện làm không lương) và mua sắt tròn. Đang lúc khó khăn thì xảy ra nạn lụt tại các tỉnh miền Trung, Đại Tá Thuận được cử làm Tổng Thư Ký Ủy

Ban Cứu Trợ Nạn Lụt Miền Trung. Sau khi hướng dẫn Bắc sĩ Quốc Vụ Khanh Phan Quang Đán - Tổng Thư Ký Ủy Ban Cứu Trợ Trung Ương - ra thanh tra vùng bão lụt tỉnh Quảng Nam, Đại Tá Thuận đưa Bắc sĩ Đán tới

thăm Phật đài Hòa Mỹ và cho biết công trình xây dựng đến đây có lẽ sẽ phải bỏ dở vì đã hết vật liệu! Bắc sĩ Đán nói: “Tôi giúp Đại Tá.” Khi về Sài Gòn, Bắc Sĩ Đán cấp cho Đại Tá Thuận 6500 bao xi măng nên công tác xây dựng Phật đài lại được tiếp tục.

Tháng 7 năm 1971 Trung Tá Lưu Ngọc Thuận được chuyển về Bộ Chỉ Huy Công Binh ở Sài Gòn nên Đại Tá Thuận ngoài công vụ, ngày nào cũng phải ra đôn đốc công tác xây dựng Phật đài.

Tháng 1 năm 1972 việc xây dựng Phật đài hoàn tất, còn dư lại 2500 bao xi măng, nên Đại Tá Thuận muốn xây dựng một ngôi chùa theo mô hình của chùa Vĩnh Nghiêm. Tuy nhiên lúc đó ông bị đồng

nghiệp ghen ghét, sàm tấu với Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm, nên phải chuyển chuyển đi Đà Lạt. Đại Tá Thuận đã chuyển giao cho Thượng Tọa Thích Minh Chiếu 2500 bao xi măng còn lại để có thể bắt đầu xây dựng ngôi Đại Tự. Tuy nhiên Thượng Tọa Thích Minh Chiếu lại không có duyên với Phật sự này. Phật đài Hòa Mỹ nằm cách thành phố Đà Nẵng khoảng 8 cây số về hướng Bắc ngay cạnh Quốc lộ 1 là Phật đài lớn nhất nước Việt Nam thời bấy giờ.

Mùa hè đỏ lửa năm 1972, người dân Quảng Trị chạy vào Đà Nẵng rất nhiều. Nghe nói trong đó có các ni sư do Sư Bà Diệu Lý dẫn dắt đã tới trú ngụ trong Phật đài Hòa Mỹ. Sau đó Sư Bà là người đứng ra xây dựng ngôi chùa Quang Minh, hoàn thành vào năm 1994. Phật đài Hòa Mỹ và chùa Quang Minh bổ sung cho nhau trở thành một thắng cảnh nổi tiếng ở miền trung Việt Nam, thu hút Phật tử đến để chiêm ngưỡng, dâng hương lễ Phật, cầu nguyện cho đất nước được thanh bình thịnh vượng, mọi người đều ấm no hạnh phúc.

(Viết theo lời kể của Đại Tá Thuận tại California)

Tháng 11 năm 2020

Phật Tử Quảng Hạnh

Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG BA

Khi ta chào đời, có những thứ không cùng có mặt với tiếng khóc, với cảm giác đói no, nóng lạnh của ta. Một trong số đó là sự hồ thẹn.

Năm xưa, có lần vào một đêm mưa nhẹ ở Nha Trang, tự dưng tôi muốn đi một cách thông thả xuống phố và tôi đã đánh một vòng tản bộ dưới cơn mưa đó. Thịnh thoàng ở Nha Trang mới có một cơn mưa phùn lất phất. Thường thường là mưa lớn. Cơn mưa nhỏ hạt nhất thì trong vài phút cũng đủ thấm ướt cả áo quần. Tôi đi như thế, băng qua con đường đất trên lưng đồi Trại Thủy, xuống phố, cố ý không mang theo áo mưa. Lầm lũi và thật chậm rãi, tôi đi xuống trung tâm thành phố Nha Trang, vòng qua đường Duy Tân chạy dọc theo bãi biển rồi quay lui, băng đồi Trại Thủy, về phòng riêng. Trên đường đi, hầu như tôi không lưu ý gì

chung quanh. Tôi cũng chẳng suy tư về bất cứ vấn đề gì. Trong tôi chỉ có cảm giác mát lạnh, vui vui. Những giọt nước mưa thì nhau vỡ trên cái đầu ít tóc của tôi, chảy từng dòng trên má, lòn xuống cổ, lặn vào áo trong và thấm vào da thịt. Chiếc áo nhật bình để đi đường của tôi nặng trĩu cả nước. Đồi chỗ trên đường phố, nước mưa chảy thành dòng, như con suối nhỏ. Chân tôi vui thích lội bì bõm trong dòng nước chảy xiết đó như thỏ còn bé.

Sau khi ghé phòng tắm để rửa chân, tôi về phòng riêng, cởi hết áo ngoài, áo trong, cởi tất cả và lấy khăn lau toàn thân. Sau đó tôi lên đi-văng, tắt đèn, nằm duỗi thẳng hai tay hai chân, trần truồng mím cười mà ngủ. Luật chùa ngăn cấm tăng sĩ làm điều đó, cho là mất tư cách, mất oai nghi. Nhưng tôi đã tự cho phép mình một lần. Tôi nghĩ những điều răn cấm tương

tự như vậy đều được chế ra để áp dụng trong đời sống tập thể ở các đại tùng lâm, các tu viện lớn có đông đảo tăng sĩ; còn đối với người ẩn cư trên núi thẳm rừng sâu, điều răn cấm như thế trở nên vô nghĩa. Tôi có phòng riêng, biệt lập với mọi người trong chùa thì có khác gì tôi đang ở một mình trên núi cao?

Đêm đó, tôi ngủ rất ngon. Nhưng khi tiếng chuông khuya lọt vào khung cửa sổ rộng, tôi giật mình thức dậy và sức thấy mình trần truồng, lập tức tự xấu hổ. Ôi niềm xấu hổ đã trở thành thói quen đến nỗi người ta không sao tẩy xóa được dù ở riêng một nơi hoang vu, tịch mịch không có bóng dáng người thứ hai. Rõ ràng là một câu nói trong *Luận ngữ* hay kinh luật của Phật, đã uốn nắn cho tôi cái thói quen tự chế đó. *Tọa mà thất như xử thông cù*, tức là ngồi trong phòng kín cũng phải giữ cái lễ như đứng

trước ngã tư đường. Phải thấy như mình đang ở trước một đám đông, phải giữ tư cách, phải biết hổ thẹn. Không thể hồn nhiên mãi như những đứa con nít. Phải trưởng thành và phải học mọi thứ từ nề nếp và qui ước của xã hội, của đoàn thể, của tôn giáo, vân vân.

Bây giờ đứng đây, trong cửa sắt ngăn cách với xã hội, bên cạnh người bạn tù đang cởi trần mặc quần cụt, tôi biết tôi có thể thực tập trở lại những động tác hồn nhiên của trẻ nít khi cởi bỏ áo quần. Và đồng lúc, tôi lột bớt sự hổ thẹn của mình để bắt đầu cuộc sống của một tù nhân.

Trong phòng không có chỗ nào để treo áo quần. Người ta không cho phép tù nhân có bất cứ một vật cứng nhọn gì trong phòng giam. Tôi phải xếp gọn áo quần của mình, đặt dưới đất, nơi đầu nằm.

Người bạn tù của tôi ngoài năm mươi tuổi. Khi ông đứng dậy bước đến bên cửa thông gió, đưa mũi ra ngoài để thở, tôi thấy tướng ông hiên ngang như một con gấu ngựa. Ông ta cao đến gần một thước chín, vạm vỡ, to lớn lạ thường. Cái bụng phệ đưa ra trước như một cái trống vẫn không làm giảm đi vẻ mạnh mẽ, rắn chắc của một gã đàn ông có thể lực tốt. Râu tóc ông đã điểm bạc. Hàm râu rậm với những sợi cứng, tua tủa chìa ra và quặp lên phía trên như những cái móc câu. Ngó ông, tôi bỗng liên tưởng đến hình ảnh của Từ Hải trong truyện Kiều. Có lẽ ông có cái bụng không được cân xứng với thân thể như cái bụng của Từ Hải, nhưng "*râu hùm hàm én mày ngài, vai năm tấc rộng lưng mười thước cao*" thì hẳn là chẳng chịu thua kém.

"Ăn gì chưa?" ông ấy hỏi tôi.

"Dạ chưa," tôi đáp.

"Vậy để tôi báo cho mấy anh trực sinh biết để họ đưa

cơm vào."

Dứt lời, ông gọi một anh tù đang quét dọn ngoài hành lang. Những người tù có tội nhẹ và án nhẹ, hoặc ở lâu gần mãn án, được cán bộ chọn ra để lo việc vệ sinh, chia cơm nước cho các tù nhân khác trong trại, được gọi chung là *trực sinh*. Từ nôm na hơn, thông dụng hơn, là "anh nuôi". Tôi thích cái từ nôm na ấy hơn là cái từ trực sinh, một từ Hán-Việt nặn ra từ khuôn hướng đưa đòi sáng tạo và tâm lý thích khoe chữ. Buổi chiều sau giờ ăn, các anh nuôi cũng bị tổng vào giam trở lại cho đến sáng hôm sau.



Một anh nuôi tiến đến gần cửa thông gió, hỏi:

"Gì vậy?"

"Thông báo cho anh biết có tù mới vào phòng này, chưa có cơm nước gì cả."

"Đưa ca ra đây," anh nuôi nói.

"Anh ta mới vào, đi tay không, có ca đâu mà đưa."

"Có đồ đạc gì không?"

"Đã nói rồi anh ta đi tay trơn à."

"Tội gì?"

"Chính trị."

Anh nuôi bước qua phòng giam tập thể đối diện phòng biệt giam chúng tôi. Nơi đó, có người bạn tù không quen biết nào đó đã biếu tặng tôi một ca cơm và cái muỗng nhựa cắm sâu vào đó. Anh nuôi quay lại

đưa cho tôi ca cơm ấy. Vừa nhận xong các thứ linh tinh đó từ tay ông bạn tù chuyên vào, đã nghe cửa gió đóng sập một tiếng mạnh: đến giờ nghỉ trưa.

Tôi ngồi xuống nền xi-măng. Trong phòng đã nóng, bây giờ càng nóng hơn. Đã vậy, không khí có vẻ bị thiếu đi trong không gian chật hẹp. Chỉ một chốc, mồ hôi đã tẩm ướt thân tôi, chẳng có gì có thể dùng thay quạt. Người bạn tù của tôi có một tấm cạp-tông nhỏ, hai bên được dán đắp lên cho dày bằng những bao thuốc lá Hoa Mai và Đà Lạt. Ông ta thấy cái quạt tự chế đến tôi:

"Quạt đỡ đi. Thay nhau mà quạt. Rán chịu rồi sẽ quen thôi. Cậu tên gì?"

"Thưa, tên Khang."

"Tôi là Trọng. Cũng tội chính trị như cậu, nhưng tôi chỉ bị tình nghi thôi. Cậu mới bị bắt hay ở trại nào chuyển qua?"

"Dạ mới bị bắt sáng nay."

"Bắt ở nhà hả?"

"Thưa không, bị bắt ngoài đường."

"Khổ thân! Như thế ở nhà chắc chẳng ai hay biết gì hết."

"Phải. Nhưng không sao, nhà không biết càng tốt chứ. Biết thì mất công lo lắng thôi, đâu ích gì."

"Nói như cậu là biết chẳng có kinh nghiệm gì ở tù cả. Thực ra bị tù công sản mà có gia đình biết, thăm nuôi mỗi tháng, thì còn có cơ may sống được đến ngày tự do. Và lại, gia đình biết cậu ở tù sẽ ít lo hơn là chẳng biết cậu trôi dạt nơi đâu. Chẳng phải vậy sao? Cậu có vợ con gì chưa?"

"Thưa chưa."

"Bao nhiêu rồi mà chưa vợ?"

"Dạ hai mươi sáu."

"Hăm sáu mà chưa có vợ con! Trẻ vậy! Vào tuổi đó tôi đã có hai ba đứa con rồi. Hề hề. Ở ngoài cậu làm nghề gì?"

"Ơ... chẳng làm gì. Giống như kẻ thất nghiệp vậy thôi."

"Thất nghiệp là phải! Cái mã của cậu chỉ ngồi văn phòng là thích hợp thôi chứ đâu có lao động nặng nhọc đua theo người ta được. Mà cái nghề ngồi phòng giấy ngày nay thì chỉ có con cháu gia truyền của tụi quý đó mới được ưu tiên thôi. Cậu làm sao chen vào nổi."

"Trước đây cháu cũng có làm ruộng, làm rẫy đó chứ."

"Cậu mà làm ruộng à? Nói thiệt hay giỡn chơi vậy! Cỡ như tôi đây, sức gấp ba người thường mà nghe tới ruộng, rẫy cũng thấy ngán nữa là... Thôi, mình ăn cơm trưa chứ."

Bữa cơm được bày ra. Mỗi người một ca cơm loại có dung tích một lít nhưng cơm chỉ được chừng nửa ca. Giữa chúng tôi là một chén cháo nhỏ, chỉ có mấy miếng cháo bị vữa nát nổi lên bề mặt trong chút nước tương sền sệt. Ông Trọng múc cháo bỏ vào ca cơm của tôi, nói:

"Rán ăn nghe. Chắc ăn kiểu này cậu không nuốt nổi đâu hả? Thôi, đàng nào mình cũng phải ở tù lâu rồi. Đừng lo nghĩ chi cho mệt. Ăn khỏe, ngủ ngon để có sức chịu đựng lâu dài."

"Không sao đâu chú. Cháu ăn uống kham khổ cũng quen rồi. Mà ăn chay kiểu này càng thích chứ sao. Chú cũng ăn chay à?"

"Đâu có, ở đây anh em cho gì mình ăn nấy. Cháo của mấy người có thằn lằn bên phòng giam tập thể họ biểu mình đó. Ở đây, hề mình mới vào thì người ta hỏi ngay mình tội gì, nếu nói là tù chính trị thì họ gởi đồ biểu xén cho đến ngày mình có thằn lằn mới thôi. Còn những tù hình sự như buôn đồ la, tổ chức vượt biên... họ đâu thèm đếm xỉa, hoặc có giúp đỡ chẳng thì cũng chỉ lấy lệ chứ không tận tình như đối với tù chính trị đâu. Thực ra tôi bị bắt ở nhà, gia đình đều biết cả, nhưng cán



bộ trại chưa cho phép thì cũng đâu có thằn lằn hay gỏi găm gì được. May mà lúc bị bắt đi có mang theo được áo quần, thuốc hút..."

Bữa cơm đạm bạc trôi qua thật nhanh. Ăn xong, ông Trọng bảo:

"Để ca ở đó đi. Chỗ này có nước mình tắm rồi rửa luôn thể."

"Bao giờ thì có nước, thưa chú?"

"Giắc trưa này thì thường có. A, có rồi kia."

Tôi nhìn sang cái vòi nước cạnh nhà cầu, thấy nước chảy lờm tờm từng giọt. Có một bình nhựa dung tích khoảng một lít rưỡi đặt sẵn ở đó để hứng nước. Vòi nước được ông Trọng mở sẵn, không bao giờ đóng. Tôi nói:

"Đâu có, nước đâu đã chảy!"

"Đó, chảy đó. Chảy như vậy chứ muốn chảy sao nữa! Hề hề. Nó chảy như thẩn lẩn đái á. Như vậy là tốt rồi. Mình hứng đầy mấy cái ca với bình nhựa là đủ tắm thôi."

Nói rồi ông ấy bước đến vòi nước, rửa cái ca nhựa của ông và luôn tiện rửa luôn cái ca của tôi nữa. Tôi giành làm việc đó nhưng ông xua tay bảo tôi cứ nghỉ cho khỏe, khi nào có nước đủ tắm ông sẽ gọi. Tôi ngồi bó gối quan sát kỹ phòng

giam.

Vì là phòng đôi nên chúng tôi có được hai cầu tiêu và hai vòi nước. Nhưng cầu tiêu và vòi nước phía phòng 8 đã bị hư. Sửa cầu tiêu có lẽ là công việc khó khăn, trở ngại, tốn nhiều thời gian và công sức. Có lẽ đó là lý do người ta đập cái vách ngăn đôi hai phòng. Vách đục bề dày hai tấc. Không có chỗ nào để bám tựa vào mà leo lên trần nhà. Trần nhà khá cao, cũng đục bằng bê-tông có một lỗ vuông trống với diện tích ngang bằng với cửa thông gió dưới này. Công dụng của lỗ trống này không phải để thông gió, mà để mấy anh lính gác ở tầng trên có thể nhìn xuống quan sát người tù trong phòng. Lỗ vuông trên trần nhà được ngăn lại bởi một tấm lưới sắt. Qua tấm lưới sắt, tôi thấy một cái bóng đèn tròn cỡ 100 watt. Có lẽ tấm lưới sắt được gắn vào để bảo vệ cái bóng đèn nhằm tránh sự phá hỏng của tù nhân bên dưới. Mỗi phòng có một bóng đèn. Như vậy, cái phòng ăn thông giữa tôi và ông Trọng có được hai bóng. Có điều, theo ông Trọng nói, điện chỉ được thắp lên từ sáu giờ chiều cho đến sáu giờ sáng hôm sau.

Trên vách, phía đầu nằm của phòng 9, tức là phía của tôi, có một ảnh đức Phật Thích Ca, có lẽ được vẽ bằng

đầu cây diêm quẹt, đường nét khoét sâu vào lớp vôi dày, không màu sắc, ở trong bóng tối phải nhìn kỹ mới thấy. Vách phía phải bên phòng 8 của ông Trọng là ảnh đức Chúa Giê-su trên thập tự giá. Cả hai bức ảnh đều do bàn tay của một họa sĩ kỳ tài vẽ nên. Nét vẽ rất điều luyện, sống động, làm nổi bật phong thái riêng của hai vĩ nhân siêu việt của nhân loại. Đức Giê-su với khuôn mặt an nhân, tha thứ và chịu đựng; đức Thích Ca với vẻ an nhiên, tự tại và nụ cười từ bi, giải thoát.

Tôi được hơn ba lít nước để tắm. Phải xối nước thật tận tiền mới đủ. Nhưng cũng thật là thú vị để được tắm một cách trang nghiêm và đầy sự chú tâm như thế. Tôi cũng lắng nghe những giọt nước trong mát chảy trên cơ thể y như lúc nào đi trong mưa vậy. Ông Trọng tắm trước rồi, bây giờ ngồi nhìn tôi, ông bật cười vì tôi vẫn còn mang cái e thẹn xấu hổ từ thế giới bên ngoài vào. Khi tôi thay đồ, ông nói:

"Lần sau có tắm cậu đừng bận quần nữa. Thiết đúng là cậu chưa từng ở tù. Đây, cậu coi, có một một cái quần cụt mà làm cho nó ướt đi thì có phải là cậu phải mặc quần dài suốt ngày trong cái

phòng nóng như thiêu này không! Còn thay đồ cứ thay tự nhiên, làm gì mà trốn nấp vậy! Làm như con gái không bằng! Ở tù phải đẹp ba cái chuyện mặc cỡ, rụt rè. À này, chắc hồi trước đến giờ cậu chưa hề đi lính phải không?"

"Không hề," tôi đáp.

"Thào nào. Nếu cậu có ở trong quân đội rồi thì chuyện ở tù cũng không khó lắm đâu. Nói tóm là phải có sống một đời sống tập thể thì mới sớm quen thuộc được với cảnh tù."

Ông Trọng nói vậy mà không biết rằng tôi cũng đã từng sống tập thể. Nhưng cái tập thể của tôi không phải là tập thể quân đội. Cái tập thể đó không những đã dạy tôi nếp sinh hoạt đồng đội và sự phân công phân nhiệm hợp lý trong nếp sống chung, mà còn dạy tôi kiểm soát thân và tâm, đưa tất cả mọi ý nghĩ, lời nói, động tác vào khuôn khổ nề nếp của một con người trang nghiêm, có đạo đức. Con người ấy đâu cần thiết phải biết đứng tổng ngồng trơ trên trước đám đông mà không hổ thẹn. Con người ấy không cần thiết phải biết thay áo quần thật nhanh, chạy thật lẹ, ăn thật mau, nói thật lớn tiếng... mà tất cả đều phải ngược lại: chậm, trang nghiêm, cẩn

trọng, đầy chánh niệm. Dù sao, tôi cũng phải cố gắng và tin là vài lần sau đó, tôi sẽ quen được việc khóa thân trước mặt kẻ khác, dù kẻ ấy là một gã cai tù, một tù nhân đứng tuổi; hoặc thậm chí, kẻ ấy là một đức Phật, một tượng vẽ trên vách tường...

Tôi ngả lưng một giấc ngắn thì nghe tiếng khóa mở lách cách. Ông Trọng nói:

"Mặc áo vào đi. Nó kêu cậu lên hỏi cung tiếp đó."

Cửa sắt mở toang ra với tiếng khô khốc của cặp bản lề rỉ sét. Đúng như ông ấy đoán, một viên cán bộ thò đầu vào, gọi tên tôi và hồi thúc, làm tôi chưa kịp cài nút áo.

"Ra ngoài rồi cài nút," ông Trọng nhắc và cầm đôi giép da đưa tôi, ra dấu tôi bước ra ngoài gấp.

Tôi ra ngoài, đứng cài nút áo và mang giép. Viên cán bộ lườm hỏi tôi:

"Mới nhập trại hả?"

"Vâng."

"Lần sau nghe gọi là ra liền nhé, chậm là tôi đập cho một cái à!"

Tôi được đưa đến bàn trực ở đầu dãy. Long và Hùng đang chờ tôi ở đó. Long ra hiệu tôi đi theo anh về phía phòng vấn cung. Lúc ấy các phòng vẫn cung đề trống vì hãy còn trong ngày Chủ nhật. Tôi chẳng hiểu sao khi sáng Long nói ngày mai mới làm việc tiếp, vậy mà chiều nay anh đã trở lại. Long kéo ghế ngồi trước, soạn hồ sơ ra. Tôi ngồi vào ghế còn lại. Hùng vẫn đứng ở mép cửa.

"Sao, ở dưới đó thoải mái không?" Long hỏi.

"Cũng thường," tôi đáp.

Im lặng một lúc như để lựa lời, Long nói:

"Đáng lẽ ngày mai chúng ta mới làm việc, nhưng tôi muốn tranh thủ làm sớm cho xong. Chắc anh Khang cũng muốn vậy, phải không?" Long tăng hắng một tiếng, tiếp tục. "Tôi vẫn còn thắc mắc một điểm là ai đã soạn





viết các tài liệu cho Lực Lượng Việt Nam Phục Quốc Nội Biên. Cuối các bài viết đều có đóng dấu và cả chữ ký của ông Trần Văn Lương hoặc Chủ tịch Nguyễn Hữu Thiện, nhưng trên thực tế, chúng tôi biết ông Lương và ông Thiện không tự viết các bản văn ấy. Họ chỉ đọc và ký thôi. Người khác viết. Mà có người khai là chính anh viết.”

“Vâng, tôi viết.”

Tôi chấp nhận sự kết tội đó dễ dàng quá khiến Long hơi lúng túng. Hình như anh mong đợi là tôi khẳng khái chối cãi để rồi buộc tội phải khai một người nào khác đã làm công việc ấy. Long ngập ngừng, rồi nói:

“Tôi không nghĩ vậy. Phải có một người khác. Có thể là người kia soạn viết và anh chỉ góp ý hay hiệu đính các tài liệu đó thôi.”

“Tất cả đều do tôi..”

“Thế bây giờ anh có thể viết lại y hệt những tài liệu đó không?”

“Y hệt thì dĩ nhiên là không. Nhưng viết lại các văn bản ấy bằng một bố cục và lời lẽ khác thì được.”

“Thế anh có thể nói lại đại ý các văn bản mà anh đã soạn viết không?”

“Anh nói văn bản nào?”

“Anh viết mấy bản?”

Long khôn khéo hỏi lại.

“Thế anh tịch thu được

mấy bản?” tôi cũng hỏi ngược lại Long.

“Anh không có quyền hỏi tôi đâu. Anh chỉ có bổn phận khai cung là anh đã viết bao nhiêu bản văn cho tài liệu truyền đơn của lực lượng Phục quốc mà thôi!”

“Tôi không chối chạy đâu. Tôi chỉ yêu cầu anh nói rõ là anh muốn tôi nói đại ý của bản văn nào mà thôi.”

Long ngập ngừng một lúc rồi nói:

“Lời hiệu triệu quốc dân.”

“Ừ thì bài đó là lời hiệu triệu của lực lượng Phục quốc, kêu gọi toàn dân đứng dậy lật đổ chế độ cộng sản, kêu gọi cả những người đã lầm lỡ đi theo con đường cộng sản sớm quay trở về với dân tộc để cùng nhân dân xây dựng một xã hội dân chủ, bình đẳng, thịnh trị, thái bình. Đại ý lời hiệu triệu chỉ có vậy thôi. Cùng một ý đó, anh muốn tôi viết lại bao nhiêu bản hiệu triệu có bố cục và lời lẽ khác nhau, tôi đều viết được cả.”

Hai má Long giật giật lên mấy cái. Y lườm tôi một lúc rồi cười khinh khinh, nói:

“Bè nạng chống trời.

Các anh chỉ biết điên cuồng làm công việc ấy. Thôi, không cần phải nói chuyện đó với anh. Rồi đây, ai là kẻ chấp bút, làm bí thư cho

ông Lương cũng sẽ lòi ra, không che giấu gì chúng tôi được đâu.”

“Tôi có che giấu đâu. Tôi đã tự nhận tôi viết rồi mà.”

“Không phải anh. Có một người khác viết hết các văn kiện. Còn anh thì chỉ sửa chữa hay góp vào một vài quan điểm chính trị mà thôi.”

“Thế à? Ừ thì vậy cũng được đi. Tôi viết hay ai khác viết thì cũng ý đó, quan điểm đó. Cũng là chống lại chế độ này cả. Có khác gì đâu chứ.”

“Anh đồng ý là có một kẻ khác viết, phải không?”

“Không. Tôi nói là tôi viết. Còn chuyện tin hay không là quyền của các anh.”

Long ghi vào sổ tay. Xong, y đốt thuốc, ngậm chắc điếu thuốc giữa hai môi, bập mấy cái rồi nói:

“Chuyện đó tạm gác lại, điều tra sau. Bây giờ tôi muốn anh kể lại nguyên do nào đưa dẫn anh đến chuyện rời bỏ chùa Già Lam, thành lập tổ chức từ thiện tên gì nhỉ, à, Đoàn Phật Tử Phụng Đạo, rồi lại để ra cái gọi là Hội Lạc Long tại Long Thành, ngay chính ở cơ sở của anh? Không phải chỉ nguyên do không thôi, ý tôi còn muốn hỏi là những ai đã xúi giục anh, hoặc đã tham gia, cộng tác với anh trong các tổ chức nói trên.”

Câu hỏi của Long đẩy ngược tôi về bao nhiêu chuyện đập đồn của năm năm trước.

(hết Chương Ba, mời đọc tiếp Chương Bốn vào kỳ tới)

